



KÝ THÁC

BÌNH NGUYÊN LỘC

KÝ THÁC

(tập truyện ngắn)

Bình Nguyên Lộc

ký thác

bình nguyên lộc

bìa: *Internet*

trình bày: *Muôn Phương*

nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

ký thác

BÌNH NGUYÊN LỘC

MỤC LỤC

1. Rừng Mắm	11
2. Hạ Bê	49
3. Ba Con Cáo	69
4. Ba Sao Giữa Giời	101
5. Ăn CƠM Chưa	119
6. Pi-Pế-Hán	137
7. Cho Tay Nầy, Lấy Tay Kia	153
8. Hồn Ma Cũ	171
9. Người Đàn Ông Đẻ	187
10. Lầu 3 Phòng 7	223

11. Kẻ Chiến Bại	241
12. Rung Cây Dừa	255
13. Đồng Đội	279
14. Người Tài Xế Điên	299
15. Nắng Chiều	311
16. Đôi Bạn Mắc Hoa Vòng	327

1. RỪNG MẮM

Truyện RỪNG MẮM đã được dịch ra Pháp văn do Nghiêm Xuân Việt, đăng ở tập san Pen Club. Bản dịch ra Anh văn do nhà văn J. Banerian ở San Diego, đã xuất bản trong tập Vietnamese Short Stories.

Chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo dõi con chim thầy bói ấy từ nãy đến giờ, chờ đợi cái phút này đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thấy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt rạch giây lát rồi như bị đứt dây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước, nó lại bị bắn tung trở lên như một cục cao su bị tưng, mỏ ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt lên trời để theo dõi ông câu kỳ dị và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ rạch níu lại.

Trên một tàu dừa nước, một con chim thẳng chài xanh như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và bền chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thẳng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cả, từ ông nội nó cho đến những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim thẳng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các

lão cò sâu nảo là ngang vai thôi, cái bên chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhứt là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thẳng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thẳng chài ngay. Là vì đầu cò chớm chớm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kếp võ hát bội gấn lông trĩ trên mào kim khôi mà nó đã mê, cách đây mấy năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa giỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm tía nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuống cui, một thứ xuống to mà người ta gọi là xuống mẹ,

ghe con. Rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng này đến kinh hiu quanh nọ, và rốt cuộc dừng bước nơi cái xó không người này mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô-Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn là thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuống cui vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương mù từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện ma rởn óc như ăn phải trái bần chua. Nhưng dầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sâm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó

cũng không nghe từ lâu. Con chó săn và mấy con gà giống mang theo, đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác này: nóng, ẩm, còn muỗi mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thèm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước:

Hò ơ... tháng ba cơm gói ra hòn,

Muốn ăn trứng nhận phải lòn hang mai.

Mũi xuống cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuống, chồng chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng này, Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ

biết họ ra biển để bắt cua và bắt ba khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhút là tiếng hát, Cộc sừng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thèm hơn bao giờ cả. Nên chi Cộc nhìn xuống chèo khuất dạng rồi thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô-Heo.

Trọn vùng này, ông nội nó đặt tên là Ô-Heo. Nhưng riêng trong trong riêng gia quyến nó thì Ô-Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú. Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng. Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và việc canh tác của gia quyến nó về sau này đã đuổi thú dữ đi xa.

Tuy nhiên, để phòng chúng trở lại, ông

nội nó đã cấm nó lên Ô-Heo một mình. Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô-Heo có sức quyến rũ của một trái cấm, nhưng về sau, nó gặp người nơi đó.

Đó là vài người đàn ông và đàn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đàn ông thì đến để gác quốc, gác nhan sen, còn đàn bà thì để nhổ bồn bồn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sinh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn, mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ. Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng, và lửa, như con vật khổng lồ, đã tấp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm nầy. Thành ra ruộng nhà nó mang một hình tròn kì dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc; đứa bé bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó tấp.

Lúc ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống, để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh

những gốc tràm tươi rói không cháy được này, tía thẳng cột đành cấy lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa, tràm chết cũng vẫn còn đưa cẳng lên như vậy.

Sau lưng Cọc là những rặng tràm bị cháy sém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng “chết nhát”, cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trụi nhánh như cột nhà cháy, cầm hận nhìn chiếc chòi lá xa tít mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lấn đất của chúng, đã sát hại chúng.

Sau đó, rừng dày mịt, chần chịt những dây bông bong, dây choại, bò từ thân cây này qua thân cây khác.

Thẳng Cọc lảng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình bát, cây ráng, mọc xen với tràm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó, khua lên một cái roạch, làm nó giật mình, nhưng tiếng người trên Ô-Heo cách đó chừng hai hàng cây, giúp cho nó vững dạ.

Tiếng đàn bà hỏi:

– Anh hồng sợ thằng Mùi hay sao?

Tiếng đàn ông đáp:

– Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hót.

Cộc vẹt cỏ lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô-Heo sợ hãi ngồi dặng ra. Người đàn ông gác quốc là người quen, người đàn bà nhỏ bốn bốn thì lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị mà nó quen biết từ lâu.

Người đàn ông tự trấn tĩnh lại ngay,

ngoắt nó lại mà hỏi:

– Muốn về trần hay không Cộc? Muốn thì đi theo chị hai đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc mắc cở tía tai thì chị đàn bà hỏi anh kia:

– Ở miệt này có người sao anh?

– Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.

– Quen hay lạ?

– Lạ. Họ ở trên Sa Đéc lận.

Chị đàn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chột việc thăm lén của chị:

– Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu ở một chỗ như vậy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẽo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đàn ông kia. Mình trần của nó nổi u, nổi nần những bắp thịt rắn như nần bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nảy nở của thân thể nó đi song đối với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu bâng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng trầm trầm thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vậy là xấu đến mức nào và nó phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đàn bà nắm tay nó, rì nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt:

– Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà

sợ. Mấy mà về trên làm ruộng thì ai cũng ư. Làm rể có công, ba năm thì má chị gả con Thôi cho mấy liễn. Nói thiệt đó mà.

– Nó muốn trốn theo qua dữ lắm, người đàn ông nói, nhưng nó còn ngại.

– Ngại gì?

– Thì lo sợ cái việc xa xôi đất lạ đó mà.

– Em nè, chị đàn bà lại hỏi, nhà có mấy người?

– Bốn người?

– Ai với ai?

– Ông nội tui, tía tui, má tui với tui.

– Làm mấy công đất?

– Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.

– Gặt được bao nhiêu gạo mỗi mùa?

– Tám gia.

Chị đàn bà cười ngất một hồi rồi day lại hỏi nhưn tình:

– Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất, chỉ gặt được có tám gia thôi?

Người đàn ông không cười, đáp:

– Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.

– Rồi lấy gì mà ăn em nhỏ?

– Tía tôi đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.

– Đổi bằng gì?

– Bằng cá khô. Với lại cũng chẳng cần ăn cơm. Nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây, rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đón trên đầu gió một lát là chúng nó lạch cạch chạy trốn lửa, bắt không kịp lặn.

Chị đàn bà tỏ vẻ ái ngại một hồi rồi nói:

– Nãy giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc là anh đây cũng được.

Chị ta với tay sau lưng, lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngược mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị uống ừng ực vài cái rồi lại nói:

– Em có được ăn chè lần nào không?

– Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường nước, không có nhà cửa ai cả, không có quán tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.

– Ở Sa Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U Minh này?

– Tui cũng không biết tại sao. Nhưng ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả?

– Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh phải không?

– Gần.

– Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn?

– Tui lạy chị, đừng có nhắc chè, nhắc xoài nữa, tui thèm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trở buồng, chắc tôi được ăn ngọt đây. Ủi chà! Trưa rồi, chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha, anh, chị?

– Ủ về, mai mốt lại lên đây nữa nha?

– Xuống anh chị ở đâu?

– Dưới kia. Nhổ bồn bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa é mà. Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không?

Chuỗi cười của hai người nhơn tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó, trong giây phút, không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng trầm râm mát, mắt Cộc bỗng dừng như đổ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy, đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.

– Mấy đi đâu mà tới đúng bóng mới về?

– Tui đi lượm lông chim Long ô.

– Lông đâu?

– Mà kiếm hoài hông có.

– Mồ tổ cha mấy, nhiều chuyện. Chim Long ô đời xưa mới có chớ đời nay đâu còn

nữa. Mai gặt nghe không? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, Không ai nói với ai lời nào. Những người này, sống biệt tịch ở đây lâu ngày rồi, đã biến thành á khẩu vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh lắm như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nãy trên gò Ô-Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:

– Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì, tui quên rồi?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào từ năm năm rồi.

– Uống nước đọng trên lưng, trên rừng, chớ uống nước gì.

– Sao mình tới đây ông nội?

– Đã nói cho mây biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.

– Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.

Ông nội thẳng Cộc lặng thinh. Nó nhìn ông nội nó rồi chợt nhận ra rằng năm nay ông cụ già quá. Tóc râu của ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình nhớ mồ, nhớ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông nên dòm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng của bốn cái nồi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng Ngọ. Bốn cái nồi bể ấy, hèn là thế mà rất là công dụng đối với nhà nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành

bốn cái giá ba chơn treó như giá trống của bọn đòn thối đám ma. Trên mỗi giá, đặt một cái nồi lũng đít, và trong nồi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát dùng không được. Hành, ớt, rau răm, rau mồi om, được trồng trong mấy cái vườn cao chẳng đót. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được, không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao chẳng và tí hơn lại là chiếc đồng hồ của nhà nầy vào mùa khô. Cứ bằng vào bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay, và khi bóng nổi tròn vum che mất bóng giá là đúng Ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó day vô và hỏi tía nó:

– Năm nay mình gặt cỡ được bao nhiêu tía?

– Nhờ ông bà, đất nước, ít lắm cũng được hăm lắm gia.

– Cũng chưa đủ ăn.

– Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rưởi là số chót.

– Với lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa nàng Cùm thất gạo lắm. Năm tới ta gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hể chuối trở buồng thì năm tới tao trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hơn hở trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi thì cũng phải khá lâu mới có trái, trong khi đó nó tiếp tục thềm chè, thềm xưng xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhỏ bốn bốn, tức là có lắm duyên.

Con trai làng thấy con gái rất thường, thế mà họ còn thắm lén rủ nhau đi một ngày đường nước để ra đây gặp nhau, hưởng hồ gì nó chưa được nói chuyện với con gái lớn lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại thì không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chùa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo, mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy. Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như vắng vắng đâu trong không trung. Thần thờ, thằng Cộc nói lại câu hồi nãy, và giận giỗi, thêm một đoạn khiến ông nội nó giựt mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng:

– Ở đây mình có ruộng nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn ở đó có làng xóm, có người ta.

* * *

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lắm. Bỏ lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chó không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác trên đầu nọc thường.

Đó là những gốc tràm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đốn tràm cháy, tia thằng Cộc đã trù xa, đốn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưỡi nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, cò hương, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người

độc nhứt mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng này; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau, thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sinh tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết. Bà ta tăng hăng rồi cất tiếng hò:

Hò... ơ... tiếng anh ăn học lâu thông,

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường.

Hò xong câu đó ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tía thằng Cộc cứ làm thình mà gặt, khiến bà đăm ngượng nên cười rồi cự chồng cho đỡ mắc cỡ:

– Tía nó sao câm cái miệng lại, không bắt vậy?

– Hú, nhiều chuyện nà! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với gheo. Bộ còn trai gái gì đó sao?

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây, tóc đã nhuộm hoa râm rồi, bà cũng hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuynh khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau. Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhỏ bồn bồn bảo rằng nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ, nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chậc! Mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng Cộc chống xuống lúa để ra bờ rạch, còn tía nó, má nó và nó thì lội nước sinh mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ, phẳng lì

giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc càng nao nức muốn về làng.

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường?

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đố nó câu ấy chắc nó phải ngậm câm, cho dầu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó đã quên rồi thì còn biết là mấy đường để còn đáp cho thông. Từ lâu, nó chỉ có một chiếc quần xà lỏn trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm nó nhờ nóp che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gọi thềm như bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy, dùng bồ cho con cháu đổ lúa vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

– Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thình, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ô-Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi dòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chứ? Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua để đi một chuyến lắm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chơn trời xa lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nó tiếp, dặn mẹ nó:

– Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và

thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa mà về cho tiện.

* * *

Rạch Ô Heo nhỏ xíu cho nên trầm mọc ở hai bên bờ giao nhánh với nhau được và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới thấu nghĩa hai tiếng “hang mai” trong câu hát của bọn đi bắt ba khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô-rô và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuống trôi bon bon. Tuy vậy, ông nội và tía cũng chèo cần thận để mau tới nơi, hầu về kịp nội buổi chiều ngày đó.

Gần tới trưa, xuống không đi mau nữa.

– Nước đứng rồi, ông nội nói, tức ta gần tới cửa rồi.

Họ thôi chèo, để cho xuống trôi linh đình, không tiến cũng không lùi, rồi lấy cơm dĩa trong mo nang ra mà ăn.

Không đi thì thôi, đã trót đi, và lúc gần tới đích, thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hối hả rồi hỏi:

– Ra đó làm gì ông nội?

– Rồi mấy sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo ngược nước cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi kia mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà chẳng thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp tục đi xa ra ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một vách tường xanh như da trời.

- Biển ở đâu, ông nội? Cộc hỏi.
- Đàng xa kia, xanh xanh đỏ.
- Sao không ra ngoài, ông nội?
- Không cần.

Tía thẳng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lệnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc hỏi:

- Con có thấy gì khác lạ không?
- Không, ông nội à.
- Không thấy? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à?
- À... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ còn bùn. Tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia

dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống, nửa bùn, nửa đất, trên ấy cỏ ống rậm rì và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân lán giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ồm nhóm chen nhau mà vượt cao lên, cây này cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoải thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn hãm thành hâu lập công.

– Nhìn xuống gốc cây, ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đen trắng đối chọi nhau trông rất đẹp.

– Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trổ bông ngay dưới gốc?

– Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mấm. Đây là rừng mấm đây.

– Cây mấm? Sao tui không nghe nói đến cây mấm bao giờ?

– Con không nghe nói vì cây mấm không dùng được để làm gì hết, cho đến làm củ chum cũng không được.

– Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cỏ ấy?

– Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lún và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng nếu không có rừng mấm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mấm sẽ ngã rạp. Giống

tràm lại nổi ngôi mấm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

– Ông với lại tía của con là cây mấm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đời cây mấm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi? Vả lại con không thích hy sinh chút ít cho con cháu của con hưởng hay sao?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và nghe thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ bỏ mả ông cha để hì hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô-Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng, tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều. Nó nắm chặt tay ông nội nó và nó thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

– Ông ơi, nó than, nhưng trầm buồn quá.

– Trầm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần rồi thì ta làm ba mươi công và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước ta, tràn tới đây mà phá rừng, vùng Ô-Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu. Trầm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dừa, xoài, quít, đầy nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuần...

– Và sẽ có chè ăn?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

– Gì chứ chè thì sẽ có lu bù.

– Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thèm tới Ô-Heo?

– Hai năm nữa người ta sẽ đồn rằng đất Ô-Heo thuần. Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây.

Ông nói điều này, không biết con hiểu được hay không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ Bắc, Trung tràn vào đây đều chịu số phận của cây mấm hết, từ xứ Đồng Nai nước ngọt cho tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả. Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tốp đầu liều chết đuổi, lội qua tô nước rộng hủ đường để làm cầu cho bọn đi sau vào đến nơi có

chất ngọt. Nhiều lớp tiên phuông đã ngã gục như rừng mấm. Rồi thì ông sơ, ông cố con, ông nội đây là tràm mới kiếm được miếng ăn...

– Tía.

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm tràm như nó được hay không nên kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trùu mển hết sức.

– Thôi, nhỡ sào để đi về cho kịp con nước, ông nội ra lệnh.

Ông nội vui vẻ quá, vì ông bỗng sức nhớ lại những câu hò của thế hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thế hệ tràm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên:

Hò... ơ... Rông châu ngoài Huế,

Ngựa tể Đồng Nai.

*Nước sông trong sao cứ chảy hoài,
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.*

2. HẠ BỆ

ÔNG Ích Thành đang thắt cà-vạt thì thấy Hùng, người con trai độc nhút của ông cũng sửa soạn để đi đâu đó.

– Con cũng đi nữa sao?

Ông Ích Thành hỏi con mà mắt nhìn mãi vào cái nơ trong gương.

– Con đi học tối ba à....

– Vậy à, đêm nay có buổi học tối à?

– Dạ thưa có.

Ông Ích Thành hơi bực mình, nhưng ông chỉ nhăn mặt một cái rồi bình tĩnh lại mà nói:

– Thôi được. Nhưng sau buổi học, đừng đi chơi đâu hết, phải về cho sớm đừng coi chừng nhà. Má mày, hôm về dưới bà ngoại, có dặn kỹ lắm đó, nói hai đứa ở mới này không tin cậy được đâu. Tao thì đến khuya, tao mới về được.

– Dạ.

Cậu Hùng, một thiếu niên mười bảy, nhìn cha ăn mặc, đôi mắt cậu như nói lên tất cả thân phận của cậu. Ông Ích Thành, mặc dầu con buôn, nhưng học rộng, cái gì cũng biết rành mạch. Ông lại sành ăn mặc lắm, đó là một chi tiết dễ tăng uy tín của ông nơi con mắt bọn thiếu niên.

Hai cha con ra ngoài cùng một lượt với nhau. ông cha vừa lái xe ra khỏi cửa ngõ thì

cậu con cũng vừa thót lên một chiếc tắc xi. Nhưng cậu Hùng không đi học đêm, mà đi đến hai ba nơi để rủ thêm bạn, rồi mới bảo xe chạy lại một nhà khiêu vũ to kia. Bọn trẻ vào vũ trường giữa lúc đèn mờ, và bạn chọn bàn nên chưa thấy gì hét.

Họ ngồi sát bìa sân gỗ. Đó là những người con trai sơ-mi bỏ ngoài, áo hở cổ, khác hẳn với những ông đứng tuổi ăn mặc đàng hoàng và có vẻ đi dự tiệc trong bộ lễ phục hơn là đi phiếm du tiêu khiển như họ.

Ngoài sân, khách khiêu vũ giống như những bóng hình trên mặt đèn kéo quân, lũ lượt lướt qua trước mặt họ không biết bao nhiêu lần.

Hùng chỉ ngó chằm chỉ xuống sân, nhưng chập chập cậu lại điểm tên: Hồng, Liên, Yến, Vui, Cúc... Ấy cậu ta đã thuộc lòng những bàn chân của vũ nữ, thấy là biết của ai ngay, không cần nhìn cao hơn nữa.

Cùng một lúc với cuộc điểm bàn chân, cậu thưởng thức bước đi của khách cũng ở nơi đó: có những bước chân bông gòn, và trái lại có những bước chân treo chì, cả hai thứ bước đều hay, bước nhẹ làm chàng sáng khoái, bước nặng giúp chàng vui cười.

Hùng quả nhiên bật cười lên, làm cho một hột đậu rang trong miệng cậu bị bắn vọt ra ngoài.

– Gì mà vui dữ vậy? Quý hỏi.

– Tao vừa nghĩ ra một điều thật ngộ nghĩnh, là những cô có tên xấu, như tên Vui chẳng hạn, là những cô mang tên thật, còn những cô có tên thơ mộng, toàn mang tên giả cả.

– Ấy thế mà tên Hà Đình của em là tên thật đó, cô vũ nữ quen, người miền Bắc, đang ngồi cùng bàn với họ đánh chánh như vậy.

– Tôi không nói cô, cô là trường hợp đặc biệt mà...

Bổng Hùng nín lặng. Cả bọn đều ngạc nhiên nhìn anh chàng lắng lời này. Vẻ mặt kinh hãi của anh ta khiến họ đoán thấy anh ta đang tái mặt trong bóng mờ. Họ nhìn theo hướng ngó của anh ta thì tầm mắt họ chạm phải một đôi giày không có gì đặc sắc nhưng phủ trên giày ấy, một miệng ống quần màu hơi quen.

Mắt họ leo ống quần, thấy nó to lần lần và ở phía trên nó to quá cho họ biết rằng người mặc quần ấy là một ông bụng bự. Họ chột hiệu và ngược nhìn lên thì thấy quả đó là ông Ích Thành.

Ông Ích Thành cũng vừa thấy bọn trẻ, cũng ngạc nhiên và kinh sợ, và vội đưa mắt đi nơi khác.

Xuân, Quý và Nhạc vụt cười lên.

- Gì thế các anh? Cô Hà Đình hỏi.
- Bố con đụng đầu nhau kêu cái cộp.
- Thế à? Ông cụ là ông nào?
- Cái ông cà vạt con trai và giày chó vá kia.

Hùng nhìn sững cha cậu bảy giờ đã đi xa qua đầu sân bên kia với vũ nữ. Ông cụ nghèo đầu, làm mùi một cách vô duyên trông buồn cười muốn chết.

Hùng thấy cha cậu già quá, già hơn ngày thường nhiều, giữa đám vũ nữ trẻ trung ấy, và cậu có cảm giác đang đọc một bài thất ngôn bát cú in xen vào một tập thơ tự do. Mà đó là một bài đường luật rất xoàng. Đó không phải là một người cao niên vốn sành ăn chơi, cố vui vớt vát, mà là một ông cụ thật thà, tập tành son trẻ. Nhưng dầu thuộc hạng già nào, ông cụ cũng chẳng coi được, khi vào đây.

Khi ông Ích Thành và vũ nữ trôi trở lại, Hùng thấy ông thở hỗn hển mà quay, cậu trông chừng như nghe hơi thở ô ô của cha, một ông cha lỗi lạc mà trước kia cậu thấy làm cái gì cũng trôi chảy, dễ như chơi.

Hồi nãy cậu ta hoảng sợ khi bị cha bắt chợt giữa chốn ăn chơi. Nhưng bây giờ, chẳng những cậu không còn sợ hãi nữa, mà còn có bụng khinh thường ông cụ là khác.

Con người đứng đắn nghiêm trang thế kia, lại cũng chui đầu vào đây à! Nào đâu những lời gia huấn khắt khe, nào đâu những lời khen ngợi của bạn hữu ông cụ và chính của bà cụ nữa, bà cụ luôn luôn tự hào với bạn hữu rằng bà có một ông chồng đứng đắn số một trên đời.

Và từ thuở giờ, cậu quen thấy ông cụ ngồi trên một cái bệ cao nghêu, oai phong凛冽, làm gì cũng thật tài, từ việc lớn cho chí việc thắt cà-vạt. Hôm nay cái vụng

về của ông cụ khiến cậu cảm tưởng như ông cụ bỗng đứng ngã xuống khỏi bệ một cái rầm.

Năm ngoái vào đây lần đầu, cậu cũng đã vụng về. Nhưng con trai vụng thì xem vẫn được. Đến như cuộc tập sự trái mùa của một bậc cao niên thì nghe nó tủi tủi làm sao!

Một ý nghĩ bỗng làm Hùng đau xót vô cùng. Cậu nhớ đến những chú chết già, cả đời cần cù tiện tặn, ăn hàm-yếu (tàu vị yếu, nước tương) và ngủ trên một cái thùng gỗ, đến lúc sáu mươi chợt thấy mình gom được nhiều tiền lắm rồi, nên nghĩ đến hưởng thụ. Nhưng nào có biết đời có gì để hưởng, thôi thì cưới vợ bé vậy, mà cưới một cô thật trẻ. Làm như cái trẻ thơ ấy bù được tất cả những cái mà chú ta không được hưởng.

Hùng đau xót vì nhớ lại cha cậu cũng đã cần cù, tiện tặn để tổng sự nghiệp. Ông

cụ không dám hưởng gì cả và bây giờ chừng như giạt mình tiếc rẻ nên vội vàng chạy lượm mót của trời chẳng? Thương lắm ôi!

Hùng lại đau xót mà thấy mình đâm ra xem thường cha, muốn không, cũng không được nữa.

Cậu có muốn hạ bộ ông cụ đâu? Tự dưng, ông cụ ngã, có muốn đỡ, đỡ cũng chẳng kịp, có muốn lơ đi cũng đã trót chứng kiến rồi.

Đèn sáng lên. Người nữ ca sĩ Trung Hoa họ Mạc bắt đầu trối giọng và sân gỗ giống như hồ tắm sắp đóng cửa, khách tắm vội len hết trên bờ.

Hùng liếc nhìn cha thì thấy ông cụ từ già bạn rồi đi vòng để ra cửa, tránh xóm cậu đang ngồi.

Bữa cơm trưa hôm đó, đáng lý thì vui vẻ lắm. Bà cụ đi xa mới về ông cụ lại vừa trúng một vụ có lời to.

Nhưng bà cụ ngạc nhiên lắm mà thấy chồng con như là bỏ ngõ với nhau. Thằng Hùng hôm nay sao mà có vẻ tự tôn thế? Đó là một thứ mặc cảm mà nó luôn luôn có và không giấu ai được, mỗi lần nó đắc thắng về học hành hay về thể thao. Tự tôn nhưng lại trốn mắt cha, trong khi ông Ích Thành cứ rình xem cử chỉ của nó, mà lo lắng thì lộ rõ trên mặt ông. Bà Ích Thành đoán biết có chuyện gì xảy ra ở nhà này lúc bà về quê, và chuyện đó rất là khó nói ra.

Ông Ích Thành rình con rồi nghĩ bụng: «Nó đã bắt chột mình sống vội, vót vát mặt mỡ ở đời, chắc nó không khỏi triết lý rằng con trẻ phải chơi cho chán chê ra, kéo già phải hối hận. Như thế thì nguy to, nó mà

lấy cái triết lý rẻ tiền ấy làm phương châm thì hỏng. Vậy mình phải cố cứu vãn tình thế mới được.» Để đánh tan không khí lạnh lẽo, bà Ích Thành hỏi chồng:

– Ông biết bên Vĩnh Xương không?

– Phía bên chồng sắp cưới của con ông Hao hử?

– Ừ, bên đó làm sao, theo ý ông?

– Nghe nói thằng ấy ăn chơi bạt mạng, không ra gì đâu.

Hùng mỉm cười ngạo nghễ, bụng cậu nói thầm câu sau đây, nhưng ông Ích Thành lại nghe rõ mồm một: «Thôi đi ông, ông cũng đi nhảy như ai, thì ông, thằng đó, và tôi đều chung một xuống với nhau chớ lạ gì mà chê bai người ta, ông lại còn tệ hơn bọn tôi là ông trể xuống, cố nhảy nai theo người ta, trông lỗ bịch quá đi mất!»

Ăn cơm xong, ông Ích Thành nói với con bằng tiếng ngoại quốc:

– Qua bên bàn giấy, ba có chuyện cần nói riêng với con.

Hùng đoán ông cụ định hỏi lộ cậu một số tiền, để cậu khỏi mệt thót với mẹ sự chùng lén của ông.

Cậu suy nghĩ để lập thái độ. Cậu có thể khai thác bí mật ấy mãi mãi để tổng tiền ông cụ, và ông cụ sẽ là mỏ vàng không bao giờ cạn. Làm thế cậu lại có lợi về tinh thần: cậu được bạn, được ngồi tùng đảng trong cuộc truy hoan, khỏi lo bị quở mắng nếu thi hỏng.

Nhưng cậu không phải là một thiếu niên tệ đến thế, nên cậu định sẽ long trọng hứa bưng kín miệng bình cho cha an lòng, và quyết định từ chối tiền hối lộ.

Ông Ích Thành mời con ngồi trước bàn

giấy như là tiếp khách làm ăn. Ông cúi đầu nhìn tờ giấy chậm lót bàn màu hương lợt rất lâu đoạn đột ngột hỏi:

– Năm nay con bao lớn?

Hùng ngạc nhiên hết sức. Sao ông cụ lại to gan thế? Ông cụ hỏi tuổi cậu để cậu phải khai ra rằng cậu chỉ mới mười bảy thôi, để rồi ông cụ chụp lời thú nhận còn trẻ mắng ấy mà mắng cậu là còn trẻ mà đã hư thân à?

Hùng quyết chí đương đầu với cha và đáp hơi thách đố:

– Con mười bảy, thưa ba.

– Vậy hà! Thì ra con đã gần thành nham rồi.

Ông cụ hỏi thật tình và thật tình ngạc nhiên trước lời khai tuổi tác của con. Ông cứ ngỡ con ông còn bé bỏng như ngày nào và không thấy được rằng nó dùng dao bào

của ông mà cạo râu mép từ mấy tháng nay rồi.

– Nè con, ông Ích Thành nói sau mấy lần do dự. Con đã lớn, nên ba kêu con vô đây để cho con biết một việc quan trọng. Ba xem con như một người bạn.

Hùng cụt hứng. Cậu giống như một con dê mới mọc sừng đang dang hai chân trước, gằm đầu xuống, sừng chĩa tới trong một giáng điệu sẵn sàng chờ đợi địch thủ. Nhưng địch thủ lại không tấn công, khiến cậu ta tiu nghỉu.

Câu hỏi mĩa mai của cậu làm cho ông Ích Thành phải bối rối thêm một lần nữa:

– Thừa ba, ba mới nhận ra là con đã lớn từ lúc con vào đây. Vậy sao ba lại quyết nói chuyện quan trọng với con từ hồi ăn cơm vừa xong?

Ông Ích Thành bậm môi vì tức giận, nhưng buồn cười cho mình và cho cái cứng đầu của cậu con trai, nó là hình ảnh trung thành của tách bướng bỉnh của ông thuở ông còn niên thiếu.

Không đáp lời con, giây lát sau ông nói:

– Ba cho con hay rằng lúc này ba viết báo.

– Vậy hả? Ba viết báo làm chi. Công việc làm ăn không đủ choán hết thì giờ của ba sao?

– Ba bận lắm. Nhưng bây giờ ba có tiền, ba lại đâm ra háo danh.

Hùng cười mà nói thay cha:

– Nên không có dịp tranh cử hội đồng thì ba viết báo vậy.

Ông Ích Thành cũng cười rồi tiếp:

– Quan trọng không phải là ở chỗ viết báo mà ở chỗ viết báo thì dễ bị nguy. Ba viết phóng sự, hay phanh phui chuyện người ta, có thể bị hạ lăm. Ba cần báo cho con biết để...

– Ba sợ lăm thì viết làm chi cho mất công lo.

– Không, ba không sợ lăm, ba chỉ báo cho con biết vậy thôi. Nếu rủi ba có bề gì thì ít ra gia đình cũng rõ ai ám hại ba...

Hai cha con làm thỉnh giấy lâu rồi ông Ích Thành tiếp:

– Độ này ba viết về các tiệm nhả, nên ba hay la cà ở các nơi đó để thu thập tài liệu.

Nghe câu đó, Hùng bỗng chột hiểu; cậu buồn cười quá, không cầm được, nên bật cười to lên.

– Sao con lại cười? Ông Ích Thành ngạc nhiên hỏi.

– Thưa ba, Hùng đáp sau cơn cười. Ba không cần gì cố cắt nghĩa sự có mặt của ba trong “Móng Trời” đêm đó. Con đã lớn thì con phải hiểu biết rằng ai cũng có quyền sống riêng cả! Không, con không dám khinh ba đâu, con không đạo đức lắm đâu. Nhưng con thú thật với ba rằng con bớt kính phục ba hơn khi trước. Hết kính phục nhưng thương hơn vì thấy ba trẻ đò và yêu hơn vì thấy ba là bạn của con. Sao con lại bớt kính phục ba thì ba đã biết. Và ba không làm gì được để gây uy tín lại cả. Nếu ai xô ba xuống khỏi bệ, thì ba có thể leo trở lên và người thân của ba sẽ giúp ba trong công việc ấy! Nhưng khi mà chính ba tự hạ bệ, và con đã trót thấy thì không làm sao...

Ông Ích Thành giận tím mặt, dấm xuống bàn một cái rầm rồi hét:

– À, mấy lại dạy đời tao hả?

– Thưa ba, con đâu dám. Nhưng ba đã xem con là bạn thì... Thôi con xin phép ba.

Hùng đứng lên, đi ra cửa một nước. Ông Ích Thành cắn môi dưới, lòng đau cái niềm đau ê chề khi ta bị người thân yêu hất hủi.

Thế là hỏng cả! Ông than thầm giây lát sau đó. Nó sẽ đi chơi bạt mạng, không sợ ai nữa mà cũng không sợ lương tâm nó vì lương tâm nó sẽ im đi khi nó đưa cái triết lý tai hại “hái lấy ngày qua” ra.

Ông Ích Thành chống tay trên bàn viết, ôm đầu mà tuyệt vọng.

Thế là hỏng cả! Mình đã tự hạ bệ! Hột kim cương giả, khi đến lúc tự mờ nước

chiếu, không trời đất gì làm cho nó chói sáng lại được hết.

Bỗng ông cha vừa mất uy tín, hạ tay xuống, ngược mắt lên. Mặt ông bấy giờ sao lại hớn hở như tình thế thành linh biến chuyển có lợi cho ông. Ông mỉm cười rồi lẩm bầm một mình: “Hỏng, nhưng chưa hoàn toàn sụp đổ. Nó đã biết nói sự thật ấy thì chắc không bao giờ nó tự hạ bệ trong đời nó. Hà... hà... Ít ra cuộc gặp gỡ không may cũng cho nó được một bài học hay: tự hạ bệ là chết”.

3 . B A C O N C A O

* Câu truyện xảy ra năm 1954.

* Truyện Ba Con Cáo đã được dịch ra Anh văn do nhà văn Lê Văn Hoàn ở San Francisco dịch để dự thi Truyện Ngắn Quốc Tế ở Manila và đã được giải nhất.

MẶC dầu là tay “bán trời không
mời thiên lôi”, Sáu Sửu vẫn
nghe rờn rợn khi nhìn ra ngoài. Thánh giá
trắng đứng mơ hồ trong ánh sáng lờ mờ của
nghĩa địa, sắp thành hàng ngũ đông đúc,
nhánh ngang của thánh giá trông mừng
tượng như những cánh tay người giăng ra
để đón bắt ai.

Xa xa, một trụ vôi có dáng một người đàn bà đội khăn tang trắng, đứng nhìn đám mồ trước mặt bà ta.

Gió đêm, cùng với dế, trùn, hóp nhau mà than vãn bên hàng nghìn mồ hoang mả lạnh, và thỉnh thoảng, anh Sáu vắng nghe như có tiếng người rên rĩ đâu đây.

Từ một ngôi mả cũ đằng xa, một ánh lửa lóe lên, nhỏ bằng ngón tay, từ từ bay lên cao rồi đi bơ vơ qua các hàng thánh giá. Lửa ma trời hay là đèn của một người đi soi ếch nào đó?

Mưa dầm tháng tám rơi trên nước ao tù khiến anh Sáu có cảm giác rằng mình đang ngủ trên một chiếc thuyền, giữa dòng nước.

Lạnh quá, lạnh ngoài da, mà lạnh cả đến trong lòng.

Người sống, một khi xâm nhập vào địa hạt của người chết, mới nhận được rằng cuộc đời bên ngoài dầu đau khổ bao nhiêu cũng còn ảm chán.

* * *

Tại phố Phát Diệm, khúc phía trên này, họ Cầu Kho có một đất thánh mà từ vài năm nay nhà thờ không cho chôn trong đó nữa.

Dân số nghĩa địa cứ mỗi ngày một tăng lên, mà không có một ai chết lần thứ nhì cả để cho số sanh và số tử bù trừ nhau hầu đất đai trống bớt chỗ.

Ngoài thành phố, người ta đẻ con, nhưng nhà cửa không mở rộng thêm được thành thử chật chội có thấy.

Ở đây mồ mả sanh ra rồi già cỗi dưới rêu xanh của sương gió, nhưng vẫn nằm lì đó đến muôn thu.

Vì vậy nghĩa địa phải chịu nạn nhưn mẫn. Nhà thờ không cho chôn xác thêm vào đó, rồi cũng chảnh mảng việc trông nom đất thánh nên người sống đang thiếu đất, bèn ủa đến mà lẩn người chết.

Nghĩa địa không có vách thành. Ban đầu vài người mạo hiểm cất nhà ngay trên ranh đất thánh. Thấy không ai nói gì, một số người khác lách qua khỏi mấy cái nhà vừa cất lên, để vô trong mà xây cất.

Họ cất vây tứ phía ngôi đất thánh và vòng vây cứ càng ngày càng siết chặt lại, người chết không còn lối nào để thoát ra được nữa cả.

Khi vòng vây siết đến lần mức chót, nghĩa là những ngôi mộ ở bìa, thì cuộc xô

lấn bắt đầu diễn ra một cách đau thương.

Người sống cũng biết đau lòng khi phải dẫm lên những gò mả còn mới rành rành (nhiều mộ bia, thánh giá, để năm chôn là 1951) nhưng họ, ác thay, lại cũng biết lạnh. Cho nên họ cứ cất nhà trên những năm đất ấy, xin người chết thứ lỗi, miễn là có chỗ núp mưa thì thôi.

Không bao giờ kẻ sống và người chết lại sát cánh nhau đến thế. Ông đã chết rồi, ông choán đất làm chi cho nhiều, trong khi tôi không có lấy một vuông nhỏ để mà cắm cây cột gỗ; vậy ông thứ lỗi nhé! Rồi ngày sau tôi cũng hoàn lại đất như ông vậy mà; trần gian này chỉ là cõi tạm thôi, tranh nhau làm gì!

Cuộc xâm lăng lạng lẽ để tranh sống với người chết, gây ra một tai hại lạ kỳ. Vùng đất ấy ngày xưa tuy cũng thấp mà vẫn khô ráo, nhờ con rạch Bần tháo nước ra sông

Ông Lãnh. Nhưng từ khi đô thành cho đắp đại lộ Trần Hưng Đạo, cách đây mấy mươi năm, thì ngọn rạch Bần bị lấp, và nước mưa trên nầy bị bỏ tù lại đến chung thân khổ sai, vì khu ấy đất trũng mà!

Đất thánh không phải ở giữa rún đất nên không đọng nước. Nhưng vòng vây tai hại kia lại biến thành con đê ngăn nước đất thánh đổ xuống chỗ trũng hơn.

Thành thử phần nhiều ngôi mộ đã biến thành cù lao, có cù lao rời rạc, có mớ hợp thành quần đảo, không còn làm sao ra đó được nữa. Nước tù mang một màu khó tả và một mùi cũng khôn tả. Đáy ao biến thành bùn non, đi thì lún đến ống quyển.

Lau, sậy, để tha hồ mà mọc như ở bưng miền xa.

Giữa đất thánh còn sót lại một ngôi mộ cổ kiến trúc theo bên lương mà có lẽ nhà

thờ không nở phá đi lúc lập ra đất thánh cho giáo dân này.

Ngôi mộ ấy đồ sộ nhứt nghĩa địa, xây bằng vôi và ô đước, xanh đặc những rêu phủ. Lối kiến trúc rất rắc rối như một lâu đài, đầy rẫy ngăn nắp với nào là đường vào lối ra quanh co và hóc hiểm. Hôm ấy những người của vòng vây đều ngạc nhiên mà thấy một mái nhà lá dựng ngay trên ngôi mộ cổ ấy.

Nhà dựng đầu từ sớm mai đến trưa là xong cả. Họ cứ tự hỏi, và hỏi nhau làm thế nào mà chủ nấp nhà ấy lợi sinh để ra ngoài đó được. Đi tay không đã không được rồi, mà làm sao hẳn ta lại mang cả gỗ, tre và lá ra đó để cất nhà?

Hỏi nhau không ai đáp được, mà cũng chẳng mong phỏng vấn thẳng cha dì hẻm kia, họ đành thôi. Thét rồi mắt họ quen đi, nấp nhà ăn vào chân trời quen thuộc của

họ, họ nhận cho nó ở đó mà không bàn tới bàn lui gì nữa cả.

* * *

Sáu Sứu ngày trước có ở xóm Phát Diệm. Năm ấy có người treo cổ trong nhà mồ ở bìa đất thánh. Anh đã vào đó với nhiều kẻ hiếu kỳ khác để xem kẻ chết treo, nên được dịp biết rõ nghĩa địa.

Hôm tháng rồi anh bị truy nã ráo riết nên cố tìm một chỗ ẩn nấp thật kín. Nhớ lại xóm cũ với cái nghĩa địa kia, anh về qua đó và rất hài lòng mà gặp hòn đảo này.

Không một viên cảnh sát nào đủ can đảm lội sinh nhút là dầm chơn trong một thứ nước nhờn nhớt để ra ngoài đảo Lỗ Bình Sơn của anh.

Nếu có cuộc bố ráp đại quy mô như hồi còn Tây thì bất quá họ cũng đứng ngoài mà nhìn vào, hú bậy vài tiếng như hú đò bên kia sông, rồi đò không qua thì thôi. Họ nghĩ sót một con cá cũng chưa chết ai, mà biết đâu cả đó lại không phải cá hiền, một tên ăn mày nào đó chó gì.

* * *

Từ vòng vây ở ngoài, leo lét vài ngọn đèn dầu của những kẻ lẩn đất người chết. Xa thật xa ngoài kia, ánh sáng đô thành làm nổi bật lên, đen thui, những ngôi nhà lầu, những ngọn cây cao. Các thứ nầy giống hệt những hình bằng giấy đen, người ta cắt rồi dán lên nền trời.

Bỗng anh Sáu nghe rục rịch dưới sàn ván. Hôm cất nhà xong, anh lót ván lên mộ, vừa để làm nền nhà, vừa để làm giường ngủ. Dưới ván rầm ấy, lau sậy bị đè đầu xuống, và sẽ chết lần mòn vì thiếu ánh sáng. Anh

Sáu quên, một thứ khác, cũng giống như lau sậy, mà biết cục cựa nữa kia. Vì thế đêm nay trời có trăng, anh ngồi ngó một ra đám rừng thánh giá trắng thì anh phải một phen hết hồn trước sự hiện ra của một chú chồn to bằng con chó ta.

Chồn khua lau sậy sột soạt, rồi chui ra khỏi mộ, ngoái cổ lại dòm cái nhà mà đêm hôm qua đây chưa có. Suốt ngày hôm ấy nó nằm trong hang, không dám ló ra nên không biết ngoài này loài người làm gì mà lục đục mãi.

Đôi mắt nó lóng lánh dưới ánh trăng, ngạc nhiên giây lát rồi bỏ đi. Nó đã quen với con người rồi nên không có vẻ gì sợ sệt cả.

Nhưng anh Sáu lại sợ. Anh có đọc truyện Phong Thần nói chuyện mả Huỳnh Đế có một bầy hồ ly mà một con đã nổi danh trong lịch sử, là cái con đã biến thành

nàng Tô Đắc Kỷ; đến nay thấy chồn trong mộ chui ra, anh liền tưởng ngay đến tích cũ rồi rợn người lên.

Nhưng anh trấn tĩnh lại được. Trong dân chúng người ta tin chắc như đinh đóng cột rằng tóc người chết hóa thành con lươn, rồi con lươn hóa thành con chồn. Con chồn mà anh thấy, có lẽ chỉ là thối thân của tóc người nằm dưới nhà mồ, chứ không phải yêu quái gì đâu.

Độ nửa tiếng đồng hồ sau, anh Sáu thấy chồn về, mồm ngậm một con vịt.

– A ha, đồng đạo đây mà! Anh Sáu cười mà nói thầm như vậy rồi cảm tình ngay với con thú này.

Cái đạo mà anh nói đó là đạo ... chích; trước kia, trước khi lường gạt và cướp giật, anh cũng đã đi ăn cắp gà như chú chồn này vậy.

Ngày nay anh thôi ăn cắp, nhưng lại biến thành con cáo già chuyên môn gạt gẫm thiên hạ.

– Mấy cáo thì tao đây cũng cáo, vậy thì là bồ rồi.

Từ đó, hai con cáo chung đụng với nhau mà không xích mích bao giờ cả.

Nghe động dưới sàn, anh Sáu mỉm cười lẩm bẩm:

– Đồng nghiệp xuất quân đó đa!

* * *

Anh Sáu nhờ cậy con chồn này lắm. Có nó ở dưới ấy thì không còn lo răn rít nữa. Anh mong có dịp trả ơn nó, nhưng nó có đói bao giờ đâu để anh ra tay hào phóng mua cho nó một con gà. Xóm lao động vây quanh nghĩa địa, người ta nuôi gà vịt cả

bây, nó ăn đến già cũng chưa hết.

Bỗng anh Sáu nghe có tiếng chó sủa vang dậy lên. Tiếng sủa to lắm và oai vệ lắm, có lẽ đó là tiếng chó bẹc-giê.

Rồi lại nghe nước khua lũm chũm, với tiếng chó càng lúc càng đến gần anh. Anh Sáu bước ra dòm thì thấy bạn của anh đang chạy bán sống bán chết trước một con chó to thấy mà bắt ớn.

Anh Sáu thò tay vào trong rút cây chĩa ba ra, cây chĩa anh sắm để chĩa ếch dưới nước, rồi lẹ như chớp, anh chìa mũi chĩa đón đầu chó cho chồn đủ ngày giờ chui vào má.

Chó bẹc-giê chạy quá đà, bị mũi chĩa đâm vào mõm đau điếng, rống lên vài tiếng rồi trở bước, vừa đi vừa day lại, sủa om như chửi thề.

Anh Sáu cười ha hả rồi cúi xuống sàn mà nói:

– Đêm nay tổ trác rồi đó phải không em! Anh đây cũng bị rượt thường lắm, nhưng đều thoát khỏi cả. Bây giờ thì đổ ai mà dám theo anh vào chốn này. Chỗ ở tụi mình kín sổ dách.

Sáng hôm ấy, anh Sáu đi uống cà phê, về tới nhà thì ngạc nhiên hết sức. Trên một ngôi mộ cận mộ anh, một chòi lá đã dựng lên rồi.

Ngộ quá, nhà cửa sao mà mọc mau lẹ như nấm mối. Uống xong tách cà phê, đọc xong trang nhứt một tờ nhứt báo là một túp lều cũng vừa dựng xong. Phải mà, chỉ có bốn cây cột thôi thì chậm sao được! Anh Sáu ngạc nhiên mà thấy có một người thú nhì lại biết con đường bí mật đưa vào đó! Anh lại tức vì túp lều ấy chặn ngay đầu đường bí mật của anh.

Số là anh Sáu biết lợi dụng mấy ngôi mộ chung quanh nên mới vào đây được. Anh phải đi quanh co nhiều nơi, nhảy từ ngôi mộ này qua ngôi mộ khác, ra cửa nhà thì đi hướng đông, nhưng ra khỏi nghĩa địa lại ra hướng tây, nghĩa là anh phải đánh một cái vòng rất lớn và rất cong queo.

Túp lều tranh ấy cất ngay trên ngôi mộ anh dùng làm đầu cầu cuối cùng để nhảy vào nhà anh, thì anh còn làm sao mà về nhà được, nếu hấn không cho anh nhảy ngang qua nhà hấn?

Anh tức giận lắm toan vào lều mần thằng cha nầy một mách cho nó phải giải tỏa hiểm đạo của anh, anh mới nghe cho.

Anh Sáu vỗ đùi nhảy một cái như bay đi và rơi xuống phiến mộ bia đặt nằm theo lối Châu Âu, trên có khắc mấy dòng chữ như sau:

Ci-git:

Alphonse Thomas Nguyễn-Văn-Nở
décédé en sa 78^e année
Priez pour lui

(Nơi đây yên nghỉ: Ông An-Phong Tô Ma Nguyễn Văn Nở, thất
lộc năm 78 tuổi. Hãy cầu nguyện cho ông.)

Phiến đá lớn bằng bộ ván hai, và thằng
cha chủ nhà nầy dùng phiến đá ấy để làm
bộ ván luôn, nên không thấy nó lót gì trên
ấy cả mà lại để lên đó nào là va-li, dép ... à
... mà sao lại dép đàn bà?

Túp lều che có phân nửa tấm bia thôi;
cửa lều là một bức màn bằng vải bông cũ.
Anh Sáu bước tới vén màn lên thì ô nầy
lạ, chủ nhơn bà (chớ không phải chủ nhơn
ông) là một thiếu phụ tóc quăn.

Chủ nhơn bà bình tĩnh chào anh Sáu
bằng một mỉm cười yên lặng.

Có lẽ chồng chị ta đi làm rồi chẳng?

Nhưng vẫn lạ là chị không có vẻ lao động chút xíu nào hết. Móng tay chị đỏ choét và nhọn hoắt, nước da mặt của chị bị phấn ăn, chỗ thì mét chằng, chỗ thì thâm đen sì, mắt chị mệt đừ và sâu hỏm như mắt cô đào hát bội.

Y phục của chị cũng không phải y phục của những kẻ đầu tắt mặt tối: lai quần gấn ren, áo cổ bà lai thêu rằn rịt xanh đỏ, tóc thì kẹp thành đuôi ngựa, cột bằng ruy-băng màu.

Chị ngồi trên chiếc rương thiếc nhỏ, món đồ tứ khí độc nhứt trong chòi, mỉm cười rồi giây lát hất hàm hỏi anh:

– Có tiền mãi lộ không? Nếu không, mỗ không cho đi ngang qua đây. Mỗ đóng đồn ở đây rồi, ai bước qua phải đóng thuế.

Anh Sáu thọc tay vào túi quần tây cũ của anh đứng thẳng lên coi oai vệ như một

tướng cướp trong xi-nê-ma, cười gằn rồi ngạo nghễ đáp:

– Hỡi cô nữ tướng mã thượng giang hồ, nữ tướng không có lâu la thì đòi tiền mã lộ ai được. Nữ tướng có giỏi thì bước ra ngoài đánh với ta vài mươi hiệp cho rõ tài cao thấp.

Nữ tướng cười xòa vì nghe giọng điệu thì biết đã gặp tay đồng điệu. Tuy bắt nạt hăn không được nhưng bắt bồ với hăn có thể có lợi.

Anh Sáu xem qua thì biết nữ tướng thuộc vào hạng người nào trong xã hội rồi. Đây cũng là một kẻ trốn chui như anh, như con cáo dưới giường anh. Cả ba đều là chồn, nhưng con chồn cái này đã tu luyện nhiều năm nên mang được hình người. Đây là một thứ hồ ly không hợp hồn nho sĩ mà chỉ hốt bạc các của mấy anh lao động thôi.

Đầu anh Sáu đụng nóc chòi, anh khó chịu quá nên ngồi xuống:

– Ở đây không sợ mang tội à? Anh hỏi đùa.

– Chớ còn anh?

– Tôi thì khác. Ngôi mả của tôi cũ lắm rồi.

Đó là một cái nhà của một người chết đã đi đầu thai kiếp khác rồi.

Con chôn cái bồng bỏ cái cười, buồn nét mặt lại rồi chỉ ra ngôi giáo đường trước nghĩa địa.

Tiểu giáo đường tuy chỉ để làm lễ mỗi khi đám xác nào tới đây thôi, nhưng cũng đồ sộ bằng một nhà thờ ở thôn quê. Tuy ngôi đã bị tốc nhiều nơi, gạch, đá trên tường nhiều viên đã rã và rớt xuống, cửa sổ gỗ đã bung hết, cửa kính màu đã bể nát,

nhưng toàn thể công trình kiến trúc gô-tích ấy vẫn còn mang cái phong độ vĩ đại của thời Trung Cổ Châu Âu.

– Anh thấy không? Chị ta nói. Nếu mình dám vào trong đó mà ở thì đâu có phạm tội như vậy.

Anh Sáu thở dài rồi không thềm chào hỏi gì cả vỗ đùi nhảy bay qua nhà anh.

Từ đó bộ ba chịu đựng nhau để sống chung nhau.

Họ khác nhau ý tứ, phong tục, thói quen, lối sống, nhưng cả ba con cáo đều có một nỗi băn khoăn chung là cả ba đều sợ: Con cáo chánh hiệu con ... cáo thì sợ chó bẹc-giê, con cáo già sợ công an, còn con hồ ly cáo cái thì sợ lính kiểm tục.

Trong cảnh khổ giống nhau, tuy họ không tương đắc với nhau được và vẫn phải tương thân để bảo vệ nhau khi cần.

Mà nhút là để an ủi lẫn nhau.

Anh Sáu không thích đòn bà lắm. Hay nói cho đúng ra, anh đã chán chê đòn bà, nhút là chán những hạng đòn bà như con hồ ly không bao giờ chịu xưng tên này.

Nhưng mà những đêm mưa dầm buồn quá, nằm giữa cánh đồng ma mà được có người để trò chuyện với nó thì ấm biết bao!

Những đêm mưa như vậy, con hồ ly không đi kiếm ăn được, mà cũng không đủ sức mạnh để nhảy qua nhà anh Sáu vì hòn đảo của anh ở xa mãi ngoài giữa dòng nước, nên hồ ly ta thắp lên một ngọn nến rồi ngồi bó gối mà ca trập lất bản nhạc «Đêm đông».

Đêm đông, ca nhi đối gương

ôm sầu riêng bóng.

Gió dầm sầm vào tiểu giáo đường đằng trước kia, tung hoành giữa gian phòng

trống mênh mông rồi vừa hú vừa chui ra khỏi các cửa sổ nghe bắt lạnh mình.

Mấy cây thù liễu hiếm hoi đã kháng cự được với lau sậy để sống sót, đứng cúi đầu khóc sụt mướt dưới trận mưa dầm, trong ánh trăng mờ.

Một hàng hàng như bấy cừu nằm nghỉ, gặm cỏ héo hon và vô vị, hút đắng cay trên miếng đất mồ côi. (Ý nầy của P.S. và X.V.)

Đây là chốn mà mộng đời bị cắt đứt nửa chừng, kẻ chết yên nghỉ thiên thu, mà người sống cũng khó mong trở về với xã hội loài người.

Anh Sáu nhảy bay qua nhà hồ ly, như một tay kiếm khách phi dạ hành, rồi hai kẻ ở ngoài vòng pháp luật ấy mới cùng nhau tâm sự.

Không phải kể chuyện cho khách nghe, hồ ly khỏi phải thi vị hóa buổi thiếu thời

của mình, không cần lờ ai, con cáo già cũng khỏi anh hùng hóa bước giang hồ của hần. Họ đánh bài, mà hạ bài cho nhau thấy. Bao nhiêu thúi tha nhờ nhớt trong đời họ, họ phơi cả ra như sau đêm mưa, họ phơi gối trên mồi cho nó bớt âm ẩm khó chịu.

Trời mưa cuối mùa cứ dai dẳng từ ngày này qua ngày khác. Con hồ ly ban đầu ăn xôi, ăn bánh mì chả lụa trừ cơm. Mãi rồi nó cũng không còn tiền để mua xôi nữa. Đất Sài Gòn, những ngày cuối tháng mà mưa dầm, thì tiền bạc nó cũng sợ lạnh, không hề dám ló ra ngoài. Nó có ló ra, con hồ ly mới ăn nem nướng được, còn nó mà trùm chăn thì chôn cái cũng đành trùm mền mà nhịn đói.

Anh Sáu cũng chẳng thấy đi uống cà phê sáng cho ấm bụng. Cũng chẳng thấy khói thuốc bay ra khỏi mái lều của anh như mọi ngày, và lâu lâu cũng không còn

nghe mẫu thuốc vút xuống ao, tắt kêu xèo một cái. Cả hai, vì tự ái hão, đều giả đau để nằm nhà. Anh Sáu yên thân hơn, còn dám ngồi dậy lết ra lết vô. Còn con hồ ly thì sợ anh Sáu đi ngang qua đó biết mình giả đồ chẳng, nên cứ trùm chiếu mãi từ sáng đến chiều.

Khó chịu quá, ngột quá, mà anh Sáu không đi ngang qua lần nào để thấy là nàng ta đang đau ồm thì có tức hay không chớ?

Hết mưa rồi nắng. Anh Sáu ra đi. Ngang qua nhà hồ ly, anh lấy chơn lật chiếu ra thì thấy hồ ly nằm xụi lơ.

Nàng đau ồm thật đó, đau một chứng bệnh cổ điển của loài người, là bệnh ... đói.

Anh Sáu mau bước nhảy như con khỉ từ ngôi mộ nầy đến ngôi mộ khác và rồi cuộc ra tới đầu ngõ hẻm trở ra phố.

Thiên hạ cứ mỗi ngày một khôn ra, cho

nên, mặc dầu là cáo già, anh Sáu không còn gặt gẫm ai được nữa.

Anh buồn hiu trở lại đào viên mà ba người bạn đã mặc lạng kết nghĩa với nhau hôm mấy tháng trước.

– Chị đỡ bớt hay chưa? Anh hỏi bậy cho có chuyện.

– Có uống mẹ gì đâu mà đỡ bớt.

– Chị nghe trong mình làm sao?

– Không biết. Nhưng nếu ăn được một chén cháo thì khỏe.

Anh Sáu hiểu ngay. Anh lại thở ra, ngồi bó gối bên cạnh một người mà anh sẽ chịu đồng cảnh vài ngày nữa đây. Sở dĩ anh còn đi đứng được là nhờ anh mạnh sức, lầy lắt nổi thêm vài ngày.

Chiều xuống sớm và mây kéo đen nghịt trời. Ngoài kia vệt vào chuồng kêu cạp cạp.

Nghe tiếng vịt kêu, anh Sáu nhớ lại người bạn thứ ba.

– Hừ, nó coi vậy mà no đó.

Bỗng một ý nghĩ nảy ra. Anh vừa mừng thì lại nghe như ai xát ớt trong ruột anh.

Nhưng biết làm sao: Đi ăn trộm vịt, không đáng gì cả, mà rủi ro thì khổ. Trong lúc mình đang trốn mà đại gì làm những chuyện xằng nhơ nhỏ.

Anh Sáu đứng lên nhảy bay qua nhà anh, rồi ngồi nhìn mưa bắt đầu rơi lũm chũm trên mặt ao tù.

Một con nhái hay con gì không rõ, nhảy xuống nước lội róc rách đi về đâu không biết. Gió hú trong tiểu giáo đường, gió than vãn ở các nhà mồ. Xa xa tiếng động cơ xe nổ lên, nhắc nhở rằng cuộc sống ở bãi tha ma này thâm lặng quá!

Anh Sáu rút cây chĩa ba, lết ra tới trước mả mà ngồi. Anh cúi mặt xuống miếng đất đọng nước, mắt lom lom rình.

Bỗng có tiếng sột soạt do con chồn khua lau sậy, nay đã chết khô rồi. Anh Sáu hồi hộp nghe tim anh đập thành thành trong lồng ngực anh. Lại! Anh đã giết người, mà nhớ ra là anh đã không nghe mảy may sợ hãi. Cớ sao đêm nay ...

Kìa một cục đen đen thò ra khỏi sán ván. Anh Sáu cầm chĩa ba mà nhắm rồi sục một cái, mũi chĩa đâm chúi xuống trúng ngay cổ con chồn. Chồn thét lên một tiếng kêu đau, kinh sợ, rồi thôi. Trong bãi tha ma hoang vắng, không một tiếng vang lặp lại tiếng kêu thương của con vật vừa bị bạn phản bội này.

Dân lưu manh vẫn thế. Họ cũng biết xúc cảm, nhưng chỉ xúc cảm vậ vậ thôi. Họ nhỏ trên máu con chồn vài giọt nước

mắt rồi thịt nó liền mà không nghe nhồm răng.

Thế là đêm đó hai con chồn đói xơi một con chồn no.

Họ chỉ ân hận một vài giây thôi, vì dầu sao, người bạn xấu số ấy cũng chỉ là một con chồn. Ai dư nước mắt mà khóc thú vật cho lâu!

Trời cứ mưa, mưa như cầm chỉnh mà đổ, mưa như một oanh tạc cơ định về căn cứ, đổ rốc hết bao nhiêu bom còn sót lại trên tàu, mưa cho hết ráo nước để rồi khô hạn được trong sáu tháng dài, mưa đêm chưa phải mưa ngày, mưa cho đến xương kẻ dưới mồ chắc cũng lạnh thấu tủy khô.

Ăn được bữa cháo chồn, hồ ly nghe khỏe như chị đã đoán. Sáng hôm ấy chị ra đi, căn dặn anh Sáu ở nhà, chị sẽ có tiền, một món tiền khá to, đâu như năm trăm,

do một anh tình nhờn hứa biếu và hẹn hôm ấy trao cho vì hôm trước là ngày lương.

Anh Sáu thích quá, muốn ôm lấy hồ ly mà hôn một cái. Nhưng hồ ly dơ thấy mà bắt nôn, nên anh thôi.

Độ lối chín giờ sáng, anh Sáu đang nằm ca sáu câu mùi mẫn:

Cảnh vị nhân sâu, xơ xác ngọn vi lau,
nước triều mệnh mông chảy ...

thì bỗng nghe tiếng tu hít thổi hoen hoét ở cùng tứ phía, quanh nghĩa địa rồi giây lát sau hồ ly nhảy như khỉ qua các nắm mồ, theo sau chị là hai người đàn ông còn trẻ.

– Trời ơi, anh Sáu ơi, mình đã dại, kể cho nó nghe duyên cớ trốn tránh của mình; nó bán mình mà ăn đây! Chồn ơi, hồn mi có thiêng chẳng, về mà xem kẻ phản bội mi sắp bị trừng phạt đây.

Anh Sáu bỏ tay không chống cự. Anh nhìn hồ ly, không oán giận mà chỉ tội nghiệp thôi. Hồ ly trốn cái nhìn của anh, ngồi day mặt vô vách lá mà đếm tiền.

Đêm nay, gió sao mà hú ghê rợn hơn đêm nào cả. Hồ ly giật nảy mình, dáo dác nghe ngóng. Gì mà như anh Sáu họ bên ấy! Chị đánh diêm lên để thắp nến. Trời ơi, mới hôm qua đây, anh Sáu còn nằm bên đèn kể lại những bước phiêu lưu của anh! Hơi thở của anh, chị còn nghe như văng vẳng. Cái mặt xương của anh đậm nét lên dưới ánh đèn, như là còn ẩn hiện mơ hồ trên tấm mộ bia!

Trời ơi! Kéo cuộc đời nhơ nhớp này biết đến bao giờ mới thôi? Đã nhơ nhớp lại đề hèn, bước từ phản bội này qua phản bội khác cho đến một khi kia thì mình chỉ còn phản bội được chính mình.

Hồ ly rùn mình một cái, không phải vì lạnh, cũng không phải vì sợ ma, mà vì chị bỗng sợ hãi chính mình, sợ hãi con người đã vơi cạn hết chất người.

Chị ôm mặt khóc òa, rồi lảo bầm van vái lảo thâm:

– Trời Phật ơi, Chúa ơi, tha tội cho tôi, ngày mai tôi sẽ ra khỏi chốn này và ra khỏi vực đen của đời tôi nữa!

4. BA SAO GIỮA GIỜ

BỮA trưa nào xuống trạm ô-tô-buýt ở xóm Máy Đá, tôi¹ cũng thấy anh Hùng đứng sẵn bên bờ cỏ mà đợi tôi. Trời nắng chang chang, vậy mà hể thấy dạng tôi, là mặt anh sung sướng và tươi như nhìn thấy trăng lên.

Nếu tôi không kể rõ những điều sau đây, thì khó hiểu sự si mê tôi của anh Hùng lắm.

1 Người kể chuyện cho tác giả nghe.

Chúng tôi cùng học trường thuốc, và thường ngày vào xóm Máy Đá là nơi có viện cơ thể học, để mổ thầy ma, những xác người vô chủ.

Tôi học năm thứ nhì, còn Hùng thì mới qua khỏi năm chuẩn bị và kể như là đi vào học năm đầu. Trong kỳ đệ nhất tam cá nguyệt của năm đầu ấy, sinh viên, tuy chưa được mổ xẻ gì cả, nhưng được đưa vào buồng xác để xem mấy anh lớn làm nghề “đồ tể”, xin lỗi, danh từ này tôi dịch ngay ở một tiểu thuyết Pháp ra. Đây là giai đoạn thử thách sinh viên. Đoàn cá mới, sẽ vượt Vũ Môn được hay không là do ở đây. Nhiều anh mới qua khỏi cửa buồng, nhìn thấy xác một bà cụ móm xòm, bỗng đâm hoảng, nháy nai, chạy mất và không bao giờ dám trở lại nữa.

Có anh lấy giấy bọc tay lại, trước khi rờ thầy ma, anh khác lại nôn ọe ầm lên khi

bụng một xác người mở bung ra dưới một nhát dao mổ, và một thứ nước xanh xanh, vàng vàng từ trong đó chảy linh láng ra, trên bàn đá trắng.

Hùng thuộc vào hạng chỉ dám đứng lấp ló nơi cửa cho đến giờ về. Tôi là bạn cũ của anh, nên hôm đó trông thấy mặt anh tái lét đứng dòm vô, tôi chạy ra kéo xển anh ta vào.

Mấy anh lớn ác lắm. Muốn tập cho em út dạn thầy ma, họ có những lối đùa ngịch đáng giận. Năm ngoái, chúng tôi cũng sợ sệt như vậy, lúc mới vào. Họ lấy kẹo cho chúng tôi ăn, lấy thuốc cho chúng tôi hút, cho khỏi buồn nôn. Chúng tôi vô tình, mắt nhìn họ làm việc, tay mở kẹo đút vào miệng, thì trời ơi đĩa nào cũng mút phải một lông tay người lạnh ngắt, mà mấy ảnh đã gói lại bằng giấy bóng nhiều màu.

Được cái là bị một võ như thế, là hết sợ ngay, hết nhờm ngay. Năm nay, chúng tôi tới phiên làm anh hai (tức là người anh học năm thứ hai), nên cũng tái bản những trò đùa nghịch ấy. Hùng giận họ lắm, chỉ mếu một mình tôi thôi, vì tôi không nỡ làm anh hoảng.

Trong tiểu thuyết “Những Người áo Trắng” của Pháp, thấy nói sinh viên trường thuốc ở Ba Lê đánh giặc với nhau bằng quả tim, buồng phổi, bàn tay, trái tai của thầy ma. Sinh viên Việt Nam tôi đứng đắn hơn, trọng xác chết hơn, nhưng không khỏi đùa chút ít, bỏ vào túi quần mấy anh mới vào một bàn tay cùi ngón, để cho họ nhảy lảng ba xem chơi.

Hùng chỉ quanh quẩn theo tôi để được che chở, và chỉ yên lòng, khi vào viện một lượt với tôi, mặc dầu không phải vào đó là mổ liên. Còn phải nghe giảng nữa chứ. Nhưng biết đâu, những anh rắn mắt lại

không đón anh ta ngay ngoài sân để dí vào mũi anh một cái đầu lâu?

Cái anh chàng tên Hùng ấy, xem tướng thì cũng hùng dũng lắm đó, nhưng lại sợ ma sợ dách, và sợ vi trùng còn hơn nữa. Anh thú thật với tôi, đêm nào anh cũng chiêm bao thấy toàn đầu lâu và những xác người thiếu tay chân nhảy múa quanh anh. Anh không thể tin được rằng, chất phốt-môn dùng ướp xác có đủ khả năng sát hết vi trùng trên các xác trong viện cơ thể học. Anh phải dùng mu-soa riêng để cầm lấy những khúc xương đã mòn lẩn trong tay sinh viên từ năm này qua năm khác. Khăn ấy, sau buổi học, được bỏ vào một chiếc túi có quai xách, và về nhà là anh nấu tất cả các thứ ấy.

Để cắt nghĩa có một việc đón bạn, mà tôi kể lể dài dòng thế là vì..., thôi, rồi các bạn sẽ hiểu.

Tôi lại phải nói vòng vo tam quốc về vụ này nữa.

Hùng và tôi là bạn đồng lớp hồi Trung Học. Bây giờ anh thua tôi một năm, vì anh đã rớt Tú Tài toàn phần một niên khóa. Anh rớt vì anh bạn yêu. Anh đã yêu một cô gái con nhà giàu, con của một nhà doanh nghiệp ở Sài Gòn.

Anh thi rớt xong, là cô gái bị gả cho con một ông nhà giàu khác. Ấy, cha mẹ cô không hay cuộc tình duyên thâm lén của cô, chớ không phải phụ chú rể hồng thi đâu.

Mà cô nọ cũng tệ, ngoan ngoãn đi lấy chồng như không có chuyện gì xảy ra cả.

Hùng tức lắm, nhưng không làm gì được cô ta, anh trả thù bằng cách cho tôi biết, cô ấy, trên lưng có ba nốt ruồi, mà anh hay nói đùa với cô rằng đó là “ba sao

giờ giờ”. Tiếng “giờ”, Hùng nói theo giọng Bắc, cho có vẻ Kiều. Hình như cuộc phát giác bí mật thâm kín của cô gái ấy, hơn một người được nghe. Tôi phải mắng Hùng, anh ta mới chịu nín.

Nhưng sau đó, không rõ vì một lẽ bí mật gì, mà Hùng đau tương tư thật sự.

Anh không thích nghề Y, nhưng vào đó học, cốt để quên. Sinh viên trường thuốc khổ nhọc hơn ai cả, có ngày vừa học, vừa hành đến mười tiếng đồng hồ, đó là nói sinh viên thường thôi. Nói gì đến bọn nội trú, ngoại trú thì họ làm việc đến cháy nhà bên cạnh cũng không hay. Làm việc như thế, còn trí óc đâu nữa để sâu tình. Hùng quả đã khôn ngoan lắm.

Hôm ấy, hai đứa tôi cầm tay nhau vào viện cơ thể học.

Tôi nói:

– Lão giảng viên cao giò bên anh hôm nay có việc nên nghỉ giảng. Chắc các anh qua bên buồng xác ngay.

Nghe nói thế, Hùng muốn trở ra về, nhưng không được nữa: tôi đã nắm chặt tay anh.

Hôm ấy, mười mấy chiếc bàn đá trắng đều có người choán. Đó là những kẻ chết đường, không người thừa nhận, nên được đưa vào để...”giúp sự hiểu biết cho nơnon loại”, tôi nói lớn lối theo kiểu anh Toàn, nhà đạo đức năm thứ nhì.

Mười mấy cái xác bị chất phốt-môn làm tím đen ra và khô đét lại. Họ nằm đó như hình gỗ, người thì mặt mày bình thản như ngủ, kẻ nhăn ra một cách xấu xí quá chừng.

Anh Toàn bước vào một lượt với chúng tôi, rồi hét to:

– Nhon danh thuần phong mỹ tục, xin bà con lật úp mấy xác phụ nữ lại.

Anh Tổ cũng hét:

– Nhon danh thuần phong mỹ tục và thay mặt nữ sinh viên, xin bà con lật úp mấy xác đờn ông lại.

Đó là họ đùa chơi cho đỡ buồn – nhìn thầy ma mãi lại không buồn à? – chớ vào đó là không ai còn nghĩ gì quấy quá nữa cả.

Trong khi các bạn khác xúm nhau mổ sọ, để học bộ óc, thì Toàn chạy lại bàn chúng tôi, lật sắp cái xác dành cho chúng tôi lại. Lật xong, anh nhìn Hùng mà rằng:

– Anh phải làm được như vậy mới đủ bản lĩnh của một sinh viên trường thuốc, bằng không, về nhà chích đạo cho xong.

Hùng còn hôi mùi trường trung học, nên rất bất bình trước cử chỉ đó. Thấy vậy,

Toàn làm tới, để trêu tức anh. Hắn dậm lên lưng cái xác và nói:

– Cự ạ, để cháu tắm quất cho cự nhé!

Xác người phụ nữ ấy, cũng như các xác khác, không mang tuổi tác nào cả, không rõ được đó là xác người già hay người trẻ. Chất phốt-môn biến gương mặt họ giống nhau về năm, tháng. Nhưng người nẩy tóc quăn, thì chắc cũng ở vào thế hệ sau này, mà đờn bà bắt đầu phi-dê.

Bổng Hùng kêu rú lên một tiếng. Toàn day lại hỏi:

– Đã hoảng rồi à?

Lạ kỳ thay, anh chàng sợ ma và sợ vi trùng này, không lùi mà tiến lại gần thây ma, cúi nhìn xuống lưng người chết.

Tôi bỗng chợt hiểu, nên cũng bước sấn tới, nhìn xuống với anh. Tôi không thấy gì

cả. Lớp da người chết đen sạm, khó phân biệt được những dấu vết ngày xưa kia có lẽ là rõ rệt.

Hùng lấy ngón tay trở đề lên miếng da dưới xương bả vai, không phải chỉ để cho tôi thấy gì, mà như để chắc ý. Quả thế, bây giờ tôi thấy dạng ba nốt ruồi, đậm hơn màu da một chút xíu.

Hùng lật ngửa xác chết, nhìn sát vào mặt nó. Không, đó là một cái mặt khô, móm và hóp, không thể nhận ra là ai được cả, dấu người đó là kẻ thân yêu.

Anh Toàn không hiểu, ngược lên hét, vừa hét, vừa bỏ đi:

– Bô của tao đã giác ngộ rồi, tụi bây ơi! Sắp đắc đạo rồi đó!

Hùng đứng đó rờ rẫm mặt người chết rất lâu, xỏ tay vào tóc rối của thầy ma, như không bao giờ biết nhờm cả.

Tôi nghĩ bụng: “Thôi, thế này, thì anh sinh viên trường Thuốc hóa thành thi sĩ mất. Làm sao khỏi ngậm ngùi khi bắt gặp xác người yêu trong một trường hợp như vậy”.

Nhưng lạ lắm. Mặt Hùng không buồn, mà chỉ suy nghĩ triền miên, rồi anh bỏ đó, bước mau qua bàn khác, vác lên vai một cái túi người, tìm Toàn mà hỏi:

– Cái lì mô giò chó quảy hôn?

Toàn cười ha hả và hét, ầy, anh ta không nói, chỉ hét thôi:

– Hoan hô tinh thần tranh đấu bản thân sợ ma.

Riêng tôi, tôi lại đâm lo: “À, nó không hóa thi sĩ, mà hành động như vậy, thì đích là hóa điên rồi. Nhảy đột ngột từ cái hoảng sợ qua cái lì, phải chăng là phát điên thành lành?”

Bán giò chó quẩy không ai mua, Hùng ra về. Tôi không ngăn nữa.

Hùng “cúp cua” đến bốn hôm, mặc dầu có lệnh rất nghiêm là anh nào bỏ thực hành, sẽ bị phạt nặng. Chứa nhứt, tôi tìm anh ta. Thấy va bình tĩnh như thường, tôi an lòng, hỏi:

– Quên rồi chứ?

– Không, anh lầm. Tôi có buồn đâu mà cho là tôi quên. Hay nói đúng ra, tôi chỉ buồn có một phút thôi. Tôi đã rờ rẫm cái xác cho thật nhòem ra, để mà ghê tởm, dặng quên. Nhưng rờ được nó, tôi hết ghê tởm nó nữa. Không ghê tởm được thì vẫn đau khổ, vẫn nhớ. Nhưng qua giây phút kia, tôi không còn đau khổ vì cái chết vất vả của người tôi yêu nữa, mà đau một niềm đau khác, anh à. Tôi đau cho cái nghĩa của đời con người, liền sau khi chết. Cái xác ấy, rồi sẽ biến thành trăm, ngàn mảnh dưới các

lưỡi dao, không còn dấu vết gì trên đời này. Mà cả những xác được chôn cất rất rình rang cũng thế.

Sao lại có sự rỗng không như vậy được? Phút trước đây, mạng anh quý biết bao nhiêu, mà phút sau này, xác anh lại là đồ bỏ. Ra cái quý chính là sự sống, chứ không phải thân thể nữa. Có đau hay không cho thân thể của con người!

Đang tha thiết yêu đương, giận ghét, mừng vui rồi suyt một cái, là u u, minh minh, là không có gì nữa. Tôi sẽ làm cho sự sống còn hoài, không những đánh bại bệnh tật, mà cả sự già mòn nữa.

Lúc bấy giờ, nhìn Hùng, tôi thấy anh ngây thơ lạ. Hùng là hiện thân của tất cả phần khởi của tuổi trẻ, cả quyết sẽ làm những việc tày trời và tin chắc sẽ làm được. Nhưng tôi không cười, cố lập nghiêm mà nói:

- Đó là mộng của y sĩ muôn đời.
- Mộng suông không được. Phải biến nó thành sự thật kia.
- Hay lắm. Chúc anh thành công trong việc phản lão hoàn đồng, việc trường sanh bất tử. Có một điều tôi không hiểu, là tại sao cô ấy lại chết đường?
- Ấy, hai họ đều là tay chợ đen. Giàu lệ mà sụp cũng lệ. Có lẽ cả hai họ đều mất lụn hết rồi, nên không còn ai tìm xác cô ta nữa.
- Tại sao không xin xác về chôn?
- Vô ích, tôi đã nói cái quý chính là sự sống kia mà. Hôm mới vào đây học, tôi công phần hết sức, về việc dùng xác người như các Y Khoa Đại Học trên thế giới đã làm. Nhưng...

Hùng nhìn thẳng vào mắt tôi, hỏi:

– Học Thuốc, anh có lý tưởng gì không?

– Làm giảm bớt những đau đớn của loài người, chỉ có thể thôi. Còn những mộng to, tôi chưa có, vì ít lắm phải « ba sao giữa giờ » mới gây nổi những mộng như vậy.

Tôi nói giọng giấu cợt, nhưng Hùng không thềm đếm xỉa. Anh trề môi rất dài:

– Xoàng, anh xoàng lắm!

Hùng không nói nhiều nữa, để thuyết giáo như hồi nãy. Anh tỏ ra khinh bỉ tôi, một ông lang vườn tương lai.

Tôi không giận, mà lại trái lại thương cái mộng tuổi trẻ kia, và ngậm ngùi nhớ lại bao nhiêu mộng khác của mình thưở nhỏ không bao giờ thực hành được. Tôi siết tay bạn:

– Chúc anh thành công và yêu cầu anh giao mộng ấy lại cho các thế hệ sau, nếu chính anh không toại nguyện.

5. ĂN CƠM CHÙA

BÀ sơ rút nhiệt kế ra khỏi nách tôi, chăm chú đọc nhiệt độ, mặt lộ vẻ ngạc nhiên như không tin ở điều mà bà đọc thấy. Bà dòm mặt tôi, đoạn đọc lại một lần nữa.

Tôi đang hồi hộp vì đoán rằng có chuyện không hay thì bà đã nhảy ra khỏi phòng, làm cho tôi hết hoảng đến cực điểm.

Tôi mắc chứng thương hàn, sốt mê man mấy tuần nay, vừa tỉnh lại chứng kiến sự bối rối của con người áo đen bé loắt choắt

ấy, làm tôi ngỗ, tôi chết đến nơi.

Nhưng gương mặt tươi của bác sĩ Chaput hiện ra nơi khung cửa, giúp tôi an lòng lại ngay. Giờ ấy còn sớm quá, bác sĩ, chắc mới đến nhà thương, chưa kịp mặc áo choàng, còn vận thường phục.

Bà sơ theo sau nói:

– Hẳn không còn nhiệt độ nữa, chắc hẳn phải lạnh lắm, vì sự thay đổi đột ngột này, tôi cho hẳn uống Potion de Todd, bác sĩ nhé!

– Phải đấy.

Đoạn bác sĩ hỏi tôi:

– Ông nghe thế nào?

– Như vừa tái sanh, thưa bác sĩ.

– Tốt! Mới nghe, tôi hoảng lắm, vì nhiệt độ xuống thình lình, có thể là triệu chứng

của sự chảy máu ruột... nếu ông lên ăn gì.

Tôi cười, một cái cười héo hon của con người sốt liên miên hăm tám ngày, mà không ăn uống gì cả trong thời gian đó. Bác sĩ dặn thêm, trước khi rời buồng tôi:

– Vài hôm nữa là thềm ăn, nhưng phải nhịn, ăn là lủng ruột ngay. Ngoan lên nhé!

Quên nói rõ, là tôi mắc bệnh này trước chiến tranh, vào thuở mà loài người chưa tìm ra thuốc trị thương hàn.

Nhà thương cứ để vậy, tiêm thuốc nâng đỡ cho trái tim khỏi lụy, rồi ai kháng chết được, thì sống, ai yếu lắm, là đi.

Như vừa được tái sanh! Tôi nói không quá lỗ lã đâu. Vi trùng thương hàn phá rối sinh lý con người một cách kỳ lạ lắm. Tôi nghe yêu đời ghê hồn và dòm ra sân nhà thương tỉnh Bình Dương (bấy giờ là Thủ Dầu Một), tôi thấy khóm bông gừa,

thứ bông hèn ấy, sao mà hôm nay lại đẹp lạ lùng.

Trưa hôm đó, bác sĩ Chaput khoe với tôi rằng, ở trại bố thí III, một con đồng bệnh với tôi cũng vừa khỏi. Ông ta sung sướng về chuyện ấy lắm, vì con bệnh các trại bố thí chết nhiều quá, khiến dân chúng hiểu lầm, nhà thương bỏ bê người nghèo khó. Sự thật, thì số tử ở đó lên cao theo tỷ lệ, vì các con bệnh nghèo, thường để thật nguy kịch mới vào nhà thương và khi vào điều trị, không có người nhà theo để săn sóc, nhà thương chỉ vừa đủ người lo thuốc men thôi. Còn những sự săn sóc (rất cần) phải được người nhà lo lấy mới mong lành bệnh.

Tôi yêu đời, và cố nhiên, yêu kẻ đồng bệnh vừa khỏi cùng một lượt với tôi. Ba hôm sau, được nuôi dưỡng bằng nước xúp và bột Ý, tôi đã chống gậy đi được, và mục

tiêu phẩm du đầu tiên của tôi là trại III.

Kẻ đồng bệnh với tôi là một cô gái Trung Hoa, hai mươi tuổi, con gái đang thì, cái ngực tất phải to, thế mà tôi trông cô ta xếp lép như con khô hố. Cái mền cô ta đắp, như dán sát vào chiếu nhà thương. Người bạn đồng bệnh với tôi, đi không được như tôi.

Trong cơn nóng sốt không ăn, người nhà tôi có mua Sérum Glucosé cho bác sĩ bơm vào tôi, nhờ thế mà tôi không suy lắm. Con bệnh nghèo này, thì khỏi hưởng món xa xỉ phẩm ấy, mà nhà thương không sắm được, vì kém tài chánh.

Tuy nhiên, nhìn sơ cô gái, tôi cũng thấy là cô ta đẹp lắm. Hoa tàn kia mà còn mang dấu vết thời tươi thắm thay, hương chi đây chỉ là một đoá hoa thiếu nước lọ trong chốc lát thôi... Cứ theo người cùng trại với Á Lì, thì cô ta là một đứa bé «mua». Chú Xùng

Hình, chủ tiệm chạp phô ngoài chợ, năm xưa về thăm quê quán bên Tàu, gặp mùa lụt lội, đói kém, đã mua đứa bé ấy ba mươi đồng bạc. Bạc Trung Hoa với bạc Đông Dương thuở ấy tương đương giá với nhau, thì các bạn biết, con bé ấy rẻ là dường nào.

Chú Xứng Hình cũng khá, xem Á Lì như con chú, chớ nhiều thằng khác, nó nuôi những con bé «nước lụt» ấy cho đến thời trở mã, bắt làm lụng cho bù với số tiền mua, rồi lại hưởng luôn chúng là khác. Như chủ nó, Á Lì là người Triều Châu. Phụ nữ Triều Châu để rìa tóc phủ lên trán, xem rất ngây thơ và có duyên. Họ lại đẹp người hơn tất cả các thứ người Trung Hoa khác. Á Lì lại là gái dung nhan có hạng trong thứ người đẹp này, nên tình thương kẻ đồng bệnh của tôi, bỗng nhiên, tăng lên gấp bội, vì tôi mới có hăm ba tuổi.

Nếu như ở ngoài, chắc không bao giờ

tôi nghĩ đến chuyện yêu một ả nô tỳ, cho dẫu là nó đang đẹp lộng lẫy. Nhưng ở đây, nó là con bệnh, đồng hạng với tất cả con bệnh khác.

Một ngày, tôi chống gậy xuống trại III đến hai lần, lần nào tới nơi, tôi cũng đứng lại nơi cửa trại, để thở dốc một hơi, rồi mới vào được.

Á Lì đoán biết tình cảm của tôi đối với nó, nên lần nào, mắt nó cũng sáng lên, khi nghe tiếng gậy của tôi nện côm cộp trên gạch.

Từ năm lên chín, mãi đến bây giờ, nghĩa là từ năm bị bán và đưa sang nước «An Nam», con nô tỳ này chưa được ai nói ngọt với nó lời nào cả. Bây giờ, bỗng nhiên có một dân mặc bi-da-ma riêng, lân la thăm hỏi nó, thì làm sao nó không rưng rưng lệ sung sướng được.

Mặc dầu chỉ được uống nước cháo với đường hạ, con ở Á Lì cứ càng ngày càng hồng hào ra. Con gái, dường như, có dự trữ trong người những sức mạnh gì như cứ chực vùng lên, không cần ăn gì cho bổ lắm, họ cũng cứ béo tốt ra.

Má Á Lì cạn dần lên, trông ngon như hai trái đào ở bảy phủ Triều Châu mà Á Lì thường ca tụng với tôi. Trông Á Lì, tôi nghĩ ngay đến những phi tần bên Tàu ngày xưa, cũng tuyển lựa trong đám dân «nước lụt» như vậy. Thì ra, con gái Trung Hoa, ngàn đời, vẫn đẹp và vẫn đủ mà tiếp tế cho các cung tần. Á Lì sẽ làm bé chú chệt già đại phú nào đây, một ngày kia.

Hôm ấy, Á Lì ngồi dậy được, nhưng còn phải ăn cháo hoa với hàm-yếu (?). Cháo với vị mặn giúp Á Lì tươi tỉnh hẳn ra. Nó tiếp tôi bằng một bài hát gì đó, tôi không hiểu, nhưng rất thích nghe. Cái giọng mũi của người Triều Châu, khi hát lên, nghe lú

lo rất dễ yêu, nhút là dễ thương, nghe như là họ khóc cảnh sống lầm than của họ.

Á Lì cắt nghĩa cho tôi biết rằng, bài hát ấy nói đến cái mặt trăng nho nhỏ và tròn tròn. Nó mới giải thích tới đó, thì người nhà chú Xùng Hình mang cho nó một gàu-mên cơm. Mắt con Lì sáng hơn là khi tôi mới vào thăm nó nữa. Tôi hỏi:

– Nhà đem cơm từ bao lâu rồi?

– Ngó thềm quá, chỉ mới nhả đem vô lần đầu thôi.

– Lì không nên ăn cơm vội. Bác sĩ không có dặn gì sao?

– Bác sĩ nói tiếng Tây, ngó đâu có hiểu. Bà Sơ biết chút ít tiếng Annam, dặn đừng cho ăn đồ cứng, ăn thì lủn ruột chết liền.

Á Lì nói xong cười ngật ngẹo, một hơi, rồi tiếp:

– Đờn thuở nào, ăn cơm lại chết. Chỉ có không ăn cơm mới chết thôi.

– Lìl không hiểu, chớ ruột Lìl đã bị vi trùng làm cho mỏng lắm rồi đó.

Á Lìl lại cười một giây nữa, mà rằng:

– Bị thuốc của thằng Tây làm cho mỏng thì có. Thầy biết sao không? Hôm nay ông Tây chích cho ngóá chết mà ngóá không chết, nên ông bỏ đói cho ngóá chết đó.

Á Lìl nói rồi vừa kéo gàu-mên cơm lại, vừa nói:

– Ăn cơm với gừng (gùng) nấu dấm thì tốt lắm, như người Annam ăn với muối tiêu vậy mà, chết sao được.

Tôi bối rối quá. Hôm ấy có Má Mẹ, người cai quản các bà Sơ, từ Sài Gòn lên Bình Dương thanh tra, nên bà Louise bận tiếp đón bà Mẹ Bề Trên ấy, không còn ai

cho tôi câu cứu để thuyết lý Á Lìl. Các thầy khán hộ (người phục vụ bệnh nhân ở các bệnh viện. Nay gọi là điều dưỡng.) thì đã dặn con bệnh cũ kiêng xong là nghe tròn bốn phận, không theo dõi họ để ngăn cản gì nữa. Còn tôi, tôi ngại một điều, mà cũng chẳng khỏi.

Khi tôi giựt lấy gàu-mềm cơm, thì Á Lìl giận dữ trách:

– Cổ lủ nói thương ngóa, sao không cho ngóa ăn cơm?

– Vì thương mới không cho ăn.

Thật thế. Nếu Á Lìl chỉ là một cô gái xấu xí, tôi cũng không nỡ để cho nó tự tử một cách gián tiếp như vậy.

Huống chi trong mấy ngày vui mừng tái sanh ấy, tôi lại điên dại mà yêu đứa nô tỳ này.

Lìl cười gằn hỏi:

- Thương gì lại bỏ đói?
- Vì ăn thì chết ngay.
- Đòi thuở nào, ăn cơm lại chết. Chỉ có không ăn cơm mới chết thôi.

Á Lì lập lại câu hỏi này, rồi khóc mù mẫn.

Thật là em nhỏ, mất miếng ăn một cái là khóc bù lu, bù loa. Nhưng không sao, tôi sẽ dỗ em nhỏ, thì em nhỏ nín chờ gì.

Tôi định bụng như thế, nhưng tôi lằm.

Lần đầu tiên, tôi rờ đến Á Lì. Tôi vuốt tóc trán nó và nói rằng:

– Lì nín đi, rán nhịn, rồi vài bữa khỏi hẳn, tôi sẽ đưa Lì đi ăn tửu lâu Triều Châu Đại La Thiên ở Chợ Lớn, có nhiều món ngon bằng một vụn thứ cơm gừng dấm này. Ở Đại La Thiên có chè thịt heo nè, có cù lao nè.

Nhưng Á Lì cứ khóc, khóc như mẹ chết không bằng, lâu lắm nó mới nói được trong tấm tức, tấm tươi:

– Ngóá nhớ tía má của ngóá quá. Tía má ngóá vì không có cơm ăn nên chết. Tía ngóá chết đi được một tháng, thì má ngóá bán ngóá cho Xùng Hình lấy tiền mua gạo cho mấy em của ngóá ăn. Nhưng cả nhà ăn giỏi lắm được mười ngày, chắc rồi cũng chết hết. Cơm sao lại giết người? Không cơm mới nguy chứ!

Nghe Á Lì nhắc tới nguồn gốc nó, tôi đau xót vô cùng. Cơm là giấc ác mộng của người Trung Hoa từ mấy ngàn thế hệ nay, cho đến đôi họ gặp nhau, chào nhau bằng câu: «Ăn cơm chưa?»

Nhưng làm thế nào cho con bé đại đột nầy hiểu rằng, không cơm thì chết đã đành, mà có cơm, lắm khi cũng chết.

Vả, Á Lì không cả quyết ăn vì thèm nữa, mà ăn để trả thù sự chết đói của cả nhà nó, thì làm sao mà thuyết phục nó được. Có lẽ nó đang nhìn cơm, mà nói thầm: «Ừ, ngày xưa, cha mẹ tao không có mầy nên chết, bây giờ gặp mầy đây, tao có dung tha đâu! Tao ăn cho sống dai, mặc kệ lũ nó bày điều, đặt chuyện». Biết nói làm sao cũng không xong, tôi xách gàu-mên mà đi; sau lưng tôi, Á Lì chửi rủa om sòm bằng tiếng Tàu. Nếu nó mà rượt theo được, chắc nó một mắt, một còn với tôi, để cướp cơm lại.

Chiều hôm ấy, tôi trốn luôn, đến sáng ngày hôm sau mới dám chống gậy qua trại III.

Á Lì vắng mặt trên giường. Thấy tôi ngơ ngác tìm quanh, một bà lão vừa họ sù sù, vừa nói:

– Nó chết đêm rồi thầy à, hồi năm giờ sáng, người ta đã khiêng nó xuống nhà xác.

– Trời ơi! Sao lại chết?

Tôi giẫm chân mà hỏi câu ngớ ngẩn ấy.

Người khán hộ ở đâu sau lưng tôi đáp hộ bà lão:

– Chảy máu ruột!

– Sao lại chảy máu ruột?

– Vì ăn!

– Trời ơi!

Bà lão ho, rồi lại nói:

– Thấy giựt cơm của nó mà trốn đi, thì chiều lại, người nhà nó đem cơm vô nữa. Nó ăn xong, tối lại kêu đau bụng, vắn vật tới khuya mới chết.

– Sao bà không mời bác sĩ dùm nó?

– Có, tôi có cho bà Sơ hay, bà có kêu thầy đây.

Bà chỉ vào thầy khán hộ, thầy ta lắc đầu thờ ra và giải thích:

– Tôi có tiêm thuốc cho nó, nhưng không gọi bác sĩ...

– Sao vậy?

– Vô ích. Chỉ có sang máu mới có một chút xú hy vọng cứu nó. Nhưng ai sẽ cho máu nó? Còn thuê người để lấy máu² thì tiền đâu?

Là con trai, tôi không khóc được. Nhưng lòng tôi đã toi bởi như áo mực phơi dưới gió to. Đứng tần ngần giây lâu, tôi hỏi bà lão:

– Nó có nói gì hay không bà, lúc nó hấp hối?

– Có. Nó có kêu thầy...

– Kêu tôi? Có nhắn gì hay không?

² Thuở đó chưa có ngân hàng máu.

Nó kêu khóc rằng: «Thầy hai ơi, té ra, quả thật không cơm cũng chết, mà ăn cơm cũng chết. Ngó nghèo dốt, biết đâu. Trước kia tía má của ngó nghèo nên không ăn cơm, ngày nay ngó nghèo nên không biết, hai lần đều chết. Thầy hai ơi, ở lại mạnh giỏi nhá!»

Tôi không còn là con trai nữa, nhưng tôi không khóc tiếc thương một cô gái đẹp. Tôi chỉ khóc vì một gia đình sống không tên, không tuổi bị thảm kịch cơm làm tuyệt nòi, chỉ còn một mống thôi. Mống ấy trôi dạt đi xa ngàn dặm, qua cái xứ có cơm nhiều nầy, mà lại cũng không thoát khỏi thảm kịch cơm. Ngày nay, mỗi khi nghe một người Trung Hoa chào ai: «Ăn cơm chưa?», tôi bâng khuâng nhớ lại mối tình yêu đầu và nao nao buồn mối tình thương đầu của tôi.

6. PÌ-PÉ-HÁN

ĐÊM ấy, vào một đêm cuối năm, thi sĩ Tôn và vài người bạn văn nghệ được chủ nhơn một ban kịch Trung Hoa mời đi ăn cơm Tàu ở lầu Soái Kinh Lâm.

Tiệc tàn đã lâu, nhưng bên ngoài trời mưa, mưa thảng chập, mấy năm mới rơi xuống một đám, không to, nhưng lạnh quá nên ai cũng ngại ra về.

Tiếng nhạc Tàu, đại tấu ở một phòng tiệc bên cạnh, nghe ăm lỳ cả đến buồng

của họ, đã bắt đầu lạnh như bên ngoài, lạnh vì câu chuyện về khuya rời rạc bởi ai cũng cạn đề. Người đãi tiệc lo lắng, sợ khách của ông ta buồn, nhưng mặc dầu bắt thiệp bao nhiêu, ông ta cũng không làm cho không khí ở đây linh động trở lại được.

Không có một người tân khách nào có mang theo áo mưa cả, vì đang giữa mùa nắng; chủ nhà biết họ ngại dầm mưa ra xe, quyết ngồi lì ở đây, nên cố nặn óc tìm cách giải trí cho họ, nhưng tính mãi mà không tìm được mẹo gì.

Bỗng, họ nghe văng vẳng một hơi nhạc khác hẳn, chơi bằng nhạc khí Âu Châu. Chủ tiệc mừng rỡ trông thấy.

Hơi nhạc ấy lưu động, và cứ to dần lên.

Họ đoán biết những người chơi đàn đang đi trong hành lang dài, ở giữa những gian phòng của tử lâu.

Giàn nhạc gồm có những cây vi-ô-lông, một cây ghi-ta Tây Ban Nha và một phong cầm gì chưa biết rõ.

Bây giờ giàn nhạc đã đi ngang qua cửa phòng của họ.

Các nhạc công dừng lại, nhìn vô, và dạo vài câu nhạc buồn.

Đó là hai người Trung Hoa và một cô xẩm.

Chủ tiệc ngoắc một cái, thì họ bước vào phòng, đứng khép nép mà đợi. Thật là đau lòng! Một nhạc sĩ Việt Nam đờn đệm ở nhà hàng, thường than số phận tủi nhục của nghệ sĩ đêm đêm phải đánh đi ngón đờn để giúp vui cho một mớ người hành lạc say mê trước ly rượu hay trước một người đàn bà, thờ ơ không biết có tiếng đờn, không biết có một nghệ sĩ, nhiều khi thanh cao hơn họ, đang phụng sự họ, để được sống

những ngày cam khổ.

Nhưng giàn nhạc nhà hàng của nhạc sĩ kia, dầu sao cũng giữ trọn nhân phẩm của nhạc sĩ.

Đàng này..., họ như van xin, cầu khẩn một buổi nghe đàn.

Trông họ, Tôn bắt nhớ ngay đến những giàn nhạc lưu động ở Trung Âu và Đông Âu, rất đáng thương trong vở kịch «Anh Em Karamazov» của Dostoievski, do ban kịch CI. Bourrin, đã diễn ở Sài Gòn độ nào.

Tất cả tân khách trong phòng đều lắc đầu từ chối. Chỉ có Tôn là ái ngại nhìn trân á xẩm cầm cây vi-ô-lông. Đây là một bông hoa đã về lúc phấn lợt, hương phai, không còn được ai nài nỉ cho nghe tiếng tơ huyền ảo nữa, nên đến phải ăn mày một cuộc nghe đàn.

Ngỡ Tôn thích nghe nhạc lắm, hay

thích riêng gì cô xẩm, ông chủ gánh hát nói gì vài tiếng với cô ta.

Tức thì cô trao cho Tôn một quyển sổ con ghi tên các bản nhạc, để chàng lựa chọn. Việt có, Tây có, Tàu phần nhiều.

Tôn lắc đầu trả cuốn sổ lại, sau khi lật sơ vài trang.

Thất vọng, cô xẩm cứ kéo liều một bản. Đó là một điệu nhạc Âu Châu mà Tôn đã được nghe, điệu Granada. À, thật là mĩ mai: một người đàn bà tàu, đờn một bản Tây cho một người Việt nghe.

Tôn khoác tay lẹ lẹ bảo thôi. Rồi hối hận và để khỏi mịch lòng á xẩm tội nghiệp này, chàng mỉm cười, hỏi:

– Có biết bản Tàu xưa chẳng?

Á xẩm dứt tiếng đờn, làm thỉnh suy nghĩ giây lát, rồi dạo nhạc.

Bỗng chút, Tôn nhớ lại những câu Tỳ Bà Hành:

Vận đàn vài tiếng dạo qua,

Tuy chưa nên khúc, tình đà thoảng hay.

Nghe nảo nuốt mấy dây bút rút...

Một điệu nhạc Tàu xưa trỗi lên, tuy không được:

Dây to đường đồ mưa rào

Nỉ non dây nhỏ như chiều chuyện riêng.

Nhưng cũng thấm thía buồn lắm rồi.

Á xẩm đồn xong bản nhạc Tàu, lãnh tiền ra khỏi phòng, thì trời cũng vừa dứt hột.

Vài câu hẹn hò tái ngộ xã giao, vài lời cảm ơn, rồi chủ đưa khách xuống lầu.

Họ vừa ra khỏi cửa Soái Kinh Lâm, thì trời bắt đầu mưa lại. Mưa rơi rỉ rả thôi, nhưng cũng đủ làm cho họ khổ lắm, vì trong bao nhiêu khách hàng của cái tửu lâu sang trọng ấy đều lên xe nhà, họ lại phải dầm mưa mà đi cầu bơ, cầu bất như một đám tàn binh. Thi sĩ xông pha mưa gió chỉ nên thơ ở đâu, nhưng ở đây thật là tủi thân.

Họ đi về phía góc đường Tổng Đốc Phương và Đồng Khánh, để đón xe tạt xé ra Sài Gòn.

Khi băng qua đại lộ Tổng Đốc Phương, họ chợt thấy á xẩm hồi nãy co ro mau bước, hộp đồn giấu dưới ngực của cô.

Qua mặt á xẩm, Tôn không dừng được, day lại nhìn.

Chợt thấy Tôn, á xẩm ngạc nhiên như tự hỏi: “Khách đi ăn cao lâu mà cũng dầm mưa về bộ như nhạc sĩ nghèo à?”

Bảy giờ mưa nặng hạt. Tự nhiên, không báo nhau, mà á xẩm và họ đều chạy vội vào núp dưới hàng hiên của một hiệu thuốc Bắc, đường Đồng Khánh.

Gió từng cơn thổi tạt vào hiên những hạt bụi nước mưa nhuyễn bần, nó chích vào da mặt họ như những mũi kim đâm nhẹ vào thịt.

Á xẩm lạnh, run cầm cập, và bối rối lo cho cây đèn phải bị ẩm, mà mãi không biết giấu nó ở đâu.

Thấy khuôn cửa hiệu thuốc Bắc hủng sâu vô trong, Tôn đưa tay cho á xẩm bước vào đó, rồi bỏ hàng hiên và các bạn, chàng cũng vào theo.

Ngoài kia, những chiếc xe Hoa Kỳ bóng lộn, êm ái lướt qua. Đèn trong xe ầm ầm, soi sáng nhiều gương mặt thịt đang cóc cần nghệ thuật một cách đế vương.

Không bao giờ Tôn tử thân nghệ sĩ hơn đêm đó hết. Trong giây phút, chàng nhớ lại nhiều việc rất là không vui. Một người bạn văn, ao ước một cây viết máy EV đã ba năm rồi, mà vẫn chưa mua được. Tệ hơn nữa, một thi nhơn muốn có giấy tốt để làm thơ, mà cũng không làm sao mua nổi một ram.

Một luồng gió lạnh lại thổi qua. Tôn sực nhớ lại á xẩm bên cạnh, vì chàng vừa nghe hai hàm răng cô đánh nhau dòn như người ta nhảy thiết hài.

Day qua nhìn á xẩm, miệng đánh bồ cạp, nách kẹp hộp đồn để sang cho nó đôi chút ấm thừa, một lần nữa, Tôn lại nhớ đến cuộc gặp gỡ trên bến Tầm Dương ngày xa xưa kia:

Cùng một lúa bên trời lặn đận...

Câu thơ của Bạch Cư Dị trong bài hát Tỳ Bà Hành đêm nay sao mà vang dội như

tiếng kêu thương của ngàn thu cũ.

Cơn lạnh của ả ca nhi kia, có phải chẳng là cơn lạnh của chính chàng, của bao nhiêu nghệ sĩ khác?

Tôn là một thi sĩ, mà tài thơ đang vào độ nảy nở tốt cùng. Thế mà chàng đã trải qua những ngày cơ cực, thì còn nói gì vài năm nữa đây, khi thơ sẽ cạn nguồn, lời sẽ hủ lậu, thì thật là “không kẻ đoái người hoài”.

Ngậm ngùi, chàng nhớ lại cảnh đời buồn tẻ của những bạn văn đã về chiều; những ngày chớm nở của họ vui rộn bao nhiêu, thì những ngày tàn tạ lại lẻ loi bấy nhiêu, buồn như cảnh một vị quan xưa về hưu, ô hô xe ngựa, khách khứa, lễ trình.

Còn nhớ đến chẳng mấy ông bạn văn già, chỉ có những cậu học trò biết người qua tác phẩm, không vốn vã lúc đương

thời, cũng không thờ ơ khi tàn nghiệp.

Người ta mời chàng đi ăn đêm hôm nay, chỉ cốt để khoe với thế gian rằng, người ta quen với nghệ sĩ, một nghệ sĩ đang lên. Vài năm sau, một nghệ sĩ khác sẽ thay cho chàng, để đi làm món trang sức cho đám tiệc của những phú ông sành văn nghệ khác.

Tôn tiếc rằng, đã không nông được như thi sĩ Đức Henri Heine, thi sĩ Pháp La Fontaine, để từ chối mọi cuộc đưa đón, mời mọc của những ông nhà giàu thích ké cái thơm lây của văn nghệ sĩ.

Nhưng chàng hối hận ngay. Dầu sao, các ông nhà giàu này cũng còn biết đến văn nghệ sĩ. Còn khối ông nhà giàu khác, chẳng coi văn nghệ sĩ ra cái cóc rác gì hết, thì sao!

Cùng một lúa bên trời lận đận...

Không bao giờ, Tôn thấy chàng thân

hơn nữa với một người, chỉ quen nhau với chàng, vì một chuyến dò này.

– Tỳ Bà Hành?

Tôn đột ngột hỏi á xẩm như vậy. Ý chàng muốn nói: “Cô có biết bài Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị chẳng?”, nhưng dốt tiếng Tàu, và không chắc á xẩm hiểu câu tiếng Việt rắc rối này nên mong ba tiếng chữ Nho ấy giúp cô ta hiểu.

Á xẩm ngơ ngác nhìn chàng, Tôn lại đổi giọng của ba tiếng kia, hỏi nữa:

– Ty Bá Hanh?

Cô xẩm lại càng ngơ ngác.

– Xý Bá Hang? Tôn lại hỏi bằng giọng mới.

– Xý Bá Hang à?

Cô xăm hỏi gặng lại, nhưng vẫn lắc đầu.

– Pi Pé Hán?

Nhận thấy á xăm để tóc rìa phủ lên trán, chàng biết ả ta là người Triều Châu, và nhưn biết giọng đọc của Triều Châu củ trắc của chữ Nho, họ đọc ra bằng và ngược lại, nên Tôn mới đổi giọng cuối cùng, thử một lối đọc, mà chàng mong người Triều Châu hiểu.

Thật là may mắn hết sức. Á xăm hiểu thật, lặp lại câu ngẩn của chàng đến hai lần, vừa nói, vừa cười, vừa gật đầu lia lịa:

– Pi-Pế-Hán! Pi-Pế-Hán! Pi-Pế-Hán!

Ả ta mừng rỡ hết sức, đã đoán hiểu được câu hỏi của Tôn, vì chàng đã nói đúng tên bài thơ Tàu ấy bằng thổ ngữ của cô.

Nhưng nỗi mừng chưa trọn, á xẩm bỗng chợt hiểu những ý nghĩ thâm kín của chàng, chợt liên tưởng, như chàng, đến người ca nhi già gầy đồn Tỳ Bà trên vàm sông Bôn, cho một thi sĩ lưu lạc nghe. Mặt cô bỗng đượm buồn hơn cái đám mưa nắng nặng ngoài kia.

Á xẩm nhìn Tôn, nhìn chiếc sơ-mi đã nhàu nát, chiếc cà-vạt đã ngả màu, và chắc cô cũng đã liên tưởng đến một vạt áo lam hoen bụi viễn tái.

Cô ngậm nho nhỏ những gì mà Tôn đoán hiểu như là:

Kim niên hoan tái phục lai niên,

Mộ khứ triều lai, nhan sắc cổ.

Môn tiền lãnh lạc, xa mã hy...

Bỗng Tôn nghe cô ta nấc lên mấy tiếng.

Dưới ánh đèn lò mờ, vài giọt nước chảy
lăn trên má cô. Lệ hay nước mưa?

“Pi-Pế-Hán! Pi-Pế-Hán!”

Á xẩm thốn thức, lập đi, lập lại tên của
bài thơ Bạch Cư Dị đến mấy lần.

* * *

Đêm hôm đó, viên Tư Mã tưởng tượng
của đất Giang Châu không cho lệ thấm lam
y, vì trong giây phút trấn tĩnh, hắn thấy
mình chưa chịu chiến bại như ả ca nhi kia.

7. CHO TAY NÀY, LẤY TAY KIA

*Truyện này do mẫu truyện nhỏ ở
tạp chí Selection gợi hứng và viết theo
tài liệu chuyên môn của sinh viên H. ở Sài Gòn.*

BÌNH viện Bình Dân, một buổi sáng. Giáo Sư H. đi đến giường số 17, thì dừng lại. Sau lưng ông, người ta đồn đồn như tại một ngã tư phố Sài Gòn, xe đồn cục lúc đèn đỏ cháy lên.

Họ đứng sau lưng ông, đông, trên hai mươi mạng: bốn anh nội trú, tám anh ngoại trú, mười sinh viên thường và hai nữ y tá.

Bác Sĩ H. là một Giáo Sư Y Khoa lỗi lạc,

mà thủ thuật đã được nhiều tạp chí Pháp và Mỹ nói đến, nên hể ông đi thăm bệnh, là bao nhiêu người thích tìm tòi, học hỏi đi theo đông đủ sau lưng.

Khi họ dồn lại một nơi, thì con bệnh không còn biết ai là «bác sĩ thầy» nữa cả. Giáo Sư, người thấp bé, ăn mặc rất khiêm tốn, cái đầu trọc lóc, thật kém đẹp, kém oai hơn sinh viên nhiều. Ông lại pha trò suốt ngày, khiến người ta tưởng, đó là một thanh niên vui tánh, mới vào học.

Giáo Sư quay lại hỏi nội trú Thành, người gác nhà thương đêm rồi:

– 17 mới vào à? Đâu, quan sát đâu?

Nội trú Thành lướt tới, tay cầm xấp tài liệu, rồi nói như giảng bài, cho tất cả sinh viên đều nghe:

– Người này bị chứng ung thư phổi. Dấu hiệu chánh: đầu móng tay bầm tím

và co quắp lại. Những dấu hiệu phụ: nghẹt thở gây ồm nhanh chóng trong mười lăm hôm...

Giáo Sư vừa lắng tai nghe phúc trình của anh nội trú giỏi nhứt nhà thương, vừa bước tới kiểm soát lời anh ta.

Khi Thành phúc trình xong, Giáo Sư hỏi:

– Phụ Giáo đâu?

Lúc ấy, người Phụ Giáo ở ngoài, vừa bước vào. Giáo Sư nói:

– Bác Sĩ à, cho chuẩn bị để mổ ngay.

– Chuẩn bị rồi, thưa Thầy.

Đường, sinh viên thường, năm thứ nhì, chen tới hỏi:

– Thưa Thầy, liệu cứu hẳn được hay không?

Họ trao đổi ý nghĩ với nhau bằng ngoại ngữ, nhờ thế con bệnh không hiểu được, nên khỏi sợ sệt.

– Rất có thể thành công. Giáo Sư khiêm tốn đáp.

Đường lại hỏi thêm:

– Thưa Thầy, bệnh sẽ tái lại hay không?

Giáo Sư mỉm cười:

– Nếu nó không tái lại, hóa ra loài người đã chữa ung thư được rồi à? Không, vài năm sau hẳn sẽ chết. Cố gắng của khoa học là lùi phút chót của con bệnh lại, lâu chừng nào hay chừng nấy.

* * *

Giáo Sư đã thành công. Không ai ngạc nhiên hết, vì ông ấy mổ vững như thợ thiện

gà. Nhưng mấy hôm sau, con bệnh bị nhiều chứng. Đầu tiên là chứng nghệt phát quản phổi. Có những giọt máu khô sau cuộc mổ mà con người không làm sao tìm thấy được. Một giọt máu khô ấy, theo vết thương mổ, chạy vào phát quản, rồi bị dòng máu đẩy đi. Nhưng một khi kia, gặp nơi phát quản hẹp quá thế là nó chặn ngõ đón truông, không cho tuần hoàn làm việc.

Lại phải mổ. Mà trước khi mổ phải khó nhọc tìm xem tên phẩn loạn phá hoại sự lưu thông ấy trốn chắc chắn nơi đâu.

Hệ thống lưu thông của máu huyết vừa được giải tỏa, thì con bệnh lại bị nhiễm trùng độc.

Vì mổ mãi, nên vi trùng có dịp xâm lăng cơ thể anh ấy, như mở cửa thành cho quân địch vào ấy mà! Một thành phố kiểm soát chặt chẽ bao nhiêu cũng khó ngăn sự len lỏi của ẩn binh. Miệng mổ và dụng cụ

được khử độc kỹ lưỡng bậc nào, cũng không chận toàn thể vi trùng đột nhập.

Tất cả nhà thương đều được huy động để săn sóc con bệnh, tất cả dụng cụ, thuốc men đều được xử dụng để đối phó đến hàng chục nhiều chứng mà hãn vương phải.

Ở bệnh viện Bình Dân, trại nào cũng là trại do Y Khoa Đại Học phụ trách để nghiên cứu cả. Ngoài, người ta không biết, nghe nói học trò đến học thì sợ lắm, ngại họ dùng các con bệnh làm đám đất thí nghiệm. Sự thật, thì Y Khoa Đại Học cẩn thận hơn cả nhà thương thường, không hề thí nghiệm càn như người ta ngỡ. Trái lại, sự săn sóc thì châu đáo đến mức kiểu mẫu cho sinh viên noi theo. Còn sinh viên, thì phần đông, tận tâm, cố gắng để được hành nghề.

Thành thử, con bệnh, nhứt là những con bệnh mấy chứng nguy, được họ chiến

đấu quyết liệt với thân chết, để cướp hản lại. Bao nhiêu tự ái đều nhảy ra mặt trận: tự ái của ông thầy quyết cho học trò tín nhiệm, tự ái của sinh viên quyết chứng tỏ mình hiểu biết và làm được. Ngoài ra, lương tâm nhà nghề và tinh thần đồng đội cũng tiếp chiến với bao nhiêu thứ kia.

Sáng sáng, xem biểu nhiệt độ, họ lặng thinh mà thở dài, hoặc nhảy nhót từng bùng, ôm nhau mà cười, nói:

– Ta đã thắng!

Sự thắng bại thật là bất phân. Vài hôm, bên tử thần muốn làm chủ tình hình, hôm khác, bên đoàn Y Khoa lấn nước.

Hai đối thủ tranh nhau từng tấc đất, rình rập nhau để chụp lấy sơ hở của bên kia. Bên tử thần cứ lù lù tiến tới, trong những bước chậm rãi, một cách hiểm ác, chậm rãi mà chắc chắn, vì hản tin, không con mồi

nào thoát khỏi hần cả.

Bên đoàn Y Khoa, hôm thì tấn công ô ạt, hôm lại dùng chiến thuật du kích, để khai trừ từng thằng một, những binh tướng lẻ tẻ của thần chết như là động kinh, vọp bẻ vằn vằn...

Không giờ phút nào mà cuộc chiến đấu không diễn ra và kẻ chịu đựng nhứt trong bọn là các nội trú. Đời Y Khoa không có gì khổ hạnh bằng mấy năm nội trú. Trăm đầu đều đổ lên đầu nội trú, đến nỗi mấy anh ấy ăn, ngủ đều mặc áo choàng trắng sẵn trong mình, thảo nào mà nhiều vị lương y không khoe bằng Bác Sĩ, mà lại biên lên bảng hiệu: Cựu Nội Trú, cho người ngoài khiếp phục chơi. Nội cái việc thi đỗ vào nội trú cũng bằng là vượt Vũ Môn cấp nhì vậy.

Ngày thứ năm mươi sáu, sốt lui một cách đột ngột.

Tử thần, dường như thấy khó thở, nên nửa đêm rút đi êm thắm và trật tự.

Mười một giờ đêm hôm đó, anh nội trú Ân đi soát lại cái giường lần cuối cùng, để vào buồng ngả lưng một lúc. Anh rờ lên trán anh 17, thì nghe mát lạnh. Hoảng hốt và mừng rỡ, anh chạy vào buồng đánh thức bạn đồng khoa dậy:

– Giấc! giấc! tụi bây ơi!

Bạn kia dụi mắt hỏi:

– Bịnh vào à?

– Không, giấc lui rồi!

– Giấc nào?

– Giấc 17.

– Hân chết rồi à?

– Không, thủy hạ.

Cả bọn đều nhảy xuống giường. Anh Tuấn hét:

– Đi lấy Potion de Todd mau lên!

Khi nhiệt độ xuống thành lành như thế, con bệnh cũng nguy, vì hắn có thể bị nhiều chứng khác, nên phải cho hắn uống Potion de Todd cho hắn ấm lại.

Bọn sinh viên chạy rần rần ngoài trại bệnh, vây lấy con bệnh, mà tên đã bị quên mất, và được họ gọi là 17. 17, cái tên ám ảnh, cái tên khủng khiếp, làm cho họ mất ăn, mất ngủ gần hai tháng trời nay.

Con bệnh vừa tỉnh, ngơ ngác nhìn đám người lạ mặt đang cúi xuống người hắn. Một anh lạ mặt, nắm lấy tay hắn, để bắt mạch tay.

Từ đó đến sáng, họ lui tới phòng 17 không ngớt, hỏi hắn đủ điều, thật khổ sở cho hắn.

* * *

Giáo Sư H. vỗ bụng 17, nghe răng ra cười, mà rằng:

– Vài hôm, anh về, răng mà ăn phở, anh gây lắm rồi!

Cả bọn sinh viên đều cười rộ lên. Giáo Sư H. là người miền Bắc. Họ ngỡ Giáo Sư quảng cáo cho món ăn quê hương của ông, nên cười chế nhạo tự ái địa phương của ông.

Giáo Sư như đoán hiểu, day lại giải thích bằng ngoại ngữ :

– Các anh đừng lầm. Người bình dân này không mong ăn được gan sống, trứng sống hoặc các thức ăn bồi bổ khác. Món ăn bổ nhất và rẻ tiền nhất, mà hẳn có thể hưởng được là món phở. Tôi khuyên thiết

thực chứ không phải vì tự ái địa phương, mà cũng không đùa.

Con bệnh được cho nằm thêm mười hôm để quan sát lại.

Tất cả đoàn Y Khoa, ai cũng xem hấn là tác phẩm của họ. Họ đã để bao nhiêu là mồ hôi, là tâm trí vào con người của hấn, nên họ cứ ngỡ là chính họ đã tạo ra hấn.

Vì thế, họ đã thương mến hấn như thương mến một đứa con đẻ. Còn sót lại bao nhiêu ngày ở chung với hấn, họ cố thương mến vội vàng để vớt vát được bao nhiêu hay bấy nhiêu những mảnh tình vụn giữa con bệnh và họ.

Vài hôm nữa đây, hấn sẽ trở về làng xa hẻo lánh của hấn và không bao giờ còn nghe ai nói đến tên hấn nữa.

Còn đâu con người hay ho, mà mỗi giây phút, mỗi nhắc nhở cho họ tài giỏi tận

tâm và thành công của họ nữa.

Anh nông dân đi đất ấy được mấy cô sinh viên thêu tặng nhiều chiếc khăn tay rất đẹp, sức nước hoa.

Mấy anh sinh viên thì tiếp tế thuốc thơm, ngon ngoại quốc, anh ta không biết cắt đâu cho hết, vì Giáo Sư căn dặn anh đừng hút thuốc điếu.

Những bữa ăn của anh là những bữa ăn của ông hoàng; phần ăn nhà thương của anh, bọn sinh viên lấy cho công nhưn nhà thương hết, rồi thay vào đó là gà nấu đậu, cà-ri dê, sô-cô-la đủ thứ món ngon, vật lạ, mà họ xuất tiền ra để mua sắm.

Bàn đầu giường của 17 ngày nào cũng được trang trí bằng hoa thơm, một đĩa trái cây, và giường anh được trang trí bằng những cô khách sinh viên xinh xắn hay ngồi xề lại để nói một câu chuyện ngắn ngắn

với anh. Lần lần, giường 17 biến thành câu lạc bộ của hai mươi sinh viên trai và gái, nội, ngoại trú và thường. Họ trực hợp ở đó trong những phút ngớt việc, họ hỏi thăm công việc đồng áng của anh ta, họ trao đổi tin tức với nhau, kẻ nắm chơn anh, người vuốt tóc anh, mà đàm đạo như trong sa-lông tân khách vuốt ve một lọ cổ quý.

Còn ba hôm nữa là hấn ra nhà thương.

Còn hai hôm nữa...

Còn một hôm nữa...

Hôm kế chót ấy, họ bu lại đó mà làm thính, bù ngủi nghĩ đến sự vĩnh biệt hôm sau: «bá niên vạn kiếp nan tao ngộ!» Cả đến Giáo Sư H. và ông Phụ Giáo làm việc bù đầu, mà cũng tìm cách ghé qua, để nói đùa với hấn một vài câu, nói bông lơn ngoài miệng, mà lòng ngậm ngủi thương ai.

Hôm sau đó, Giáo Sư H. đi thăm bệnh, chữa giường 17 lại, đặng thăm sau hết để giã từ. Khi ông và đoàn sinh viên tới nơi, con bệnh đã sẵn sàng khăn gói.

Bác Sĩ chưng hửng, hỏi:

– Về ngay bây giờ à? Thường thường, cho về hôm nay, thì chiều lại, hay ngày sau, người ta mới về chứ.

– Thưa Bác Sĩ, tôi nhớ nhà quá.

– Ừ, thì về. Nhớ ráng mà ăn phở nhé!

Giáo Sư bị sinh viên gán cho tục danh là ông «Thầy phở» vì ai ra về, ông ấy cũng căn dặn ăn phở cả.

17 từ biệt từng người đã sẵn sóc mình, từ biệt từng người những con bệnh khác, rồi mang gói ra đi.

Giáo Sư H. thấy sinh viên trù mến con bệnh quá, đoán biết tâm trạng họ, nên thấy

cần đề cao khoa học, để cho tự ái của họ lùi về đúng chỗ của nó. Ông nói:

– Nếu biên sổ tính tỉ mỉ, thì con bệnh này đã tiêu phí của công quỹ gần tám mươi nghìn đồng, trong non hai tháng trời về tiền cơm, tiền thuốc, tiền công mổ xẻ vân vân...

Tuy thế, công quỹ không cho hấn bao nhiêu đâu, mà các anh, các chị, tuy khó nhọc cũng chẳng cho hấn bao nhiêu. Chính khoa học đã cho hấn tất cả. Từ phương pháp tối tân, dụng cụ mổ xẻ tối tân, đến các thứ thuốc trụ sinh đều là công của khoa học, của phương pháp tìm tòi rất khoa học và của khoa học.

Vừa nói, ông thấy lỗi lạc và đám sinh viên vừa theo dõi bằng mắt con người tốt số đã thoát khỏi nanh vuốt của thần chết.

Hắn ra tới vỉa hè, bước xuống phố, để băng qua đường Hai Mươi³. Hắn vui mừng, nên đi xăn xái, cúi xuống nhìn lớp nhựa đen, như đang nghĩ đến ruộng nương xa xôi, mà hắn rời bỏ mấy tháng nay. Hình ảnh một túp lều tranh bên bờ rạch, chắc đang hiện lên, thân thiết hơn bao giờ cả.

Bỗng một chiếc cam-nhông, một sản phẩm của khoa học, từ phía Ngã Bảy lù lù tới đâm vào hắn. Chiếc bọc gói văng ra xa, còn hắn thì ngã xuống, rồi bánh xe nặng đè lên ngực hắn.

Cả đoàn Y Khoa đều kêu trời lên, rồi đứng lạng người, chết sững trước sự bạc bẽo của số mạng. Chị ngoại trú Hương rú lên một tiếng, rồi ngắt đi trên cánh tay anh Thập, một sinh viên mới vào học, ngơ ngác không hiểu gì cả.

3 đường Phan Thanh Giản/Điện Biên Phủ

Anh ngoại trú Danh dấm ngực mà kêu:

– Trời ơi, bao nhiêu công của hai tháng trời! Thật là vô lý!

Giáo Sư H. chỉ thở dài mà nói nho nhỏ:

– Khoa học đã lấy lại tất cả những gì khoa học đã cho...

8. HỒN MA CŨ

*Đâu đây đồng vọng cõi xa xưa
Thổ ngời thơm phúc; hồn ma cũ...
B.N.L.*

KỠ đẩy xe đạp qua các bờ đất, ra tới ngã ba Cầu Kinh, thì mặt nhứt mới tô lợt son Tàu lên tấm nền trời dưng sau những ngọn dừa nước ở hướng Đông.

Từ đó mà ra Sài Gòn, vào giờ đường vắng, chỉ mất mười lăm phút là cùng; Kỳ cũng chẳng có công chuyện gì cần phải làm sớm. Thế mà chàng cũng cứ dậy khuya mà đi như mọi ngày.

Qua đường Hàng Xanh, qua đường

Hàng Bàng, qua đại lộ Hai Bà Trưng, xuống «Một Hình», rồi đổ ra Chợ Cũ. Kỳ đi thật là lòng vòng, do các nẻo xa nhứt để đi tới đích.

Chợ Cũ còn dụi mắt, trừ các tiệm cà phê. Kỳ sung sướng như về quê nhà và vào ngay tiệm nước ở góc hai phố X.Y.

Chàng ngồi trước chiếc bàn con đặt sát vách, không nhìn ai hết, cốt tránh thấy. Chàng muốn nghe nhiều và ngửi sâu. Ở đây có những tiếng động, những âm thanh, những mùi vị quen thuộc và rất thân yêu mà chàng mến thích.

Ngoài sau bếp, người thợ xiu-mại băm thịt bằng hai con dao Tàu, mà hấn hạ lưỡi dao xuống thớt theo một nhịp điệu kỳ lạ, nghe như một khúc nhạc man rợ nhưng vẫn êm tai. Những anh phổ ky hô món ăn hoặc hô số tiền, mà khách phải trả, không phải bằng văn xuôi, mà bằng lời hát có ca,

có kệ đàn hoàng. Khi một người khách đứng lên, hấn hát to cho anh thủ quỹ nghe: «....a... người đội nón nỉ đen á...à...à...sáu đồng lẻ bảy cắc ạ...a...». Lẽ cố nhiên, hấn hát bằng tiếng Tàu, thổ ngữ Quảng Đông, nên câu hát thành dài lê thê, vì những á...a, á...à, nghe rất thú vị. Có một câu ngắn: bạc tấy tấy tổng mùi mà hấn làm được một bài hát nhỏ, nghe nga đến lúc tách sữa trứng gà bùng ra tới bàn khách, bài hát mới dứt.

Mùi bánh bao hấp từ các xửng dưới lò bốc lên, mùi cà phê rịn ra từ những chiếc vợt đầu tiên trong ngày, tất cả những tiếng và hơi ấy tạo thành một không khí, mà Kỳ rất thích.

Ngày nay, các tiệm cà phê các-chú, phân đông đã đổi mới, không ca hát lằng nhằng nữa, không bầm dao trên thớt theo một nhịp điệu riêng nữa, nên Kỳ chỉ vào tiệm nầy thôi. Chàng đã ghiền không khí ở

đây, ghiền cả thời gian nữa; phải ngồi tiệm vào lúc thật sớm, như bây giờ, mới hưởng đầy đủ không khí một tiệm cà-phê các-chú ngày xưa.

Cho đến cái dơ bẩn trong tiệm này, chàng cũng yêu, vì đặc tính ấy là yếu tố không khí kia, thiếu nó không xong. Những anh phổ ky lén cảnh sát, cỏi trần ra, chàng thấy là ngồ ngộ, hợp với toàn thể của tiệm nước bình dân này. Ăn mặc đàng hoàng và sạch sẽ, họ sẽ giống những lọ sứ cổ bày trong nhà tranh.

Kỳ còn ghiền một yếu tố nữa, mà không phải lúc nào cũng đòi hỏi được. Đó là những buổi sáng sớm mưa dầm. Bên ngoài, mưa gió lạnh, mà ngồi được trước một tách cà phê lên hơi, bên cạnh cái lò chụm trấu, thì thú tuyệt vời. Càng thú hơn, khi nghe một anh phổ ky đối đáp với khách hàng:

– Nị không lạnh sao, mà ở trần?

– Hà cái lây pên Tàu lạng lẩn (lạnh lẩm) qua pên lây lực lẩn (nực lẩm), khoong pết (không biết) lạng mà...

Nghe câu nói ấy, không khỏi nghĩ đến một xứ rét run, và mình càng cảm thấy ấm hơn trong tiệm nầy. Kỳ ngồi làm thính, không kêu món uống. Thế mà anh phổ ký lại hát lên: «Vách bên trái, cà phê không thật đậm, nhớ lược bằng vợt mới, nghe không». Rồi người thủ quỹ kiêm nhơn viên rót cà-phê, nhìn chàng một cái, đoạn thi hành y theo lời phổ ký dặn dò.

Đó là yếu tố quan trọng nhứt của không khí tiệm nầy. Đây là một tiệm cà-phê lâu đời và nhứt là một tiệm cà-phê giữ truyền thống của họ, nên họ có những người khách lâu năm, rất lâu năm. Họ thuộc lòng từ ý muốn nhỏ của mỗi người khách: người nầy ba muống đường; người kia một muống rưỡi thôi. Còn khách thì không thốt ra lời

nào cũng có kẻ đứng tới tay món uống vừa ý.

Kỳ lấy muống nhỏ dò đáy ly cà phê đen như thuốc Bắc: chỉ có độ một muống đường cát ở dưới ấy thôi, thật là đúng sở thích của chàng. Chàng gá muống lên miệng đĩa, cúi xuống hớp một hớp cà phê, chấp chấp lưỡi để lắng nghe mùi thơm của nó, đoạn ngược lên, tay giỡn với mấy cái đĩa giò-cháo-quẩy và bánh bao. Chàng ngồi đây tới chín giờ mới gặp bạn được, thì mặc sức tiêu phí thời giờ. Gặp bạn? Ừ, hôm nay Kỳ bị mấy thằng bạn văn ép phải gặp mặt chúng nó tại nhà một đứa. Để làm gì? Để quyết định thái độ về hai chữ ph và f. Nghĩ tới đây, chàng bật cười. Quanh chàng, không ai thềm chú ý tới cử chỉ đó. Khách hàng thức giấc thật sớm, đều kỳ dị như thế cả. Đó là những anh hàng phở, uống vội vàng để còn phải về lo hàng mình; những anh Ấn Độ gác đêm cho các hãng Tây bận ả ra, ả ra với nhau; những

anh soát vé ô-tô-buýt vừa uống, vừa xem chừng đồng hồ tay. Người nào cũng sống riêng với nội tâm của mình, vui riêng, cười lẻ, khóc thầm.

Kỳ bật cười, vì thấy vấn đề chữ f không làm chết ai, không bỏ đời ai bao giờ, thế mà bọn nhà văn ấy ăn ngủ không được, vì nó. Lý lẽ của lũ ấy đưa ra là như thế này: phải viết ph thì đúng với giọng đọc của người Việt xưa. Nhưng người Việt ngày nay phát âm sai, đọc ph y hệt như f, vậy nên viết f cho đúng theo giọng đọc thời bây giờ và cho gọn. Cần phải họp cho đông đủ, thảo luận rồi biểu quyết, rồi thực hành để thiên hạ bắt chước theo.

Kỳ không thể từ chối gặp bạn. Nhưng chàng đã nhứt quyết chống lại chữ f. Nghĩ tới quyết định này, chàng lại bật cười lần nữa. Thật là quan trọng hóa con tép. Tưởng chống lại lý thuyết nào, ai ngờ chống lại... chữ f tí hon.

Tại sao chàng chống lại chữ f, chàng cũng không hiểu cho rõ lắm. Nhưng trực giác của chàng nói thầm cho chàng biết rằng, viết như thế không ổn.

Soát lại công việc hôm đó, chàng nghe yên lòng. Chỉ có bấy nhiêu rắc rối đó thôi, rồi an tâm được tới chiều để viết lách.

Kỳ nâng ly lên uống một ngụm cà phê còn quá nóng, chưa nốc được một hơi dài. Vả, chàng lại mong cho nó nóng mãi như thế này, uống chấm chút mới ngon. Cà phê uống ở nhà thật vô vị, uống nơi tiệm khác lại nhạt phèo. Ngồi đây mà tận hưởng cà phê và các thứ khác dính líu chặt chẽ vào cà phê này, hay biết bao! Ngày nào cũng thế, chàng ngồi đó như một vị tiên bất tử. Khách hàng, hết lớp này đến lớp kia ra vào, y như các thế hệ người kế tiếp nhau mà tàn mọc trên dương thế, còn chàng thì ở ngoài càn khôn mà nhìn những kiếp sống phù du này.

Ngộ quá, mỗi giờ khác, một hạng người khác nhau. Sau chàng là những người làm công các tiệm chung quanh; hết họ, đến những kẻ đi làm; hạng sau cùng là những người không nghề nghiệp, hoặc không thời dụng biểu nhứt định.

Khi mà không khí ưa thích lần tan cùng một lượt với đèn tắt, ngày lên. Kỳ mới chú ý nhìn người và vật chung quanh. Những gương mặt của thầy thợ quen mọi ngày, nhìn mãi không thấy gì lạ, mà không có thì không xong. Cây cối quanh làng ta, có khi vương mắt ta lắm. Nhưng nếu có một hỏa hoạn xảy ra trong làng, mọi vật đều bị thiêu hủy, thì ta tiếc những gốc cây quen thuộc biết bao nhiêu! Nó là những nét của cảnh trí, những vật ở chân trời cũ, thiếu đi, nghe buồn làm sao.

Hôm nay, một thầy lại đem theo một thằng con nhỏ. Thằng bé độ mười tuổi, tay

cấp cấp da, chùng như đi học đầu đó mà hôm ấy không người nhà đưa, nên người cha mới phải bận bịu như thế, lúc đi làm.

Hai cha con ngồi lại bàn. Người cha kêu cà phê cho mình và sữa cho con, nhưng kêu bằng thổ ngữ Quảng Đông, nên thằng bé không hay biết. Chùng phổ ký đem món uống lại, nó mới nói:

– Ba ơi, con muốn uống cà phê như ba!

– Ê, trẻ con không nên uống cà phê.

Người cha vừa nói, vừa xé cái bánh tiêu, nhét xiu mại vào để làm nhưn, rồi trao cho con.

Kỳ, bỗng nhiên giật mình, ngó dáo dác như nghe ngóng cái gì. Không, không có gì cả! Nhưng chàng không an lòng, có cảm giác là tiếng động gì, hình ảnh gì vừa thoáng hiện, lại trốn đi và đang lẫn lút đâu đây. Tiếng động ấy, hình ảnh ấy ra sao,

chàng không rõ, nhưng cứ tin là nó dễ yêu lắm.

Liên đó, một cuộc săn đuổi ráo riết. Kỳ rượt theo một ấn tượng, một cái gì vô hình, lấp ló đâu đây. Có lúc chàng suýt chụp được nó, nhưng nó lại vượt đi. Những gì xảy ra quanh chàng, bỗng giờ phút này, sao mà nghe thấy rất xa xôi, như đã nghe thấy đâu từ kiếp tiền thân.

Thình lình Kỳ ngậy người ra: chàng vừa thấy người cha đưa bé rót cà phê ra đĩa cho mau nguội, rồi nâng đĩa lên mà uống.

Cảnh này, chàng đã thấy rồi... trời ơi... lâu lắm... những hai mươi năm về trước. Đó là lỗi uống trong đĩa của ông ngoại chàng, một ông cụ nhà quê, thỉnh thoảng dắt cháu ra chợ để hưởng thú thị thành. Hình ảnh uống cà phê bằng đĩa này, như bấm vào nút điện, và cả một bộ máy được huy động. Những người của dĩ vãng như hồn ma, lũ

lượt kéo qua trước mặt chàng.

Hồn ma cũ ấy chỉ hiện về trong cảnh náo nhiệt này, là vì có cuộc trùng phùng cơ hội như hôm nay: thời gian, nơi chốn, màu sắc, hình ảnh, mùi vị, tiếng động, âm thanh; tất cả những thứ ấy, khi đủ mặt, họp nhau để huy động ký ức của chàng.

Bảy giờ, Kỳ mới hiểu, tại sao chàng lại ưa thích tiệm cà phê này. Hồn ma cũ ngủ yên nơi tiềm thức của chàng. Đó là những hồn ma thương mến. Tiệm cà phê này có gần đủ điều kiện để kêu gọi hồn ma. Gần đủ nhưng chưa bao giờ đầy đủ, nên tiềm thức chàng ngủ quên luôn. Ngủ quên, nhưng vẫn giục chàng đến đó, mà chàng không biết tại sao, chỉ hôm nay mới hiểu rõ.

Thì ra, tiềm thức đã chủ động nhiều việc trong đời người, trong đời chàng;

những việc ta làm, mà cũng không hiểu vì sao mà làm.

Kỳ lần thần tìm xem coi do đâu mà chàng ghét chữ f, một tình cảm chàng đang có, mà không biết nguyên nhân.

Ngộ! Khi này không tìm mà hồn ma tìm đến. Bây giờ đọc thần chú, nó cũng chẳng về. Phương trình còn thiếu rất nhiều yếu tố

Ký ức = thời gian + nơi chốn + màu sắc + tiếng động + âm thanh + mùi vị + hình ảnh.

Chữ f đã dính líu với những hình ảnh nào, chàng thật mù tịt. Nên chi Kỳ thôi không thèm tìm biết nữa. Ngày kia, có một cuộc quy tụ yếu tố, tự nhiên chàng sẽ nhớ về chữ f ấy.

Bây giờ theo dõi những hồn ma yêu dấu thú hơn. Chàng thường theo ông ngoại

ra chợ uống cà phê... Chàng ra tỉnh học... Chàng lên Sài Gòn... Ma nhiều lắm! Ôi! Mến yêu là những con ma tóc còn đường rẽ, áo quần còn hôi mùi ruộng bùn, cùng nhau ngơ ngác giữa đô thành! Ôi! Bụi ngùi là những con ma giáo sư tóc muối tiêu mà bây giờ, hửn, đã đi đầu thai kiếp khác rồi.

Ôi! Bối rối là những con ma... Kỳ nghe tê tái nơi lòng, mắt ứa lệ. Bối rối là những con ma thiếu nữ gặp nơi nhà quen, khi ra chơi chúa nhứt, những con ma, nó làm cậu học sinh lưu trú ngơ ngẩn suốt tuần. Ôi! dịu dàng là những con ma áo tím..., mà trời ơi!...

Kỳ nhớ lại, ngày chàng được bức thư tay cuối cùng của người bạn tình đầu tiên ấy. Thiếu niên, bao giờ, cũng đại về tình. Chàng đã toan tự tử, nghĩ thật buồn cười. Hình như là chàng thuộc lòng bức thư ấy. Đâu nào...à. «Anh không fải là người lý

tưởng của em, vậy ta dứt nơi đây là hơn. Dầu sao, em cũng đã thành thật yêu anh trong một thời gian, thì anh không thể nói là em thờ ơ hay phụ bạc được...».

Kỳ ngược lên, cười khà. Chàng đã bắt được kẻ trốn tránh, khi đọc lại đoạn thư ấy. Chàng nắm lấy chóp nó và la thầm trong bụng:

– Nó đây rồi!

Phải, nó đấy; nó viết ph bằng chữ f. Chàng ghét, giận nó, và giận luôn cả chữ của nó tự bao lâu rồi.

Kỳ lại cười lớn lên một giây nữa và lẩm bẩm:

– Tội nó mà biết sự thật về chữ f, chắc tội nó cười mình dữ lắm.

9. NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỂ

HOÀNG Hậu Ái Mỹ lấy ngón tay uốn nhánh dâu để xem nó đủ sức cứng rắn chưa, đặt chặt về biểu con trai yêu quý của bà, vì cậu Thái Tử tương lai mơ ước một cây cung vừa dẻo dai, vừa bền chắc.

Hoàng Hậu chợt thấy một con bướm rất xấu xí, thân hình toàn một màu trắng mông mốc và yếu đuối như vừa mới nở. Nhưng nó không là mới nở đâu, vì nó đang

quần quai trên một lá dâu, rồi giây lâu, để lên đó một mớ trứng vàng.

Đẻ xong, bướm ta dò dẫm bò chầm chậm ra bìa lá, chớp lia lịa hai cánh yếu mềm, không đủ sức nâng cái thân hình của nó lên không trung.

Bướm nhìn vực thẳm dưới kia, lao đảo như say rượu, rồi vô tình hay cố ý không rõ, rơi mình xuống vực. Bướm rơi xuôi xị như một lá chết, hai cánh mong manh không thềm cửa quật nữa.

Bướm chết thật rồi.

Hoàng Hậu ngạc nhiên quá, nhưng bận chặt nhánh dâu, nên không để tâm thêm về cái chết này.

Những ngày sau, Hoàng Hậu quên mất con bướm vẫn sống, nhưng một hôm, ra thăm lại cây dâu, để tìm một nhánh làm cung nữa, thì Hoàng Hậu thấy những trứng vàng

đã nở ra những con sâu lông dài màu đen như những con sâu rọm.

Cha nào con nấy, con nhà tông không giống lông cũng giống cánh, sâu này yếu đuối không thua gì mẹ nó là con bướm mốc hôm trước.

Hoàng Hậu đoán những vật èo uột này, rồi cũng chết mất thôi.

Quả thật thế, hai hôm sau, ra thăm lại thì chúng đã chết sạch, chỉ trừ một con.

Hoàng Hậu than

– Trời sanh làm chi những kẻ yếu sức như vậy, ích gì cho ai và chính nó cũng khổ.

Bỗng, kỳ lạ thay, có tiếng nói nhỏ nhỏ phát ra từ con sâu:

– Thừa Hoàng Hậu, ban đầu, trời sanh chúng tôi cũng mạnh khỏe như bất kỳ ai. Nhưng chúng tôi phung phí sức nhiều quá

để làm việc, thành ra càng kiếp, càng phải ươn yếu như vậy. Không lỗi ở trời đâu.

Hoàng Hậu hơi sờ sợ con sâu sống sót đó, nhưng tánh tò mò mạnh quá, nên bà đánh bạo hỏi:

– Nhưng tại sao giống của mi lại phung phí nhiều sức lực quá như vậy? Trên đời, ai cũng làm việc cả, mà có ai khổ đến thế đâu?

– Thưa Hoàng Hậu, là tại công việc chúng tôi khó khăn quá sức

– À, ra thế! Nhưng cái kiếp của mi đây, chắc không còn làm gì được nữa. Bị mi yếu quá rồi.

– Không, Hoàng Hậu. Kiếp này làm giỏi hơn kiếp nào hết, vì kinh nghiệm của bao đời đã kết tinh nơi đây, miễn là...

– Miễn là gì?

– Miễn là chúng tôi được nuôi dưỡng châu báu.

– Nhưng mi làm được cái gì?

– Tôi là nghệ sĩ đây.

– Nghệ sĩ là cái quái gì, ta chưa nghe nói đến lần nào.

– Nghệ sĩ là những kẻ làm ra cái đẹp, đẹp lắm.

– Nhưng đẹp để làm gì? Cái đẹp ấy có lợi ích gì chẳng mà phải nuôi mi cho uống công.

– Cái đẹp, riêng lấy nó, cũng đã có ích lắm rồi. Hoàng Hậu nấu bếp mệt, Hoàng Hậu ngồi nhìn giấy lát một cái lọ sứ nước men trong, vẽ tranh đẹp, tức Hoàng Hậu hết mệt ngay, chóng hết hơn là chỉ ngồi nghỉ ngơi thường.

Nhưng ngoài vẻ đẹp sông thường ấy,

nghệ phẩm cũng còn lợi ích khác, thí dụ, ngôi nhà Hoàng Hậu núp mưa, nắng, đôi giày Hoàng Hậu mang để đỡ đập gai, đều do nghệ sĩ nghĩ ra kiểu mẫu.

– Nếu quả thế, thì ta nuôi mi đó, mà ta phải làm sao cho mi khỏi chết?

– Thưa Hoàng Hậu, tuy nói thế đó, chớ tôi cũng dễ nuôi. Mỗi ngày Hoàng Hậu cứ chịu khó hái lá dâu này, xắt nhỏ ra cho tôi ăn là được. Chỉ phải cái, tôi ăn nhiều quá. Nhỏ người mà bụng to. Tôi ăn cái khối đồ ăn to bằng mười tôi lặn.

Thịt nghệ sĩ chúng tôi mềm lắm, nên con gì cũng thích xơi chúng tôi cả. Hoàng Hậu có nuôi tôi thì nên bảo vệ tôi. Kẻ thù ghê gớm nhất của tôi là rắn lằn, rắn mối và các loại ruồi.

Tôi lại èo uột như Hoàng Hậu đã thấy. Những khi trở trời, thời tiết đổi là tôi mang

bệnh ngay. Tôi sợ lạnh, lại sợ nóng. Lạnh, Hoàng Hậu nhúm lửa sưởi tôi. Nóng, Hoàng Hậu nên mở cửa cho gió quạt tôi.

Tôi lại không chịu nổi mùi gay gắt. Hoàng Hậu có hút thuốc, thì nên xa lánh tôi, không tôi lại say mà chết mất.

– Ủy cha chả là con cưng: nuôi mi còn khó nhọc hơn là nuôi Thái Tử. Nhưng ta cũng chịu khó một chút, thử xem mi sẽ làm nên trò trống gì cho biết.

– Hoàng Hậu sẽ khởi tiệc công.

– Vậy, ta đặt tên là Tầm cho dễ kêu nhé!

– Vâng, đa tạ Hoàng Hậu.

Hoàng Hậu đem Tầm vô cung vào hôm thứ ba, sau khi Tầm nở. Cả hoàng cung đều bu lại xem con vật kỳ lạ biết nói tiếng người.

Các bà Thứ Phi và cung nữ thấy nó dị hợm quá, sợ hãi không dám lại gần. Tầm

cười, mà rằng:

– Nghệ sĩ chúng tôi xấu xí như thế, mà hiền lắm, tốt bụng lắm đó, thưa quý bà.

– Mấy như con sâu rọm ấy, gớm chết. Bà Tây Phi nói.

– Vâng, bề ngoài thì như vậy. Nhưng lông tôi chạm phải không ngứa đâu mà sợ.

Hoàng Đế vào xem và cười ngất:

– Nghệ sĩ là cái quái gì, mà tên lạ thế, mà thân thể xấu không thể nói.

Hoàng Hậu chỉ mỉm cười, không đáp, rồi cắt đặt công việc cho đoàn phi tần: nàng Trúc Liên hái dâu, nàng Trúc Đào xắt dâu, nàng Ngọc Khánh canh gác thần lản và ong, ruồi, còn nàng Cẩm Nhung thì giữ vai liên lạc báo tin cho Hoàng Hậu biết ý muốn và bệnh tật của Tầm. Thật là cả một tổ chức phục vụ như đối với một vị vương.

Các cung nữ phàn nàn nhỏ nhỏ:

– Cung gì mà cung quá trụng mỏng như vậy. Bà Đông Phi còn không được săn sóc châu báu bằng con sâu quỉ này.

Tầm tỏ thẻ:

– Các chị ơi, các chị đừng phiền. Hãy chịu khó với tôi một lúc, các chị sẽ được hưởng công xứng đáng.

– Mi, thì còn có quà gì để thưởng chị em chúng ta?

– Rồi các chị sẽ rõ. Cái thân thể kiều mị của chị đó, tôi mà tô điểm thêm vào thì nó đẹp như hoa. Hoàng Đế sẽ yêu các chị, rồi cất nhắc các chị lên hàng Thứ Phi cho mà coi.

– Mi tô điểm làm sao? Chị em ta không muốn mọc lông sâu rọm như mi đâu.

– Không mà, các chị sẽ đẹp như tiên nữ ấy! Rồi các chị sẽ thấy mà.

Thúy Liễu trề môi dài ba tấc, rồi uể oải nói:

– Thôi, ta đi hái dâu cho con nợ này.

– Hãy khoan.

Tầm kêu Thúy Liễu lại:

– Còn sớm lắm. Lá dâu còn ướt sương, mà tôi thì sợ nước. Để trưa một chút cho nắng sưởi ráo lá, rồi chị hãy hái, nếu hái chiều được càng hay.

– Ý ạ! Khó tánh dữ vậy à? Con cứng dữ vậy à?

Trúc Đào ác tâm lắm. Cho bồ ghét, nàng xắt dâu rồi đổ bừa lên nong, phủ bít Tầm lại cho Tầm ngộp thở mà chết cho rồi. Nhưng lạ quá! Tầm không chết ngộp, mà trái lại, ăn rất hăng. Nó nhai lá cứ nghe rào

rào như mưa rơi trên mái ngói hay nghe gió trộn lá trên cây. Nó nằm dưới đáy nong, rồi bắt từ đó mà ăn lên. Nó ăn tợn quá và ăn cả ngày lẫn đêm không nghỉ.

Tầm ăn không, ngời rời như vậy được ba hôm, kể cả những ngày nó ở ngoài trời, thì Tầm đã lớn được sáu ngày. Hôm thứ sáu ấy, mấy nàng cung nữ có phận sự phục dịch nó, bỗng không nghe tiếng lá cửa rào nữa. Họ cúi xuống sát nong, lặng nghe lâu lắm, thì quả nơi đó vắng lặng, không có lấy một tiếng động nhỏ nào.

Ngọc Khánh lật đặt bưởi lá dâu lên, thì thấy tầm nằm ngay đơ, không cử quậ. Thôi Tầm đã chết rồi! Đỡ khổ nhé! Chết phúc đi để người ta rảnh tay lo việc khác thú vị hơn.

Nhưng cả bọn bỗng sức nhớ lại một điều, rồi kinh sợ hết sức. Ừ, Hoàng Hậu đã giao cho họ săn sóc Tầm.

Bây giờ tầm chết thành linh như thế này, thì biết ăn nói làm sao cho trôi.

Chưa chi mà họ đã đổ lỗi cho nhau, lộ tất cả hèn nhát của họ trong cơn nguy biến:

– Tại mây lơ đỉnh để ong nó bay vô, nó đốt Tầm, Trúc Đào đổ thừa không căn cứ.

– Nếu ong vô thì nó đã thọt Tầm rồi.

Ngọc Khánh cãi:

– Tao chắc tại con Thúy Liễu nó hái dâu ứt. Còn con Cẩm Nhung nữa, Tầm không lẽ vô cơ mà chết. Chắc nó bệnh. Sao mây không báo tin cho Hoàng Hậu hay.

Trúc Đào bứt tóc, bứt tai kêu:

– Khổ ơi là khổ. Cái đồ mắc dịch ở đâu é! Sống đã làm tội người ta, bây giờ chết lại gieo họa cho chị em mình. Thôi, ta hãy vào phòng Hoàng Hậu, mà tâu rõ mọi việc.

Hoàng Hậu mắng, khi họ báo tin dữ này:

– Chúng bây ăn no, rồi lo có mỗi một việc nhỏ mọn ấy mà cũng không xong. Nào, nó đâu rồi?

Hỏi xong, bà bước qua phòng Tầm, bươi lá lên, xem cho tận mắt.

Tầm nằm dưới đáy nong, đen thui giữa mớ lá xanh, không cục cựa, nhưng vẫn còn tươi. Hoàng Hậu nói:

– Nó biết nói tiếng người, chắc cũng là một vì tiên mắc đọa chi đây. Thôi để nó đó, ta chôn cất, kéo tội nghiệp.

Thế rồi ai cũng quên Tầm cả.

Qua hôm thứ tám, Hoàng Hậu đương ngồi uống trà sớm, bỗng con Cẩm Nhung hốt hơ, hốt hãi chạy vào phi báo:

– Tàu Hoảng Hậu, Tầm đã sống dậy, mà lạ quá...

– Nó sống dậy à! Tao đã bảo, nó là tiên mà, có chết được đâu! Đâu mấy kể lại đầu đuôi, ta nghe thử coi.

– Bẩm, hồi nãy con sức nhớ lại, xác Tầm chưa chôn. Con định ninh nó đã thúi rồi, hoặc đã bị thằn lằn xơi mất. Con vào buồng nó xem lại cho rõ, thì con kinh khủng hết sức mà nghe nó kêu: «Chị Cẩm Nhung ơi! cho miếng dâu!». Con chạy lại nong dòm kỹ, thì nó cựa quậy và lạ quá...

– Lạ làm sao?

– Nó rụng hết lông đen, và bây giờ nó vàng mượt, đẹp lắm.

– Tao đã bảo mà. Nó là tiên, nó lộn kiếp. Biết đâu nó lại sẽ không hóa ra một Hoàng Tử.

Hoàng Hậu đi theo Cẩm Nhung để qua buồng Tầm. Bấy giờ cả bốn cung nữ kia cũng vừa đến nơi.

– Dâu các chị ơi, cho tôi miếng dâu, tôi đói lắm. Tầm kêu lên, khi nghe tiếng mở cửa.

Hoàng Hậu bước tới, thì thấy Tầm vàng óng, đẹp quá.

Tầm kính cẩn chào:

– Lạy Hoàng Hậu!

– Mi không chết thật à?

– Bẩm, con có chết đâu. Con ngủ mà. Con ngủ một ngày, một đêm đúng, gọi là ngủ «ăn một» để cởi lốt, rụng bỏ lông đen đi, Hoàng Hậu à.

– Vậy à? Bậy ơi, cho Tầm ăn coi nào!

Bây giờ Ngọc Khánh mới dám rờ đến

Tầm. Nong cũ đầy dẫy lá dâu xắt héo queo và lông Tầm cũ, trông dơ dáy quá. Nàng nhẹ tay nâng Tầm lên, sang Tầm qua nong khác.

Dâu đã hái về, Trúc Đào xắt nhỏ rải lên nong mới. Tầm ăn còn dư hơn hôm chưa ngủ và lớn như thổi. Nó thức mà ăn như vậy đến bốn ngày và qua chiều ngày thứ tư, nó kêu mấy nàng cung nữ mà rằng:

– Các chị yêu mến. Bữa trước, tôi quên báo tin các chị biết, làm các chị phải một phen hoảng hốt. Lần này, tôi sắp ngủ nữa đây. Tôi ngủ giấc này gọi là giấc «ăn hai», cũng một ngày, một đêm, đúng y như bận trước vậy.

– Mấy ăn, ngủ mà lạ đời thế? Thức suốt bốn, năm ngày liền, rồi lại ngủ cả ngày, cả đêm.

– Ấy, nghệ sĩ mà, có khi no rồi vẫn thấy

cần ăn nữa. Nhiều hành động khác còn bất chấp thiên hạ nữa.

Qua sáng thứ sáu, tức là ngày thứ mười hai, Tầm thức dậy và đòi ăn như sáo.

Mấy cung nữ mắng:

– Chỉ được ăn rồi ngủ, chẳng ra cái tích sự gì hết. Mi thật là đồ báo cơm.

– Ấy, nghệ sĩ mà!

– Hễ động là xưng nghệ sĩ. Nghệ sĩ hay gùng sĩ gì cũng phải làm việc chớ có đầu mà ăn no lại nằm.

– Các chị không hiểu. Tôi nằm, tức là tôi làm việc đó.

– Ủ, phải chớ, làm việc nằm... nằm...

– Tôi nằm để tiêu hóa bao nhiêu là tinh anh của trời đất, cũng như nhà luyện thuốc họ nấu thuốc cao vậy mà!

Những tinh anh ấy sẽ kết đọng lại, nhờ sự làm việc âm thầm đó. Rồi một ngày kia, tôi sẽ sản xuất ra một viên ngọc, nó là kết tinh của bao nhiêu cái đẹp bên ngoài.

– Mi già mồm, nói nghe như nhà phù thủy, ai mà tin mi được.

Tầm vẫn nóng bức:

– Các chị à, làm ơn mở cửa ra, không tôi chết mất bây giờ.

– Trời chuyển mưa đầu mùa nên nó vậy.

Cửa sổ mở ra, ruồi đánh hơi bay vào.

– Bớ thiên hạ, bớ người ta cứu tôi với!

Tầm kinh sợ hét lên và mấy cung nữ phải lấy quạt mà quạt ruồi. Thật là bức mình.

Bốn ngày sau đó, Tầm lại báo tin rằng,

nó sắp ngủ cái giấc gọi là «ngủ ăn ba». Cũng lại một ngày, một đêm nữa.

– Ủ hừ!

Mấy cung nữ thở dài, rồi ngâm mĩa mai:

Ai ơi chớ lấy thằng tằm,

Ăn rồi nằm lại ngủ hai, ba...

Ngủ «ăn ba» rồi lại thức bốn ngày.

Bốn ngày cũng chỉ ăn rồi nằm.

Hoàng Hậu tới thăm, sốt ruột hỏi:

– Chàng nghệ sĩ ơi, chàng ăn rồi nằm vạ đến bao giờ mới thôi?

– Bẩm Hoàng Hậu, nghệ thuật không hối thúc mà làm được. Nó phải hưởng một thời gian cần thiết, để mà chín mùi. Tôi dám dẫu quên ơn Hoàng Hậu và mấy chị cung nữ đã khổ nhọc với tôi. Nếu bây giờ,

tôi sản xuất ngay cho vừa lòng Hoàng Hậu, thì e tác phẩm sẽ non nớt, không đẹp như Hoàng Hậu trông mong.

– Thôi được, cứ thông thả, ta bền lòng đợi mi.

Lần thức nầy, trời mưa như cầm chính mà đổ. Tầm kêu lạnh và đòi sưởi nữa.

– Ủ hự, – mấy chị cung nữ lại thở dài.

– Y như lão già bảy mươi. Nghệ sĩ gì mà giống như mèo ướm quá.

Chị Trúc Đào nói mĩa:

– Đòi nằm lửa sao mà giống đàn bà đẻ quá vậy?

– Chị nói đúng đấy,

Tầm đáp:

– Tôi sắp đẻ đây.

– Đàn ông lại để à?

– Vâng, giống nghệ sĩ chúng tôi, nam, nữ gì cũng để cả. Hôm nay, tôi hoài thai một tác phẩm, cố gắng đến yếu người đi, nên mới lạnh. Và sắp đẻ đây. Các chị ơi, sao mà tôi nghe bản thân trong mình, khó chịu quá.

– Hay là mi sợ trời gầm?

– Ấy, sai bét. Người đời ai cũng ngỡ giống Tầm chúng tôi sợ trời gầm. Nhưng mà như thế này. Đầu mùa mưa, thời tiết thay đổi bất thường, nên tôi sanh bệnh. Như có trời gầm, người ta lầm nguyên như. Ngỡ tôi sợ ông thiên lôi đó thôi.

Cuối ngày thứ tư, Tầm báo tin sắp ngủ, giấc ngủ cuối cùng trong đời nó. Nó bảo đó là «ngủ giấc lớn».

Mấy chị cung nữ xông xáo lên. À, lần ngủ đầu, nó bỗng dựng đẹp ra phết, Hoàng

Hậu đoán nó là tiên. Biết đâu lần ngủ chót này nó sẽ biến ra một Hoàng Tử xinh trai! Ấy, rồi nó sẽ yêu chị cung nữ nào có công nhiều với nó.

Chị Trúc Đào cười duyên, hỏi xem nó có vừa ý những mảnh dâu xắt nhuyễn thơm phức, và quạt ruồi cho chàng Hoàng Tử tương lai.

Nhưng Tầm không để ý đến ai cả, cứ thiếp đi lần lần, lại một đêm, một ngày nữa! Trong suốt thời gian ấy, cả hoàng cung bút rút, nóng muốn biết cái gì sẽ xảy ra.

Hoàng Hậu thì tin rằng, vị tiên phải đọa ấy sắp hoàn hạn và lần này chắc hiện nguyên hình để về Bồng Lai Thượng Giới. Các cung phi lại đình ninh, nó là một Hoàng Tử có tiên phong đạo cốt, giả ra con sâu để thử lòng họ.

Kìa, chàng tiên đã thức và mọi người

thất vọng hết sức. Chàng tiên ấy vẫn cứ là con Tằm, và cho dẫu là đẹp rồi, cũng chỉ là một loại sâu thôi.

Mà thiên cặn làm sao, chú ta vừa thức là đòi ăn như cưỡng đói. Lần này chú ăn tợn quá. Bao nhiêu cây dâu trong hoàng thành đều trụi lá, mà chú ta vẫn kêu đói.

Chú nói với các cung nữ:

– Tôi sắp đi xa, nên thức chơi với các chị cho lâu. Ngủ giấc lớn mà. Tôi thức đến bảy ngày rồi mới đi.

– Đi đâu?

Tằm, giọng buồn thảm không tả được, nói:

– Đi xa lắm, và không bao giờ trở lại nữa.

– Mi còn thiếu chị em ta món quà, mi hứa hôm nọ, đi sao được!

– Vâng, tôi nhớ món nợ ấy. Và sắp để nó ra đây.

Tầm ăn no lại nằm, khiến các cung nữ đâm nghi hấn ta là một thằng xỏ lá gạt người để kiếm bữa.

Ăn không lo, của kho cũng phải hết. Dâu chỉ còn ăn độ vài ngày nữa, nếu hấn không bày trò gì hay, thì kệ xác hấn, hấn sẽ đói rã ruột.

Lần thức này, Tầm lớn mau lắm. Nhưng lại ít nói năng, cựa quậy gì.

– Hấn tìm mưu để trốn chẳng?

Các chị cung nữ hỏi thăm.

– Quịt hai mươi ngày cơm rồi chuẩn! Được, nó mà bò ra khỏi nong, ta bắt vào đánh một trận nên thân!

Qua ngày thứ sáu, lạ quá, đầu Tầm đỏ ửng lên.

– Hỉ tín, hỉ tín!

Chị Thúy Liễu reo:

– Tầm sắp hóa ra Hoàng Tử đẹp trai đây!

Hoàng Hậu nghe tin, đến thăm, và ái ngại hết sức, mà thấy Tầm có vẻ đau đớn lắm. Cái màu đỏ ở đầu Tầm, xem như màu máu, và phía dưới đầu, mình Tầm cũng hơi ửng đỏ. Dường như là Tầm dồn máu lên.

– Tầm ơi, sao thế này?

– Bẩm Hoàng Hậu, con sắp «chộ» đấy!

– Chộ là làm sao?

– Nghĩa là con dồn tất cả tinh hoa đã thu lượm được hôm nay, dồn lại để sản xuất ra tác phẩm nghệ thuật đấy.

Tầm quần quai như một bà mẹ chuyển bụng, đau đớn cái nỗi đau của con vật sắp

lột da hóa kiếp, khiến Hoàng Hậu thương khôn siết kể. Qua ngày thứ bảy, Tầm chột, phân nửa thân mình đỏ ối và càng quần quai đau đớn hơn bao giờ cả.

Qua ngày thứ tám, toàn thân Tầm đỏ như trái ớt chín cây. Bây giờ Tầm như yên thân và an lòng, vì phần khó nhọc của công việc đã xong.

Hoàng Hậu, Hoàng Đế, các bà Phi, và các đạo binh cung nữ đều tựu đến xem Tầm chín đỏ. Thật là lạ lùng, từ thuở giờ, không ai thấy con sâu nào mà biến dạng mau như thế bao giờ cả.

Tầm mệt nhọc, cố nói:

– Các chị bẻ cho tôi một chà cây.

Không ai nở hỏi vặn Tầm nữa, vì Tầm, coi bộ, đuối sức lắm rồi.

Khi chà cây được đặt vào trong nong, Tầm thở thê:

– Tàu Hoàng Thượng, Hoàng Hậu và quý bà Phi, thần xin mời tất cả ra ngoài để thần làm một việc không đẹp mắt bao nhiêu.

– Mi cứ làm đi chứ.

Hoàng Đế nói:

– Ai mà chấp nhứt mà mi lo.

Tầm ráng sức leo lên chà, rồi nói:

– Tôi tẩy trần đây. Tôi phóng tất cả những thứ ô uế trong người tôi ra, cho người tôi thanh khiết. Khi chỉ còn tinh hoa trong ấy, tôi mới trình bày tác phẩm nghệ thuật được.

Suốt một tiếng đồng hồ, Tầm phóng uế đầy nong. Xong đầu đó nó nói:

– Bẩm Hoàng Hậu, nhớ ơn loài người nuôi nấng tôi, nhớ ơn tri ngộ với Hoàng Hậu, tôi sản xuất tác phẩm đầu tiên và cuối

cùng của tôi đây. Tôi cố gắng cho nó hết sức mỹ lệ để đáp ơn mọi người, rồi tôi..., rồi tôi...

Tầm nghẹn ngào khóc nức nở, không nói ra lời nữa.

Cả phòng đều ái ngại, hỏi dồn:

– Rồi làm sao, hỡi Tầm ơi!

Khóc cạn nước mắt, Tầm nói:

– Rồi tôi từ giã cõi đời...

– Ô!

– Trời!...

– Ai lại giết mi? Nhà vua có cả một đạo hùng binh để bảo vệ mi. Không, không ai làm gì mi được đâu!

Tầm tấm tức, tấm tức:

– Không ai giết thần, nhưng thần phải

chết. Tất cả tâm lực của thần đã đổ vào tác phẩm này rồi, thần hóa kiếp chớ không giữ thân thể xưa nữa được. Thần hóa kiếp và tiếp tục sống. Nhưng Hoàng Hậu phải giết thần mới...

– Không, ta không khi nào giết mi.

– Hoàng Hậu phải giết thần, không thời không hưởng được tác phẩm đó. Bây giờ, thần xin trời trần đôi lời.

– Mi có gì cứ nói ngay ra.

– Bẩm, nơi chà cây này, thần sẽ nhả ra một thứ sợi, mượt tượng như sợi chỉ bố, mà Hoàng Hậu dệt mặc bây giờ. Sợi của thần bền chắc hơn thập bội, và đẹp hơn muôn phần. Đó là tác phẩm nghệ thuật của thần đó.

Thần đã góp khí thiêng của trời đất, un đúc lại trong ruột thần, để có sợi dây này. Hôm nay thần nhả sợi ra lần lần phủ lấy

mình thân. Thần tự nhốt trong đó để che cái thân tàn này, hầu hóa kiếp khác.

Bó tơ ấy, trong hai ngày, Hoàng Hậu phải bỏ nó vào nồi nước sôi cho thần nóng mà chết đi....

Hoàng Hậu, các bà Phi và cung nữ đều kêu rú lên khủng khiếp, nói:

– Ai lại nỡ....

– Nếu không làm thế, cái kiếp khác của thân, cái thân thể tàn đại biến ra hình thức khác, sẽ cắn rách nó mà chui ra. Thế là tác phẩm của thần sẽ hỏng. Uống công thần khó nhọc mà không ai hưởng được cả.

Bỏ vào nước sôi luộc xong, Hoàng Hậu kéo sợi ấy ra, rồi dệt như dệt bố. Nó sẽ đẹp cho Hoàng Hậu xem.

Nói rồi, Tầm bắt đầu nhả tơ ra. Đó là một sợi nước dãi vàng, nước nhả ra thì ướt

và mềm, một lát là khô cứng lại. Đầu mỗi tơ móc trên một cành chà, khiến cả bó tơ như được treo trên đó.

Tằm cứ nhả lần, nhả lần và cả phòng bụi ngùi rưng rưng lệ nhìn Tằm trả nợ dâu.

Bồ tơ nhỏ hơn cái trứng gà, vàng óng ánh như con ngỗng con mới nở, ngửi nghe thì thơm phức một mùi mới lạ chưa từng nghe.

Hoàng Hậu hỉ mũi, lau lệ, rồi nói:

– Kệ, hồng thì hồng, đừng ai rờ tới bó tơ này hết. Tằm nó kén ăn, kén ở lắm, nên ta đặt bó tơ này là cái «kén» và quyết để dành làm kỷ niệm.

Nhưng hôm sau đó, chị Cẩm Nhung, tánh tò mò bất trị, lại hay tin nhảm, bèn lượm kén bỏ vào nồi nước sôi.

Chị ta đinh ninh rằng, Hoàng Tử đẹp

traí muốn nhờ Hoàng Hậu giúp tay để hiện nguyên hình. Hoàng Hậu không làm y theo lời trối, mà nếu không thi hành, e tội nghiệp Hoàng Tử chăng?

Vả lại cũng nên phỗng tay trên thiên hạ, để mua lòng Hoàng Tử. Vậy chị ta làm theo lời Tầm căn dặn.

Xong đâu đấy, chị ta nắm mối tơ mà kéo và quấn quanh một cây que... Khi đường tơ đã dứt, Hoàng Tử đâu không thấy, cho thấy một con bọ dị hợm lắm, chết queo vì phồng nước sôi. Hoảng hốt, chị ta tri hô lên, Hoàng Hậu chạy đến cầm con vật lên mà khóc ròng.

Nhưng chuyện đã lỡ rồi Hoàng Hậu nghĩ, nên y theo lời Tầm dặn. Tơ ấy ít quá, nên Hoàng Hậu nuôi thêm vài lứa tầm nữa, để đủ chỉ dệt.

Tấm lụa đầu chỉ có Hoàng Đế, Hoàng hậu và chị thợ dệt xem mà thôi.

Hoàng Hậu vuốt mãi sợi tơ mịn, nghe mát tay như là sờ vào một lọ sứ cổ. Hoàng Hậu kê sát mũi để ngửi mùi tơ thơm ngọt như mùi tàng ong, nghe bắt thèm ăn. Màu vàng óng ánh của sắp lụa đẹp hơn ngũ sắc của tường vân, đẹp hơn mống trời, đẹp hơn ráng trời, đẹp hơn cả màu sắc của trăm hoa nơi vườn Thượng Uyển.

Hoàng Hậu sai thợ khéo nhứt nước may cho mình một chiếc áo. Và lần mặc áo ấy vào nội cung, Hoàng Hậu làm cho Hoàng Đế chứng hửng:

– Trời ơi, trông Khanh trẻ như một cung phi mới tuyển.

Và từ đó, bà Hoàng Hậu, bốn mươi lăm tuổi, được Hoàng Đế sủng ái và xao lãng các bà Phi.

Hoàng Đế ra lệnh cho thần dân, ai cũng phải trồng dâu để nuôi tằm cả. Và tơ của lứa tằm đầu của toàn quốc được tập trung về trào, dệt lụa, may áo cho toàn thể cung phi, mỹ nữ.

Đêm ấy có dạ hội, các vũ nữ đều mặc xiêm y bằng lụa màu.

Hoàng Đế xem họ múa mà mê, không mê vì vũ khúc hay sắc gái, mà mê những tà lụa óng ánh, dịu như cánh bướm.

Hoàng Hậu cũng có mặt nơi đó, nhưng bà cứ đăm đăm, ngậm ngùi, thương ai không biết.

Hoàng Đế trông thấy hỏi:

– Sao hậu không vui với trẫm?

– Tâu bệ hạ, thiếp nhớ chàng nghệ sĩ mà tội nghiệp hãn hoai.

Hoàng Đế cười ha hả:

– Ồi, khéo dư nước mắt. Nghệ sĩ đó chết, là còn nghệ sĩ khác. Cái kiếp của chúng nó là đau khổ rồi chết đi, để lại đồ đẹp cho ta hưởng mà.

Hoàng Hậu không cãi lại, chỉ rưng rưng nước mắt thầm.

10. LẦU 3 PHÒNG 7

ỰC...ỰC...ỰC...uột...

Quỳnh vội bịt lỗ tai lại. Chàng rất sợ tiếng nước ở bồn rửa mặt của phòng bên cạnh. Nó kêu như ai ăn phải củ khó tiêu, bị ruột kêu sôi ồn ột. Đáng ghê nhất là cái tiếng «uột» sau cùng, kéo dài bất tận.

Ở đây có những tiếng động khiếm nhã khác nữa. Đó là tiếng giày nện lên gạch, tiếng nước cầu xí, tiếng đàn vĩ cầm ai mới học, kéo ọ ẹ suốt ngày.

Trên đầu chàng, ở cái buồng từng trên, người chiếm ngụ làm gì mà cứ kéo ghế, kéo bàn mãi cả ngày lẫn đêm, như ma dậy nhà hoang.

Người ta hay tỏ ý chê bai đồng bào Thượng trên cao nguyên, ở trong những ngôi nhà công cộng dài nhằng, hai, ba mươi gia đình chồng chất lên nhau rất là mất vệ sinh. Nhưng cái bọn văn minh này, bày ra buyn-đin để chen chúc nhau trong đó, thì cũng thế thôi.

Quỳnh thuê căn buồng số 7 để làm chỗ ẩn thân. Ở nhà, khách khứa đông đảo, người nhà rộn rịp, chàng không thể nào làm việc được.

Với lại, con người có đời sống bên trong, luôn luôn mỗi ngày thích dành ra một lúc để quay về với chính mình. Những lúc ấy, hẳn cần được yên thân. Ở đây yên

thân nhút: gia đình, bạn hữu, nào có biết để mà theo quấy rầy chàng.

Ngoài ra, chàng được hưởng thêm nhiều thú khác. Chàng nghe như mình đang du lịch ở những nơi xa, sống cô đơn nơi một buồng khách sạn, cái buồng nặc danh với những bức tường trắng không tranh ảnh, không mang một bản sắc nào. Cái mộng viễn du chưa bao giờ thỏa, thế là được ảo tưởng này bù cho.

Chàng lại nghe hay hay, nhớ lại thuở thanh xuân, trốn nhà đi chơi lêu lổng, nay ngủ chỗ này, mai ngủ nơi khác...

Ục... ục... ục... uột...

Lần này, Quỳnh không bịt tai nữa, vì chàng thấy, chàng rất bất công. Chính chàng cũng đã gây tiếng động khiếm nhã. Mỗi lần đến là chàng đánh máy âm trời.

Những người ở chung quanh buyn-đin với chàng tò mò tìm biết anh chàng này làm nghề gì, mà mỗi ngày chỉ đến có mấy tiếng đồng hồ thôi, mà hễ đến, là đánh máy liên tu bất tận. Lắm đêm, hẵn bốc đồng, lên đó vào lúc mười giờ, mở đèn sáng choang, rồi đập sành sạch không cho ai ngủ cả.

Ở đây có những công chức cao cấp, những sĩ quan, những thương gia chưa sẫm nổi biệt thự. Bề ngoài thì như là không ai thèm chú ý tới ai, nhưng chàng tinh mắt, biết họ cố tìm căn cước chàng, một gã khả nghi. Hẵn đánh truyền đơn chẳng? Chỉ có người quản lý buyn-đin là hơi biết hẵn làm gì thôi, vì hẵn phải khai sự thật ở đó.

Họ ngạc nhiên là không bao giờ có bạn đến thăm hẵn. Lại càng khả nghi hơn nữa.

Nhưng mà rốt cuộc, hẵn cũng có bạn. Đó là một người bạn gái, xinh như các thiếu nữ trong cổ tích. Lần đầu tiên, cô bạn ấy

lên đây, một hôm... gặp cô ta ở chân thang, đã kinh ngạc vì sắc đẹp của cô. Cô bạn leo thang chớ không dùng thang máy. Người ấy không ngại trễ giờ làm việc, leo cả sáu chiếc thang lầu để theo cô ta, cho biết cô ta đi đâu.

Thế rồi, người ta đồn ầm lên rằng, hẳn thuê buồng để tiếp nhân tình.

Quỳnh chỉ mong được thế. Nhưng cô ta chỉ là bạn thôi. Đó là một văn hữu mới quen.

Nói văn hữu, thì ra suy tôn cô bạn quá. Thật ra, chỉ là một bạn đọc yêu văn chàng và vốn cũng thích viết văn.

Họ gặp nhau trong một trường hợp kỳ dị hết sức và chính cô gái đã làm quen trước với chàng. Cô gái thông thạo các vấn đề văn nghệ, biết tất cả văn nghệ phẩm Việt và ít nhiều tác phẩm ngoại quốc, nên chi

trong buổi đầu gặp gỡ, chàng nói chuyện giỏi một cách dễ dàng, vì khỏi phải ra ngoài địa hạt của chàng. Cô gái ngỏ ý muốn nhờ chàng chỉ dẫn cho công việc sáng tác. À, còn gì sung sướng bằng. Chàng chỉ mong có bấy nhiêu đó, mà không dám đề nghị trước. Chán vắn thẳng khác nó dăng công cho gái như vậy và được gái yêu. Chàng khỏi phải lập công với ai, mà kết quả cũng có thể đi đến đó.

Công việc đầu tiên của chàng là đặt cho bạn một biệt hiệu văn nghệ. Không biết ai đó đã đặt dùm nàng một bút danh rất là sáo: cô Song Thu. Sao lại nói đến hai mùa thu trong con người nô nức thanh xuân ấy, nơi con người nồng cháy cả một mùa hè sinh lực ấy!

Quỳnh đã dăng bạn một bút hiệu hơi bí hiểm: cô Long Hoa.

Nhưng, mặc dầu là văn hữu, họ vẫn

gọi nhau bằng tên cúng cơm, tên mà người ngoài không ai biết cả. Nàng nói:

– Biệt hiệu của anh là của muôn người; em chỉ thích kêu anh là anh Quỳnh thôi, vì Quỳnh mới là của riêng em.

Công việc đầu tiên của Lệ, tên nàng, là sắm một tấm vải màu phủ mặt bàn, chiếc bàn độc nhứt dùng làm bàn ăn, đánh máy và ngồi lên đó chơi, mà chàng để trơ trên ra đó, không phấn son gì cả.

Cô bạn lại mua tranh, bắt Quỳnh phải treo lên vách.

Cái buồng bây giờ đã có cá tính của nó, chớ không còn là buồng nặc danh của khách sạn hay phòng thuê nữa.

Người ta thấy là đòn bà đã vào phòng đó, hơn thế, một người đòn bà có học, có óc thẩm mỹ và khéo léo tay chơn.

Nhưng Quỳnh lấy làm thất vọng. Họ gặp nhau đã sáu lần rồi, mà cô bạn, xem chừng, không vội học sáng tác cho lắm.

Cô bạn nói rất nhiều chuyện mưa, chuyện nắng, mà nói rất có duyên. Quỳnh, tuy không phải chỉ biết nói về văn nghệ không mà thôi, nghĩa là, tuy chàng, cũng vui được với chuyện chó chẹt ô-tô và chuyện đồn bà giết hụi, nhưng chàng không khỏi bất mãn vì người văn hữu chưa đến. Thân thể y có mặt, nhưng người bạn văn của lúc gặp gỡ, thì vẫn chưa thấy bóng hình.

Quỳnh cũng biết thích bạn gái như ai, phương chi đây là một người bạn gái đẹp và thông minh, lại có rất nhiều cảm tình đối với chàng, thì chàng còn mong gì hơn.? Nhưng chàng cứ mong hơn. Vì chàng đã dọn lòng để đón một văn hữu chớ không phải để rước giai nhân.

Sao người văn hữu lại không đến? Mọi mòn nhìn con đường xa, gió cuốn bụi hồng, mọi mòn trông đợi một bóng ngựa viễn phương mang đến người bạn văn triề hện, Quỳnh nhĩn nại tiếp đón mỹ nhơn, dẫu sao, cũng đang có mặt.

Nếu không đợi người kia, thì chàng đã yêu người nầy từ lúc ban đầu. Người đồn bà đẹp, chỉ để cho người ta yêu thôi, chớ không dùng được vào việc gì cả. Cô bạn nầy, trời sanh ra làm gì và đến đây để làm gì, thật là không có lý do, y như là trời đã sanh ra hoa hồng và hoa hồng lại bị cắm vào miệng lọ, chỉ có một lý do nhỏ thôi, là làm cho vui mắt chủ nhà.

Chủ nhà không thuê buồng để tiếp gái đẹp, thuê buồng xong, không thềm sắm lọ, thì hoa hồng vào đây, có phải là không biết điều lắm chẳng?

Nhưng nó đã vào và nó đẹp, chủ nhân đang buồn, bạn không đến, thì không lẽ lại không nhìn nó.

Nó xinh đẹp ghê hồn khiến chủ nhân cũng đến thấy mình ngốc quá, mà đã xem thường nó.

Trời sanh người đờn bà đẹp làm gì, nếu không để cho người ta yêu. Quỳnh yêu nàng vậy. Nhưng không dễ dàng lắm đâu.

Phụ nữ Việt Nam đã bắt đầu bị Âu hóa thật sự. Họ đến buông đờn ông, nhưng vẫn tự vệ, nếu bên nam giới không khéo xử thế, thì cũng chẳng đi đến đâu được.

Quỳnh đã khéo xử thế. Cuộc đùa giỡn với ái tình gay cấn và cam go quá, khiến chàng say mê, say cái say chiến đấu của văn nghệ sĩ, cái gì dễ dàng quá thì không ham, mà chỉ mê mệt đối với những sáng tạo đau đớn thôi.

Chàng đã thắng.

Nhưng trong giây phút ôm thiếu nữ trong tay, chàng bỗng nghe rỗng không trong lòng và quanh mình.

Trời ơi, thật là không có gì cả, cái phút giây mà người ta gọi là thần tiên!

Chàng đã vật lộn với tình cảm, với tư tưởng, đã lao khổ sáng tác, và rốt cuộc, để ra được những cái gì bền vững, mà chàng thích nâng niu lâu ngày.

Ở đây, chàng cũng đã lao khổ chiếm trái tim một giai nữ nhưng khi thành công xong, chàng không thấy được gì cả.

Chắc thiếu nữ đang nằm trong tay chàng, thầm nói:

– Sướng đấy nhé! Anh đã được em rồi đó, có thích hay không?

Không, chàng không thích, hay có thích cũng chỉ như đứa bé được quà, thích như vậy thôi, chớ làm sao mà có được những xúc cảm mê ly của cái phút chấm dứt một văn nghệ phẩm?

Nhưng mà cũng an ủi phần nào. Người văn hữu không đến, nhưng người tình này có thể là người văn hữu kia. Văn hữu chậm bước, vì nàng cần phải sống cái đã, sống dưới cái võ ngoài của người phụ nữ thường, sống đầy đủ về tình cảm và xác thịt. Sống thỏa mãn xong, người bạn văn sẽ cởi áo người nhân tình mà thoát ra, và chừng đó, chàng sẽ được cả hai.

Quả thế. Trận giặc ái tình chấm dứt bằng một hiệp ước yêu đương. Lệ bắt đầu học tập. Ông thầy dạy văn làm phận sự rất dễ dàng, vì nàng đã khá thạo kỹ thuật viết.

Quỳnh thấy mình phải dắt bạn bước qua giai đoạn thứ nhì ngay. Chàng nói:

– Viết văn chỉ là một thứ kỹ thuật, tương đối dễ học. Nhưng muốn sáng tác, em cần phải có cái gì trong lòng, để mà nói ra, bằng không, thì già từ văn chương vậy. Lắm khi, đã có cái ấy trong lòng rồi mà nó không cắn rứt mình, không kêu gào đòi chun ra lắm, thì cũng không thể sáng tác được. Em có cái gì trong bụng không?

Lệ vả vào má chàng một cái đau đặng, cười, rồi đáp:

– Sẽ có thằng con của anh chớ gì. Nhưng mà chưa có, đừng có nghi bậy.

Cả hai cười xòa, rồi Quỳnh lập nghiêm, tiếp tục bài giảng:

– Đứng đắn mà. Em có nỗi niềm gì muốn nói ra chẳng? Băn khoăn gì? Thắc mắc vì sao, bứt rứt chuyện chi?

– Không, em không băn khoăn về gì cả. Em chỉ mơ yêu...

– Thế à? Mơ yêu cũng là một chuyện có thể nói ra được, miễn là nói hay.

– Nhưng giờ đã yêu rồi, em hết mơ.

– Cũng vẫn cứ được, sự thỏa mãn trong tình yêu cũng là một đề tài hay.

– Nhưng em không cần nói ra.

Quỳnh kinh ngạc, trừng trừng nhìn người bạn, giây lâu mới hỏi được:

– Tại sao em lại thích viết văn?

Lệ làm thinh rất lâu, rồi cười đáp:

– Khó nói lắm.

– Nhưng mà một văn sĩ tập sự phải nói được, ít lắm, là điều đó.

– Như thế này: Viết văn danh vọng lắm. Như anh, ai cũng biết đến cả. Em cũng muốn được như vậy. Nhưng mà, nay học thêm với anh, em thấy là phải khổ thân lắm

mới bước tới đài danh vọng được.

Quỳnh bỗng nghe một trận địa chấn quanh chàng. Chàng buông người bạn tình ra, lòng đau xót không tả được.

Người văn hữu đã chánh thức nhận lời là không đến, không bao giờ đến nữa cả. Hấn chỉ là một ảo tưởng và hấn đã tan trong sương mờ.

Quỳnh nắm lấy cằm bạn, nhìn thẳng vào mắt nàng, nhưng chỉ nói thầm một mình:

– Em bé ơi! Em bé không thích mang nặng, đẻ đau, không chịu hoài thai cực khổ và không chịu chuyển bụng rên la, mà em bé lại đòi có những đứa con nó đưa em bé lên đài danh vọng...

Thôi, em bé đi lấy chồng đi, lấy những người đang ở trên cao, hoặc đang có tương lai nhiều. Một sớm, một chiều, các báo sẽ

nói đến phu nhân X... nào đó.

Viết văn, nào phải để leo lên đài đầu? Viết để làm gì, lắm khi, chính anh cũng không biết. Nhưng đó là cái thai đã đến ngày, những thằng bé cứ vặn mình đòi lọt ra. Đau như xé cả ruột gan, không muốn làm cho nó ra, cũng không thể được.

Quỳnh muốn trả ngay căn buồng này. Hồn người văn hữu sai hẹn cứ như còn quanh quất đâu đây. Phải trốn không khí này, mà bao lâu nay phảng phất tiền hương, tiền vị của người khách mong đợi.

Bỗng có người bước lên thang gác. Đó là tiếng giày đòn bà, nó làm cho chàng giật nảy mình, dáo dác nghe ngóng.

Không, không trả căn buồng này đâu. Mỗi tiếng động khiếm nhã ở đây đều gợi nhớ những giây phút hồi hộp đợi chờ. Mỗi lần nghe tiếng động, chàng sẽ có dịp đi

hành hương trong không gian, đi về phía bàn thờ thần « Tình BẠN VĂN ».

Cây vĩ cầm của cô hay cậu nào ở buồng số 5 cứ kéo ọ ẹ mãi bản nhạc «Bên Sông vắng» của Tạ Tấn.

Nhưng lần này, chàng không nghe bực mình nữa. Chàng lần lần đặt lời cho những nốt nhạc ấy, lời thật của tác giả, chàng đã quên từ lâu, vì đó là một bản nhạc tiền chiến.

Đêm nay tới bến, năm nào đây,

Tiếng gió vi vu bên sông vắng tanh,

Ngậm ngùi nhớ đến con đò xưa, năm ấy,

Quen nhau bởi một chuyến đò chiều.

Nhớ người năm đó.

11. KẺ CHIẾN BẠI

GÕ cửa đến ba, bốn hiệp, mà không thấy bóng ai, cũng không nghe ai lên tiếng, tôi gọi to:

- Có ông chủ ở nhà không?
- Ai đó? Mạnh hả, đi tốt xuống đây.

Tiếng anh Thành nghe xa lắm, ở mãi dưới bếp.

Tôi bước vào buồng khách và ngần ngại đứng dòm ra sau. Thành, chắc hiểu ý tôi, nên bảo nữa:

– Đi xuống đây mà. Nhà không ai hết.

Tôi quen nhiều với anh Thành, mà không là bạn thân với anh ấy, nên tôi chưa xông pha nhà nầy lần nào cả, vì còn phải giữ lễ với chị Thành.

Hôm nay, chắc chị Thành đưa con về quê nghỉ mát, nên nhà vắng và anh Thành, chắc đang đun nước ngoài sau.

Nhưng đi đến nơi, tôi ngạc nhiên hết sức: anh Thành mặc bi-da-ma, coi có vẻ trai thế kỷ hai mươi lăm, nhưng anh ta lại đang đứng say sưa ngắm một cảnh non bộ, đặt ở giữa sân trong.

– Cha, có gấn hòn non bộ trong nhà à? Sao không bao giờ nghe cha nói đến?

Tôi hỏi, sau mấy phút chùng hững nhìn bạn.

– Các anh hiểu gì mà nói cho mệt.

Không phải tôi gắn đầu nhé. Mới gắn gì mà râu đã phủ xanh các gộp đá, mới gắn, nó đầu được vẽ cổ kính như vậy. Số là cái ông nào đó, trước ở đây, chừng như lâu lắm, đã tạo nên cảnh thiên nhiên này. Rồi ông đi hay chết mất, bộ giả sơn truyền qua không biết bao nhiêu người, bị bỏ bỏ lẫn, bỏ lóc, bây giờ mới đến tay tôi.

Tôi nhớ, thuở tôi còn nhỏ, ông tôi cũng chơi non bộ, nên tôi hơi biết thưởng thức món đó.

Quả thật, hòn núi giả này rất đẹp. Nó đẹp vì đắp khéo. Những phiến đá, những khối xi măng như là vút bừa bãi lên đó, không tổ giác được công trình của tay người. Y như là một khối đá tự nhiên bị nước đào mòn, khuyết đi một cách không lẽ lối. Nó lại đẹp vì vẻ cổ kính của nó, Năm tháng, gió sương, mưa nắng đã thổi sanh khí vào hòn non bộ ấy, tạo cho nó một sức sống

mãnh liệt. Một lớp rêu xanh mịn, mượt lông nhung phủ kín mặt đất và từ mỗi hốc đá, mọc ra, từ bao lâu rồi không biết, đủ thứ cỏ rong. Nhìn hòn giả sơn, không khỏi nghĩ đến rừng núi thâm u, ngàn năm chưa thấy dấu chơn người.

Tôi theo Thành vào nhà, cái nhà lá nho nhỏ, mà anh gọi là thảo lư. Cái tiếng thảo lư này, cùng với mớ tranh Tàu treo trên vách, khiến tôi thấy Thành có vẻ Tàu lắm, hay có ý muốn thành Tàu lắm, một thứ Tàu đầu hồi cổ sơ, Tàu của thời Xuân Thu, Tàu đầy thơ mộng và đông đúc những Tiên.

Tự nhiên là Thành cho tôi uống trà Tàu. Thường thường, anh Thành uống trà hơi ấm thôi, uống cả ly lớn. Nay anh và tôi uống chén nhỏ, nước trà thật nóng.

– Đó, anh hớp từng hớp, rồi đừng nói gì, cứ nhìn cảnh rồi suy tưởng.

Lẽ cố nhiên là tôi không nói gì trước người con trai biết ham thích sống ồn, sống hoạt, bây giờ biến thành một ông Tàu ngâm ống điệu dài, hay một nhà Nho, móng tay dài cũng thế.

Tay nâng ngang mỗi chung trà xưa, mà nét vẽ rất thanh đậm trên men ngà, Thành như chìm trong bồn cá Tàu giữa bàn. Cá nhiều màu lượn quanh những thủy thảo mọc lên trên một nền sạn trắng và đá biển, cũng hiểm hóc như hòn non bộ.

Chịu không nổi sự im lặng mãi, tôi nói:

– Anh còn thiếu một món nữa mới thành một ông Tàu hoàn toàn.

– Món gì?

– Chim.

– Phải, thiếu chim. Nhưng tôi thấy chim lồng không đẹp, nên thôi không nuôi.

– Nhưng còn những cái này, không ở trong lồng sao? Anh đem nước non, trời biển thu nhỏ lại trong một góc vườn, một bồn kiếng, còn đẹp gì nữa.

– Ấy mà đẹp. Chính vì thu lại được, nó mới đẹp. Mà thu lại là cả một nghệ thuật đấy nhé! Con chim thì thấy nó ở trong lồng thật sự, có cái gì như tạo trong đó, chán quá.

Anh coi như cây tùng và cây chùm nạm ngoài sân kia, nếu tôi trồng dưới đất, nó sẽ lớn. Nhưng nó không đủ sức lớn để trở thành cây cổ thụ trong rừng sâu.

Bây giờ tôi ép nó mọc trong chậu, thiếu chất ăn, nó thành cằn cỗi như cây già trên núi. Coi hay lắm.

– Bệnh lao phổi có dính dáng gì đến sở thích kỳ dị của anh chẳng?

Anh Thành đau phổi đã ba năm rồi, và nhờ khéo chữa nên đã khỏi.

Anh Thành ngả lưng lên ghế cười ha hả:

– Anh lắm to, như bao nhiêu người khác. Tôi vẫn có sở thích nầy từ lâu rồi, tôi vẫn chơi cá Tàu, non bộ, cây cảnh. Tôi chơi từ cái lúc tôi còn đi đánh ten-nít, đi bơi lội kia. Không, cái thú nầy không phải cái thú riêng của ông Tàu ủ rũ, hay ông già lụ khụ. Nó vẫn đi đôi được với sự sống ổn, trẻ và hoạt.

Rồi đột ngột, anh hỏi:

– Dynamique dịch ra Việt ngữ là gì?

– Tôi dịch không nổi tiếng đó, anh cứ tạm nói là cường sinh đi.

– Không ổn. Nhưng tạm dùng vậy. Anh có biết dân tộc nào cường sinh hơn dân tộc

Nhứt Bồn không? Thế mà họ là những tay chơi cây cảnh, non bộ sành nhứt đó.

Phải, bịnh tật làm cho con người ủy mị, nhưng trò chơi nầy không ủy mị chút nào như nhiều người cứ tưởng và cứ cho đó là món giải trí phong kiến và lạc hậu.

Ở đời có nhiều việc, mới xem, ngỡ là trái ngược với nhau. Nhưng thật ra, nó đi đôi với nhau rất xứng. Ai bảo thủ bằng dân Anh. Nhưng có phải là dân Anh làm cách mạng trước nhứt chẳng? Ai tin ma cho bằng dân Anh. Nhưng có phải là dân Anh làm việc có phương pháp và suy luận khoa học nhứt chẳng?

* * *

Trời nóng bức quá. Tôi đòi nước đá.

– Không, anh chỉ được uống trà nóng, trong thảo lư của bác Tàu cổ. Ta phải mìn đàm cho nó đúng điệu. Cả một nghệ thuật

đấy. Như tôi, tôi xem tranh ảnh về Huế, thì thế nào cũng không khỏi ngâm bài Nam bường:

Nước non nghìn dặm ra đi...

Mượn màu son phấn đèn nợ Ô, Ly...

và bắt thềm bánh lá chả tôm. Ấy, phải có một sự hòa hợp như vậy. Cây si-cú này, – vừa nói, anh Thành vừa chỉ chậu si-cú trên bàn, gần bốn cá –, riêng nó, không đẹp để gì, mà thiếu thì không được đâu. Cá Tàu phải đi với si-cú.

* * *

Tối hôm đó, trời lặng gió. Trong khi cá tấp móng nghe bong bóc trong bồn, Thành thắp hai cây đèn cây, gắn trên hai viên gạch rồi đem đèn để phía ngoài kia, một cây sau hòn non bộ, một cây khác, sau chậu tùng.

Thành, như là ở đời xưa hiện về. Anh ngồi trên ghế bố, nhìn bóng dáng cái núi giả và cây tùng nổi bật lên trước ánh đèn.

Tôi cà rớn:

– Quả thật là: yêu ngày chưa phỉ, lại yêu đêm.

– Đó, mới lòi chỗ dốt của anh nữa. Người ta chỉ nhìn cây kiểng và hòn non bộ như vậy thôi. Ban ngày, con mắt bị xao lãng vì những cái thấy khác. Vả, ban ngày cảnh thiết xung quanh ta lớn quá, khiến ta cứ nhớ, ta nhìn núi giả. Giờ đây, ta sẵn lòng quên và được quên sự thật, chỉ thấy hình dáng của núi cao đứng sững trước mặt trời sắp lặn.

– Thi sĩ quá.

– Anh cứ mà chế nhạo, tôi không cần dư luận của ai hết. Giống lắm.

- Giống cái gì?
- Giống núi thật.
- Anh có đi chơi núi rồi à?

– Cũng có chứ. Mà việc trèo núi, ở đây, không dính dáng tới chỗ giống hay không. Giống là giống hòn núi thật, trông đàng xa. Còn chi tiết trên núi, tôi chưa nói đến. Cả trăm hòn non bộ trong nước Việt Nam, chưa dễ tìm ra được một hòn như vậy! Anh coi, các mỏm đá không đều, không cân xứng như ở mấy hòn khác, không có vẻ nhân tạo chút nào. Hoàn toàn giống thiên nhiên. Nếu chụp ảnh một mình nó, thì tôi đổ ai khỏi lắm. Còn cái cây tùng và cây chùm nùm này, nó giống hệt cây cổ thụ.

Tôi nhớ ông chú tôi hồi đó hay chê dốt những người đem cây chùm nùm uốn thành hình con phụng, con công. Theo ông, cây chùm nùm phải có dáng tự nhiên như

cây mọc trong rừng. Theo ông, các vườn Tàu, Nhứt với những đường đi cong queo, với những xó ngách nhiên, với những cầu tre bắc ngang suối giả, đẹp hơn vườn Âu Châu nhiều.

Bây giờ, ta lại nói đến chi tiết bộ giả sơn. Nếu không phải là một tay chơi sành lắm, thì không thể nào đắp nổi một hòn non như vậy, các hang đá hiểm hóc, ăn sâu vào núi, trông bí mật lạ. Nó trở ra mặt hồ. Nếu có một chiếc xuồng nhỏ do một người bơi tẻ vào hang, thì ta không khỏi nghĩ đến người Đào Nguyên lạc lối. Cái khe nước chảy dưới cầu, để đổ ra hồ, có vẻ sống lắm. Tuy nó cạn, mà tôi, dường như, nghe nó thầm reo và tưởng nó đang len lỏi, dò lẩn về mẹ nó là cái hồ lớn kia, chú tiểu phu vai trĩu củi và túp lều tranh đứng co ro đằng xa kia, thật là khéo lựa. Nó nhỏ vừa với sức lớn của núi rừng. Có người đốt, mua ông Tiên lớn quá, hoặc cái nhà quá to, trông nó

luốt đi thành ra của họ, hòn non kê lớn lên luôn luôn: «Ta đây giả, ta đây giả». Hai ông tiên ngồi đánh cờ trên thạch bàn, gọi những ngày không bận lo âu. Tôi tưởng như Bạch Hạc đồng tử bay gần đầu đó. Ngôi chùa rêu phủ đứng cheo leo trên sườn núi đẹp vô cùng, không khác gì tranh thủy mặc Tàu. Tôi rất yêu hình ảnh của nước Tàu cổ, nước Tàu với những tửu quán, trà đình với những nhà ngói sứ, mái cong cong, với những văn nhơn bắt gặp thơ đề trên vách một ngôi chùa xưa rêu phủ trong rừng tùng, nét chưa ráo mực, mà nàng tiểu thơ đề vịnh đã lâu rồi...

Nói tới đó, Thành chỉ lên vách, tôi nhìn theo, thì nhận ra một bức tranh, không, một tấm lụa, trên đó có viết bằng chữ thảo, một bài thơ Tàu:

Khử niên kim nhật thử môn trung

.....

Đào hoa y cựu tiểu đông phong.

Nét chữ bay bướm, tung hoành, đẹp như một bức thủy mặc với những nét vẽ phác.

Tôi nhìn Thành trừng trừng, kinh ngạc trước con người chưa đi tới Huế lần nào này, mà cứ nói đến những chân trời xa.

– Hình như, anh ưa đi lắm thì phải?

Tôi hỏi để chắc bụng về ý nghĩ của tôi đối với mâu thuẫn kỳ dị trong con người này.

Thành không đáp ngay, chỉ đặt bàn tay lên vai tôi, rồi gởi gắm:

– Các cụ ta xưa, nhứt là những nhà Nho lỗ vận, thích non bộ, vì họ cố ý gặt gắm lòng họ trong cảnh nước non, trời

biển bị thu hình, để nghe như đã tóm râu trần giới được trong tay họ.

Tôi bỗng chợt hiểu rằng, giấc mơ non xa, nước lạ của Thành, không phải do mộng đi bất toại mà có, mà chính là kết tinh của mặc cảm nhỏ nhoi của đời anh.

12. RUNG CÂY DỪA

ỘT khối đen đùn lên ở chân trời phía Đông Nam. Thấy giáo lấy tay che mắt, vì nắng sớm chói lòa, để theo dõi cây khói, cứ mọc lần lên cao ấy.

Khói mọc lên, tức là một chiếc tàu sắp đến gần bờ, mà khi tàu ở Đông Nam đến, thì là tàu tuần rồi. Những chiếc tàu ở Pháp qua, đều ở Tây Nam lại.

Gần một tháng nay, không có chiếc tàu nào chạy qua lối đây cả. Nên chi thấy

giáo nghe vui rộn lên, như là thấy dáng bạn
đăng xa.

Bạn?

Ừ, bạn, bạn thực đó, mặc dầu thầy giáo
biết rõ ở trong nội địa, người ta xem tàu ấy
và người trên tàu là thù. Thầy giáo đã hơn
một người, rồi hờn luôn cả loài người. Thầy
trốn ra đây đã hăm hai năm. Không đứng
bộ đình của làng nào trên nước Việt Nam
nữa, thì nước Việt Nam đó đánh nhau với
ai, thầy không may may sốt ruột, và không
xem «ai đó» là kẻ thù.

Đây là hòn Củ Tron, nói đúng ra là một
đảo trong quần đảo Củ Tron. Hòn này, thật
ra, gồm đầu lối hai mươi hòn đảo nhỏ.

Vịnh Thái Lan, phần thuộc hải phận
Việt Nam, chỉ chút những đảo là đảo, như
có đứa trẻ tinh nghịch nào hốt đá cuội mà
vứt rải trên một cái ao con. Đảo ấy xúm xít

lại với nhau từng chùm, thành nhiều bầy đảo riêng mà người dân trong nội địa, để đơn giản hóa, xem mỗi bầy như là một hòn duy nhút và chỉ đặt một tên thôi. Tại sao lại có sự đào ngũ nước nhà và loài người này? Có gì đâu? Thật trẻ con và buồn cười hết sức, thầy giáo đã thất vọng vì tình mà lại. Rõ là:

Một người làm đi, xấu danh đồn bà!

Lời tục không sai.

Một người đồn bà đã phụ thầy, chỉ có một người thôi, thế mà thầy oán tất cả giống đồn bà, rồi oán lây cả loài người.

Thầy kêu đời là giả dối, người là xấu xa và đâm ra ngâm toàn thơ yếm thế và mê cảnh làm bạn với hươu nai trong những bài thơ đó.

Ban đầu, thầy định vào núi tu, nhưng trên Bảy Núi thì đang lắm ông đạo lãng

những, ông đạo Năm, ông đạo Lết, ông đạo Huế, ông đạo Hù. Vả lại, thỉnh thoảng có những bà mộ các ông đạo ấy lên hành hương, thì cuộc đụng chạm với «những con ác quỷ» làm sao dứt được.

Những hòn đảo xa, xanh tím nơi chân trời ngoài kia, có những sự tích huyền ảo đối với người trên bờ, họ truyền miệng nhau mớ chuyện thần tiên ấy từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Nên chi, bấy đảo chốn hải giác thiên nhai, vốn đã quyến rũ thầy từ thuở bé, bấy giờ, khi lòng thầy nát ngầu vì sự phản bội của một người đồn bà, nó lại kêu lên cái tiếng gọi xa xăm và quyến rũ của nó.

Ra tới quần đảo Củ Tron, thầy mới nhận ra là sống một mình không được, hay được mà khổ biết bao nhiêu.

Vì thế, thay vì ở biệt tích trên một hòn hẻo lánh, thầy tá túc nơi một cù lao đông tám gia đình.

Thầy ta bỏ tên cũ, và dân đảo chờ mãi không nghe thầy xưng tên, mới kêu thầy là thầy giáo, và chức thầy giáo biến thành tên thầy từ đó.

Về vật chất, con người ở đây lùi về đời sống cổ sơ, tự làm lấy mọi việc, ít khi trao đổi hàng hóa với nội địa. Nhưng thứ nhứt là về mặt tinh thần. Cùng một nhịp với cuộc sống, họ cũng bỏ rơi lần lần những phiền toái xã giao về tình cảm, về ý nghĩa của một xã hội văn minh. Đời người, nhờ thế, mà ít bị ràng buộc biết bao. Cây khói mọc lên cao, rồi ngã đầu dưới gió sớm, rồi ống khói tàu nhô lên. Trông từ xa, ống khói và làn khói giống như một cây đuốc, mà người cầm còn núp ở đâu dưới hố sâu.

Lần lần cả chiếc tuần dương hạm đình dàng bò lên trên góc biển hình tròn; đó là tế nhận tinh vi dưới hai con mắt biết khoa học của thầy giáo.

Nổi đuôi tuần dương hạm là năm chiếc tuần hải ngạn nhỏ, trông như một con heo mẹ ột ột dắt một bầy heo con.

Còi tàu hú vang rền, xịt khói dày đặc, rồi dừng lại ngoài khơi.

Không trông thấy rõ gì, mà thầy giáo vẫn biết họ đương hạ thủy những chiếc xuống máy.

Cảnh này, độ ba tuần, lại diễn lại một lần. Lần đầu, cách đó mười năm. Thâm ý của Hải Quân Pháp là dòm ngó xem trên các đảo hẻo lánh ấy có Việt Minh hay không. Nhưng dân ở các đảo, và cả thầy giáo nữa, lại ngỡ là họ ghé xin nước, xin trái cây.

Không chiếc xuống máy nào vào bờ mà không mang theo bơ, sữa, súc-cù-là, kẹo, bánh. Người dân ở đảo ngớ đó là quà trao đổi, nên biếu lại nước suối ngọt, chuối, dừa. Thủy quân Pháp vui lòng nhận quà đó, để gây thân thiện. Rồi khi dòm ngó thấy dân chúng chất phác làm ăn, họ trở ra khơi. Nhưng thỉnh thoảng họ vẫn trở lại. Thật là một sự xem chừng kiên nhẫn.

Nhờ thế, thầy giáo biết rằng, dân ta đã đứng lên kháng Pháp. Lòng trần chưa gọi sạch, nên khi nghe tin này, thầy nôn nao mấy hôm. Nhưng mà dứt là dứt! Ôi, đau như hôm vĩnh biệt đất liền, quyết tâm quên người yêu và thỉnh thoảng day lại nhìn ngọn cau ngả nghiêng dưới gió. Niềm đau vận nước hôm đó cũng ray rút như là cuộc phân vân ngày đi. Thật là «linh đình nửa nước, nửa dầu». Nhưng thôi, dứt là dứt hẳn!

Khi xuống máy cày mặt biển, lội gần tới bờ, thầy giáo vội vàng rời chỗ nhắm, trở về xóm để báo tin cho người ta đủ ngày giờ đón chuối, hái dừa.

Dưới xuống chỉ có một Tiểu Đội thôi, nhưng tới tám người lính và viên Đội Trưởng lên bờ, mà họ lên tay không. Ngày thường thì họ võ trang tới chơn tóc, kẻ răng, và ở lại dưới xuống đông hơn để ngừa nguy biển.

Thầy giáo làm thông ngôn. Bọn thủy thủ cũng chào hỏi vui vẻ như mọi lần, nhưng sắc mặt hơi buồn. Viên Đội Trưởng nói:

– Tôi đến đây lần cuối cùng, để từ biệt các anh.

– Anh đổi đi nơi khác à?

– Không.

– Vậy thì làm sao?

– Hiệp Định Giơ-neo, các anh biết chứ?

– Có, có nghe anh nói.

– Sau Hiệp Định đó, chúng tôi ngỡ còn được ở miền Nam. Nhưng chính phủ anh yêu cầu chúng tôi rút lui toàn diện.

– Vậy hả?

– Bây giờ thì các anh độc lập rồi đó, không còn nói ra, nói vào gì được nữa. Anh có về đất liền không, anh Giáo? Về mà hưởng độc lập.

– Không!

– Thế ra, cái chuyện ngày xưa ấy, cái chuyện xui anh trốn ra đây ấy, là chuyện lòng thật sự, quả như anh đã nói. Từ thuở giờ, chúng tôi ngỡ anh nói dối và vẫn xem chừng anh đấy.

Bọn lính thủy cười rần rần; một anh đưa cánh tay ra, trên da có xâm quả tim bị mũi tên xuyên ngang, máu chảy có giọt, mà rằng:

– Đây, tình đau khổ! «Ên⁴» đã đập nát quả tim tôi, vậy mà tôi có thèm đi đâu. Hay nói cho đúng ra, tôi có đi, tôi đi cùng khắp bầu trời, để tìm nhiều «ẻn» khác, và tìm được dễ dàng.

Nhưng thầy giáo vẫn điềm nhiên:

– Thôi, vĩnh biệt!

– Vĩnh biệt!

– Vĩnh biệt!

Bọn thủy thủ bắt tay từng người, rồi mang quà trở xuống bờ biển.

Cả đảo đưa họ, rồi về nhà, trừ thầy giáo. Thầy đứng nhìn xuống cập tàu, nhìn

4 tiếng Pháp - Elle: cô ấy

cột sắt đen vẽ nét đứng, nét ngang trên nền trời xanh lơ, và nhút là lắng nghe tiếng còi thét lên trong không gian, gợi nhớ những chuyến đi, những cảnh non nước xa lạ, mà thấy mơ thuở còn bé, và bây giờ, mặc dầu đã ra đây rồi, vẫn còn mơ cái kỳ ảo của viễn phương.

Dứt là dứt! Tuy thế, cuộc hội kiến hôm nay vẫn làm huyền não lòng thầy giáo như cái tin khởi nghĩa mười năm xưa.

Vận nước thịnh, suy, hưng, vong triều đại, đó là những điều mà ta khó lòng dừng được, và không thể đặt điều ấy ngang hàng với một câu chuyện tình.

Nhưng thôi, dứt là dứt!

Khi mấy con tàu chỉ còn bằng mấy cái vú cau mà trẻ con thả chơi trên bể cạn, thầy giáo quay lưng đi vào xóm, nhưng không ghé đó, lại đi thẳng ra bãi biển nghịch diêm.

Thầy đẩy xuống nước một chiếc thuyền độc mộc nằm phơi nắng trên bãi cát, rồi thót lên ngồi trên đó.

Giữa những cù lao trong quần đảo Cù Tron, là những vuông biển nhỏ im lặng như mặt hồ. Bơi xuống trên bao nhiêu là hồ ấy, đi từ đảo này qua đảo kia, là cái thú vui vô song nhắc nhở cảnh người xưa chu du năm hồ, bốn biển, cảnh Từ Thức chèo thuyền chợt gặp Đào Nguyên.

Nhứt là những hòn đảo này là những hòn non bộ thiên nhiên, mà trong đất liền, nghe nói, ai cũng thèm nhều nước miếng.

Đảo đá vôi lồi lõm những gộp đá hình thù kỳ dị, những hang non hiểm hóc, và những động là là mặt nước, trông như cửa động đào; gộp đá vôi thì mỗi gộp mỗi màu, trên ấy mọc lên những cây lùn, mà hình dáng lại cằn cỗi như cổ thụ, và tất cả soi bóng, in hình một cách trung thành, đầu

lộn ngược, trên mặt biển đang nhạt màu trời và phẳng như gương.

Hạ nhẹ mái dầm, thầy giáo nhìn một sườn non và nhớ lại cái mộng của mình, là xây ở lưng chừng sườn non ấy một ngôi chùa, mái cong, lợp bằng ngói sứ nhiều màu. Ngôi chùa ấy, vài năm sẽ xanh rêu, và ngôi ở dưới xuống trông lên, y hệt như ngấm non bộ, để rồi mơ đến hình ảnh nước Tàu ngày xưa, nước Tàu cổ kính trong tranh: một ngôi chùa cổ cheo leo trên sườn núi, trong rừng sâu, chiếc cầu đá bắc ngang sơn khô, bên cầu, hai tu sĩ, tóc, râu dài chảy trắng xuống như thác nước đổ, đang ngồi đánh ván cờ muôn thuở.

Thầy giáo bơi xuống độc mộc từ hòn nầy qua hòn khác, cho đến lúc hoàng hôn nhuộm tím chân trời và mặt nước.

Mấy lúc nầy, thầy hơi mệt – đã năm mươi rồi, còn gì nữa! – nên chỉ làm lấy lệ,

cho có mà sống lây lất qua ngày, và cho dư thời giờ đi dạo thả cửa như vậy.

Năm mươi! Trời ơi, đã hăm hai năm rồi, thành tiên trong động vắng thì chưa thành, mà lòng trần vẫn còn xao động, mỗi khi một ngọn gió xa thổi đưa sóng đời tới.

Còn sống mấy năm nữa đây, rồi sẽ già từ hản mọi thứ, kể cả đời sống cổ sơ bình dị này? Chắc cũng chẳng bao lâu, vì thầy giáo nghe trong người yếu lần. Năm mươi là khúc đường quanh, bước qua là nghe khác nẻo đi vừa bỏ, hể dang nắng, dầm mưa là nghe muốn ể mình.

Lại còn!... Thầy giáo nghĩ tới đây, thì buồn đến muốn nhảy xuống biển cho rồi.

Ở đây, người dân sống tập thể trong nhiều điểm: thí dụ cất nhà, đốn gỗ để mổ xuống, cuốc đất, trồng khoai, vùn vùn...

Mấy lúc nay, thầy nghe yếu trong người,

nên tự buông tha mình khỏi những khổ dịch vẩn công.

Người trong đảo, ban đầu, nhìn thấy bằng những cái nhìn trách móc, rồi sau đó, khinh thấy ra mặt. Thì ra, cũng còn vướng loài người với những ràng buộc phiền phức.

Đêm ấy, thầy giáo nhúc đầu như có hai khúc gỗ kẹp hai bên màng tang, rồi ai đó chơi nghịch, siết chặt hai khúc gỗ lại. Ác mộng liên miên tới sáng, rồi lên cơn sốt. Rõ ràng là cảm thử.

Ở đây, người ta sống như người Thượng Cổ, hay như người sơn cước ngày nay. Ai có sức khỏe thì lướt khỏi bệnh tật. Lướt được là đi hết đường đời tới khi đầu bạc. Ai không dẻo dai là chết quay ra.

Nhưng trường hợp của thầy giáo chưa xảy ra bao giờ: không lăn đùng ra mà chết, cũng chẳng khỏi cơn sốt liên miên.

Người ta đến thăm thầy giáo trong ba ngày đầu, rồi thôi. Một mụ hàng xóm, thương tình, nấu khoai, phần chia của thầy, cho thầy ăn đỡ dạ trong năm ngày. Nhưng khoai của thầy hết sạch. Người ta nuôi thầy bằng khoai hàng xóm, trong nửa con trăng.

Thầy hết sốt nhưng vẫn nằm liệt. Một ông lão còn sôi, nhìn thầy rồi lắc đầu:

– Không thể khỏi. Như là bại, xụi ấy mà! Năm riết đến thúi xương là chết!

Vậy, ra đây là một cái miệng vô ích.

Không giận ghét thầy, người ta vẫn không lui tới nữa. Cái miệng vô ích, kể như chết rồi. Không giết đó là may, ai hơi đâu mà nuôi mãi.

Sau hai ngày vắng khách. Thầy giáo bỗng hiểu và thầy bỗng rợn người lên khi nghĩ đến câu chuyện rung cây dừa, mà thầy được biết thuở bé, khi đọc địa dư.

Ngoài khơi Thái Bình Dương có những hòn đảo thần tiên, mà dân trên đó, suốt ngày, ca hát, vui chơi. Khi một người chủ gia đình trở nên già yếu, họ bắt y leo lên ngọn dừa, rồi áp nhau mà lung lay gốc cây dừa ấy.

Người leo cây, nếu bám chặt được, là sẽ sống thêm ít lúc. Bằng rủi tay rơi xuống, thì họ cho ngay hẳn ta là một cái miệng vô ích, cần phải cô lập một nơi cho chết đói lẫn mòn.

Rung cây dừa! Thế ra, là mình bị họ rung cây dừa đây!

Sống cổ sơ bình dị! Thú biết bao, mọc mọc thông thả biết bao! Nhưng cũng giống thú vật biết bao. Con thú đầu đàn, khi vồ hụt mỗi lần đầu là bị đàn coi là hết khả năng, bị thay thế ngay, rồi bị thịt ngay.

Sống cổ sơ bình dị! Có làm mới có ăn, già nua là không còn hay ho gì nữa! Xã hội chỉ nuôi những cái miệng hữu ích thôi!

A ha! Đó là một xã hội thú vật, cóc cần tình cảm, cóc cần tình thương đối với lớp «người trái chanh», lớp người bị vắt hết cả nước cốt trong thời niên thiếu để dâng lên đoàn thể, và bây giờ chỉ còn trơ lại cái vỏ khô như xác ve.

Thầy giáo gượng dậy, lết cùng nhà và may sao, tìm được hũ khoai mà mụ láng giềng không thấy. Thầy ăn khoai sống mấy hôm.

Muốn về đất liền lắm, lần này. Nhưng ở đây thì không dung miệng vô ích, còn ở trong ấy, thì lại dung quá nhiều miệng vô ích. Không phải miệng lớp già, mà là những miệng ký sinh nhân. Chán thay, chạy ô mố mắc ô mả, bây giờ muốn chạy thầy cả, lại ngại mắc thầy con.

Ở đâu hợp lý tưởng bây giờ để được dung thân buổi xế chiều của một cuộc đời, tuy lánh mặt, nhưng vẫn hữu ích? (Nếu không hữu ích thì cuộc đời ấy hẳn đã phải bị rung cây dừa ngay từ thuở mới ra đây).

Ngày xưa, sao mà quyết định quá dễ, dứt tình với người yêu, với loài người như dứt sợi bông đeo trên rào. Bây giờ nó trợn trạo như là xuống không lọt, mà lên lại chẳng thông.

Quá nửa đời người rồi, và vào đoạn đường ấy, con người ngại trở bước lắm chăng?

«Mà người, ngày xưa đã từ bỏ tất cả, cả những cái lớn lao, lẽ gì ngày nay lại không dám đánh rơi một khu sống không dung tha tình cảm, một khu sống mà người ta siêng năng để mà sống, như đàn kiến. Chỉ có thể thôi. Và như đàn kiến, con nào ngã dọc đường, thì mặc thân nó, không ai hơi

dâu mà ngừng lại nhỏ cho vài giọt nước mắt, để cho rối trật tự của đoàn đang đi».

– Mấy phải chọn, thầy giáo Lầu ơi!

Thầy giáo khiển trách mình và bất giác gọi đến cái tên, mà hăm hai năm nay thầy bỏ hẳn.

Thầy giật nảy mình. Tên ấy vang lên như một giọng nói của một người thân yêu, dội trở lại với một hình bóng mờ xa của những người biết thương, thương nhiều quá, thương đến cả kẻ thù, đến cả những cái miệng hoàn toàn vô ích.

Lần thứ ba, lòng giáo Lầu huyền nao. Nhưng lần này, thầy không thần nhiên được, sau trận dao động đầu tiên.

Tiếng vang của mối tình đến, rồi tan trong gió.

Tiếng vang vận nước thoảng qua, rồi tắt lẩn trong thờ ơ của người yếm thế.

Nhưng tiếng vang của loài người, của xã hội vẫn minh lại kêu réo như tiếng còi tàu thỉnh du. Còi tàu vắng đưa lên hình bóng nước non xa lạ, còn tiếng con người lại nghe nga chơn trời cũ, bóng bạn xưa, không thúc giục như còi tàu, nhưng lại thỏ thẻ, nỉ non, dai dẳng như lời mời nhẩn nại của một người nhiều hảo ý và thiết tha đón khách.

Sáng hôm sau, một chú Lỗ Bình Sơn tân thời, đầu bù, tóc rối, bơi chiếc xuồng độc mộc trở vào bờ, bịn rịn cù lao rung dừa nhưng lại háo hức hơn, vì mơ mảnh đất liền, biết thương đến con bò già, không kéo cày được nữa.

13. ĐỒNG ĐỘI

ÁM Tư khà một cái dài như răn
hổ, đặt tô trà Huế xuống bàn một
cái cộp, rồi hỏi:

– Mấy lâu làm sao?

Tư Nết gỡ tóc, nhăn mặt giây lâu rồi
nói:

– Thật tôi không nhớ nào...

– Mấy phải nhớ...

– Ngộ không! Anh nói giọng đó thì tôi

trả lời dứt khoát với anh cho rồi. Tôi không nhận lời.

– Vậy hà, vậy thì tao cho mày ở tù.

Tư Nét cười ha hả:

– Hứ, thứ trùm trưởng là tay sai của người ta mà cũng làm oai. Bộ mặt của anh mà bỏ tù ai được.

– Bỏ tù mày được. Nè, đêm hôm qua mày biết ai chèo xuống cho thầy Hương Quán rượt bối đó không?

Tư Nét giật nảy mình, mặt tái lét. Hắn ngó quanh quất và rất mừng là quán vắng tanh. Cả chủ quán cũng chạy đầu mất.

– Xanh mặt rồi đó, còn nói cứng nữa thôi?

– Ủ, cho là anh chèo xuống đi. Rồi sao nữa?

– Tới vàm Tắt, tao thấy rõ trên xuống bổi có mây ngồi. Tao theo gần kíp, mà thương mây có mẹ già bệnh nặng, nên tao lơ dầm, cho tụi bây thoát.

Mồ hôi Tư Nết xuống có giọt. Lâu lắm hần mới nói được:

– Thôi... anh muốn gì, tôi cũng bằng lòng nghe theo hết.

– Có gì đâu mà khó. Nè, ghe Bình Trước, ghe Tân Uyên do dân chợ là dân cà phê xiu mại boi nên tao thị như đồ bỏ. Ghe mấy làng khác cũng không có gì đáng ngán. Chỉ còn hơi lo về ghe Tân Đức và rất lo về ghe An Thị của mấy thôi. Dân boi Tân Đức năm nay đã thành lão tướng hết ráo. Rốt cuộc thì còn lo một mũi An Thị của mấy đó. Tao hỏi thì biết chắc là năm nay mây giữ cây xà bát trên ghe làng mây, nên tao mới cạy mạy.

– Tôi phải làm gì, đâu anh nói nghe thử?

– Chắc chắn là chỉ có ghe Ba Doi của tụi tao và ghe An Thị của tụi bây tới mức ăn thua trước. Chừng đó hai chiếc ghe ấy sẽ song song với nhau mà rút. Dân An Thị của mấy cừ lắm, tụi tao ngán quá. Tụi tao tính đâm đại mũi vào hông ghe An Thị. Ghe bây cũ quá chắc phải rã, tụi tao ăn chắc. Mà muốn đâm cho được, phải nhờ đến mấy làm nội công. Tụi tao chĩa mũi qua, tụi bây tránh đi, rồi tụi tao làm sao đâm. Mấy giữ xà bát, mấy phải lái làm sao để đưa hông hớ hênh cho tụi tao dễ đâm...

– Chỉ có như vậy hè?

– Chỉ có bấy nhiêu đó mà mấy được thưởng mười đồng, còn ăn chia tiền thưởng của ông Chánh (Tỉnh Trưởng thời Pháp thuộc.) nữa. Nghe nói năm nay tiền thưởng giải nhứt là một trăm.

Tư Nết làm thình mà nghe, rồi nín lặng giây lâu đoạn thở ra hỏi:

– Hồi hôm, tới Vàm Tắt anh thấy tôi đang làm gì?

Ý Tư Nết muốn kiểm soát lại coi quả mình bị trông thấy thật sự hay không. Chỉ có nỗi nguy ấy mới khiến anh phản bội hàng ngũ được.

– Mấy bơi đặng sau, thằng Sang bơi trước mũi. Thằng ngồi giữa tao không biết.

Tư Nết bây giờ mới hoàn toàn chịu thua.

Anh ta lững thững ra khỏi quán, mặt buồn hiu. Luôn sáu năm, ghe bơi An Thị chiếm giải nhất trong các cuộc đua. Anh góp phần trong vinh quang địa phương ấy rất nhiều, cho đến đổi năm nay người ta tôn anh giữ xà bát, tức là giữ cây chèo dài phía sau, thế cho bánh lái ghe, không được

phép gán. Thế mà anh phải phản bạn thì có đau lòng hay không?

Chuyến đi bổi đêm hôm rồi, xui xẻo hết sức. Không lượm được một hột gạo mà còn bị xuống hương quán Ba Doi rượt chạy muốn hụt hơi vì bạn của anh lỡ chém một chủ ghe. Tư Nết nhớ lại mẹ đang nóng mê sảng ở nhà, nhớ số tiền đưa trước do Tám Tơ hứa. Thật là quẩn rũ.

Mà chèo làm sao! Anh nhớ bạn hữu, ba mươi người, toàn là dân chèo ghe với nhau, người nào cũng lưng cháy nắng, bàn cẳng hà ăn, cực khổ cả năm mới được vài phút vui là tới mức ăn thua trước các làng khác trong tỉnh. Vậy mà năm nay...

Về tới nhà, anh nghe mẹ nôn ọe âm lên, và thấy hàng xóm láng xảng bên chõng bà cụ. Họ chỉ có gừng và nước nóng để cứu bệnh nguy ngặt của bà. Vì thế bà vẫn sốt liên miên.

Tư Nết không bước qua thêm, trở gót và chạy mau đến nhà Tám Tư. Chưa tới cửa anh đã nói:

– Anh Tám ơi, tôi quyết định rồi, anh đưa trước năm đồng đây coi. Gấp lắm!

Tám Tư làm thình lình lần dây lưng mở hồ bao lấy ra một tấm giấy con công ướm nhẹp:

– Nè, mà hể nuốt lời thì chết đa nghen!

– Hứa rồi mà!

* * *

Khúc sông Đồng Nai trước chợ Biên Hòa rộng như một cái hồ to, thế mà ghe bơi năm đó thả lênh bênh gần chặt sông.

Ông Tỉnh Trưởng là đảng viên của một đảng trụ cột của đệ tam Cộng Hòa Pháp, nên ông ra lệnh ăn lễ Cát-to-ru-dết (14/7 quốc khánh Pháp) thật rình rang. Ghe làng nào cũng phải có mặt, làng thất mùa, làng bị bệnh

truyền nhiệm gì cũng phải tham dự cuộc đua bơi năm đó cả.

Đứng ở bờ sông trước dinh ông Chánh mà ngó lên Cồn Gáo, người xem có cảm giác như lạc vào miền lạ nào. Màu sắc hực hỡ của mấy mươi chiếc ghe mới sơn, với đầu rồng, đầu phụng của nó gợi hình ảnh cuộc nam du của vua nhà Tùy, nhắc nhở những thuyền rồng vua Lê, những hành cung của chúa Trịnh. Những đuôi rồng, đuôi phụng, cong quót lên, lại gợi hình ảnh xứ Thái, xứ Miên, với những chiếc ghe dài hình rắn Na-Ra.

Một hồi trống. Tức thì mấy mươi chiếc ghe chuyển mình, lượn tới để sắp hàng.

Một tiếng súng. Trả lời tiếng súng ấy, mấy mươi chiếc phèng la đánh lên một lượt, rồi mấy trăm tiếng người hô lên một lượt để ra hiệu khởi hành:

Phèng!

– Hè!

Phèng?

– Hè!

Tiếng phèng la trên mỗi chiếc ghe bơi, chỉ định thời gian hạ dầm cho dân bơi. Tiếng hè của họ xác định rõ thêm thời gian ấy. Nhờ thế họ hạ dầm ăn rập với nhau, mấy mươi người đều cúi rập mình xuống cùng một lúc.

Phèng!

– Hè!

Phèng!

– Hè!

Trên mỗi chiếc ghe, mấy mươi người dân bơi giống hệt như người gõ được cột dính với nhau, rồi một bàn tay bí mật vô

hình nào đó giựt dây cho họ cử động.

Mấy mươi chiếc ghe bơi. trông đàng xa như mấy mươi con thủy quái thời tiền sử còn sót lại và thừa lúc biển lặng trời êm, nổi lên để giỡn nước. Chúng trườn tới trên mặt sóng như những con giao long hồ Động Đình tả trong truyện Tàu ngày xưa, đầu có mồng có mỏ, có vảy, đuôi có rìu.

Xanh, trắng, đỏ, vàng pha trộn với nhau trên màu bạc của mặt nước phản chiếu ánh mai, lóng lánh như cá ngũ sắc trong một chiếc bồn khổng lồ nào.

Phèng!

– Hè!

Phèng!

– Hè!

Phèng!

– Hè!

Đua chưa đầy trăm thước mà đã có ba làng rút lại sau. Đó là những làng chợ mà dân bơi là dân cà phê, xiu mại, y như lời Tám Tơ nói. Họ chỉ dự cho có mặt, và vui lòng ở lại đùa chơi khi bị bỏ rơi.

Bây giờ sông nổi sóng. Mũi ghe rẽ nước vo vo. Dầm chém xuống mặt sông làm bắn nước lên trắng như bột thác.

Phèng!

– Hè!

Ghe bơi không lướt theo một tốc độ đều đều như thuyền chạy buồm. Hễ dầm hạ một bận là nó vượt một cái, thành ra xa trông tưởng như nó nhảy. Mà nó cũng nhảy thật đó. Sức bơi mạnh quá khiến nhiều chiếc làm bằng gỗ nhẹ, nhảy chồm lên. Có năm, vài chiếc đứt làm hai đoạn, hoặc rã bung ra.

Phèng!

– Hè!

Hai chiếc ghe giữa đi kề sát nhau. Dân bơi bên này dùng dầm mà chém vào tay dân bơi bên kia. Cuộc chém trả gây thành một trận thủy chiến tai hại cho cả đôi bên, và cả hai bên đều rơi lại.

Chiếc ghe rồng xanh, không biết anh xà bác lái thế nào mà lật úp xuống. Hai mươi chín người trên ghe đều quăng dầm, rồi rít bu quanh ghe họ để lật nó trở lại, không phải mong theo kịp ai nữa, mà cốt cứu sống anh dầm đốc. Anh nẩy ngồi trước mũi, hai chơn bị cột dính vào hông ghe cho khỏi té xuống nước. Hễ ghe chìm là anh ta nguy.

Phèng!

– Hè!

Bây giờ còn có sáu chiếc là mong tranh ăn thua với nhau. Thành thử cuộc đua vô cùng hào hứng trong cái nước rút lớn của họ.

Chiếc này lấn chiếc kia một mũi thôi. Họ rút tới như ta so đũa, ráng so cho bằng với nhau, để dành sức đặt rút vào phút chót mà tranh giải. Nhưng không làm sao so cho bằng được cả. Sáu chiếc cứ thay phiên nhau mà so le, trở tới hoặc thụt lùi.

Trên bờ, khán giả la ó vang trời. Có người nôn quá nhảy múa lảng xảng thỉnh thoảng một anh rơi xuống nước, kêu cái chũm.

Phèng!

– Hè!

Ghe phụng xanh và ghe rồng vàng bỗng như hai mũi tên bắn mạnh tới.

– Ba Doi với lại An Thị đó, bà con ơi!

– Rút lên, Ba Doi!

– Ráng giữ danh tiếng, An Thị!

Một chiếc thứ ba, đầu phụng mỏ đỏ, mình nhiều màu, chùng như cũng muốn bắn theo. Đó là ghe Tân Đức.

Nhưng gắng được vài phút, nó lại trở về hàng cũ.

Cuộc đua đã gần ngã ngũ: Nhứt, nhì về tay An Thị, Ba Doi, chớ không sai chạy được. Nhưng khán giả càng hồi hộp hơn bao giờ hết. Bạn của An Thị thì lo lắng An Thị mất chức vô địch, còn bạn của Ba Doi thì nôn nao mong Ba Doi lên chun một lần.

Ba Doi và An Thị nằm trên khúc sông Đồng Nai ở gần ngoài cửa sông lớn tập cho họ quen bơi chèo và buộc họ bơi chèo giỏi. Dân hai vùng đó, người nào cũng lưng nách

và bắt thịt tay của họ thì có u có nân.

Phèng!

– Hè!

– Lên con, Ba Doi!

– Ủ đó! Ủ đó! Ủ đó! Được đa! An Thị!

Ghe An Thị lẩn hơn ghe Ba Doi nửa mình. Ghe sau hỗn hển rượt theo, coi muốn hụt hơi mà chỉ nhích lên được độ một gang thôi. Đã kém, nó lại không đi đường ngay lối thẳng, mà chĩa xéo mũi vào bờ bên này.

– Ba Doi đổ quạu rồi, coi chừng nó đâm ầu! Thiên hạ ó ré lên.

– Đâm làm sao được. Bộ An Thị người ta dại hay sao. Người ta cũng chĩa xéo như nó rồi hai chiếc cứ song song như cũ, làm sao mà đâm.

Nhưng kỳ lạ thay, ghe An Thị chẳng

những không cho ghe mình đi song song với chiếc ghe gây sự kia, lại còn chĩa mũi qua bờ đối diện, tức là đem hông mình mà đứng cho mũi ghe địch.

Tư Nết ăn tiền, đã trung thành với lời giao ước, đem cả làng nạp mạng cho Ba Doi. Anh nghĩ bụng, bất quá bạn đồng thuyền của anh sẽ chửi anh tan ông nát cha vài phút, rồi rầm một cái là ghe anh lật nhào, rồi mạnh ai nấy lội, không còn dám hả miệng chửi dai hoài. Tuy nhiên anh vẫn nghe nhòm nhòm nơi tay khi cầm xà bát mà nài cho ghe anh chĩa xéo, nhòm nhòm như là cầm dao thọc huyết con heo.

Trừ anh đánh phèn la, cả thuyền đều cầm đầu cầm cổ mà bơi, không còn biết trời đất gì cả. Họ chưa kịp thấy sự phản trắc của anh mà cho dẫu thấy họ cũng chẳng làm sao được.

Phèng!

– Hè!

Cả thuyền đều cắm đầu cắm cổ mà bơi. Ba mươi người mà như là một người. Sự duy nhất ấy không phải chỉ ở việc bơi ăn rập và reo hò một lượt với nhau mà cả ở trong lòng họ. Cả làng, cả đội sẽ thắng hay bại, chớ không riêng anh Ất anh Giáp nào. Dân làng sống ý đồng đội từ cái ăn, cái làm, cái chơi cho đến cái chết. Tư Nết đã đồng đội với họ từ vụ lụt lớn, cách đó mười lăm năm, từ vụ thất mùa bảy năm trước, từ vụ cọp Rừng Sát chụp tía anh và được cả làng ủa ra cướp lại, thì làm sao bây giờ anh lại thôi đồng đội với họ? Tất cả những ý nghĩ ấy qua mau trong đầu anh.

Phèng!

– Hè!

Hồi hộp lắm. Hai ghe cách nhau gần trăm thước hồi nãy, bây giờ chỉ xa nhau độ

hai mươi thước thôi. Cả hai như cổ châu đầu lại để chạy về một cái đích chung, vô hình, ở đầu phía trước, và ghe nào chèo mau hơn sẽ bị đâm lủng hông.

Phèng!

– Hè!

Dân bơi hả miệng mà la, và cũng để tấp lấy những giọt nước sông do đâm phía trước chém bắn lên cho đỡ khát.

Một anh bạn bơi, giọng khàn khàn nói:

– Chết rồi, nó đâm!

– Mấy lái cái mắc dịch gì mà kỳ vậy Nết?

– Nết ơi, mấy muốn ở tù sao mà đưa hông cho nó đâm?

Câu sau đó là của Hương Trưởng Chi người đánh phèng la.

Tư Nết cười ha hả mà đáp:

– Chính vì sợ ở tù nên tôi mới cho nó đâm. Mà thôi, bà con ơi thà là ở tù?

Ghe An Thị bỗng quay mũi ngay lại, rồi quay xéo cho đi song song với ghe Ba Doi.

– Hè... è... è!!

Một tiếng hè dài không dứt, thế là An Thị bứt đi, bỏ Ba Doi xa đến một mình rưỡi, vượt qua khỏi trái nổi neo ở trước đó để làm mức ăn thua.

Ghe Ba Doi tiu nghỉu như mảnh thú vừa vô hụt con mồi, nhìn nó chạy thoát, lòng đầy căm giận. Ba mươi chiếc dầm sơn đỏ của ghe An Thị bỗng đưa cao lên một lượt để chào quan khách trong bờ. Khán giả có ấn tượng như thấy một con rít chạy tới đó rồi ngã lăn đùng ra, đưa mấy trăm chân lên trời.

Tiếng hoan ở hai bên bờ sông vang dậy lên.

Tư Nết chỉ hưởng sung sướng chung trong vài giây. Anh nhớ lại chuyện riêng, lẩm bẩm nói:

– Thôi, cũng được. Chắc ở ngoài bà con họ chẳng bỏ má mình đâu.

14. NGƯỜI TÀI XẾ ĐIÊN

Câu chuyện xảy ra hồi tiền chiến.

Đã sáu giờ chiều rồi mà người ta chưa nghe gì hết. Thiên hạ sốt ruột hỏi nhau: “Năm nay, mấy ông không dám à?” “Hay là xin phép không được?”

Có người thạo tin cắt nghĩa: «Sao lại không dám! Nội cái vụ đường thẽ mà Bang Huấn đã lời hai trăm ngàn, thì năm, ba ngàn bạc pháo kể gì. Cũng không phải là xin phép không được. Nhưng, số là năm nay, họ thương thuyết với nhau, kẻ đốt trước,

người đốt sau, tính giờ mà nói chuyện ăn thua, chớ không đốt một lượt như năm ngoái nữa, nghe rùm tai lắm, mà lại có kẻ ăn gian, thỉnh thoảng nín luôn năm, sáu phút, khó kiểm soát được. Giờ này, họ còn thương lượng, cãi qua, cãi lại mãi không rồi».

Trăng rằm tháng giêng đã ló dạng trên dãy phố ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một. Hôm ấy là ngày, theo tục lệ người Tàu trong tỉnh, thỉnh Tào Kê. Không ai biết rõ «thỉnh Tào Kê» là cái quái gì. Nhưng chắc chắn là cúng nhiều, kéo nhau đi ngoài đường và «cái đình» của ngày lễ là đốt pháo đua. Ông cắc chú nào đốt nhiều hơn ông khác là ăn. Không ăn cái gì hết, nhưng được đồng bào của họ phục lắm.

Thật ra, chỉ vài ông Bang trong tỉnh lỵ mới dự cuộc đua đốt pháo này, vì phải đốt

hàng mấy giờ liền, nếu không làm ăn lời to, thì đừng mong đua với ai.

Thình lình, người ta nghe ba tiếng pháo đại nổ, sau nhau không quá hai giây.

– À, ra họ đốt một lượt!

Trong những con đường hẹp ở chợ, hai bên đều có nhà phố đứng lên, tiếng pháo bị tiếng dội đôi dồn lên như tiếng sấm trong thung lũng. Khói thuốc pháo bay mù trời, mịt đất, đến đổi ánh sáng của những bóng đèn đường bị lu mờ bớt lần. Những người đi dạo phố, những khách trong tiệm ăn, muốn nói chuyện với nhau, phải hét cho lớn, và kê miệng sát vào tai người nghe mà la. Nhưng không mấy ai còn ở trong nhà, trong tiệm được, vì khói thuốc vào đó, không lối ra, đầu độc cả không khí trong nhà.

Pháo vẫn nổ rền trời.

Mỗi người dự đua, sợ rủi ro ngưng tiếng nổ, rồi mang tiếng ăn gian, để ra tới bốn người đốt pháo. Năm ấy, có ba ông Bang thi đua, thành ra, một lượt đến mười hai tiếng pháo kêu vang.

Những người có con nhỏ, phải mau mau ẩm chúng đi thật xa, ra ngoại ô, không khéo thì chúng sẽ bị động kinh hay bị chết ngất mất.

Pháo thi đua nhau nổ mà đình tai, nhức óc.

Lúc ấy, hơn tám giờ. Tại tiệm sắt của ông Bang Sa, một tên người nhà về thừa lại với ông Bang, đang ngồi uống trà tại ghế giữa:

– Ông Bang à! Đẳng tiệm gạo của Bang Lệnh, pháo còn nhiều bằng hai của mình, làm sao?

– Làm sao à? Không sợ mà! Á Lin à! Á Hón à! Á Quý à!, ti mua thêm, coi tiệm nào còn chút lĩnh gì mua hết tại. Không tủ thì ti vô xóm mua.

Lịnh vừa ra, thì ba bốn chú từng vội thót lên xe máy, đạp đến các tiệm nhỏ ở ngoại ô, mà vơ vét. Họ mua không trả giá, nhưng cũng không được bao nhiêu, vì các tiệm khác đã vét trước rồi. Cho đến pháo ở các chợ lân cận như chợ Búng, chợ Lái Thiêu, cũng không còn.

– Mo tước ít quá à! Tài phú a.

Ông Bang Sa kêu:

– Tài phú phiếu sớp-phơ ti Chợ Lớn mau mau. Nè, tiền lây, tài phú mua thêm một ngàn tổng.

Tài phú Nải nhận tiền, chạy ra sau, hối sớp-phơ cho xe ra rồi thả xuống Chợ Lớn.

– Hò....chạy cho mau mau mà! Về tề, cái lầy ông chủ rầy mà

Chú ta thúc hối.

Thật ra, xe chạy có gió. Nhưng khi qua khỏi chợ Bình Phước, thì nó đứng lại.

– Cái gì tó?

– Banh!

– Tời lất ời! Chết ngộ dôi? Dáng sửa coi.

Người tài xế không thềm đáp. Anh ta bước xuống, giở máy ra, bấm đèn pin mà rọi, rồi lấy quây vạy, mở và chửi thề.

Bỗng có một ánh sáng đèn pha từ phía trên Thủ rọi xuống.

– Thôi lị ở tây sửa. Ngộ có giang xe lầy ti Chợ Lớn.

– Được rồi, được rồi!

– Người lái xe đáp –, khỏi cần quá giang, xe mình chạy được rồi.

Nói xong, anh ta rồ máy. Tài phú Nải mừng quá, leo lên xe. Chiếc xe hơi từ trên Thủ xuống đã qua mặt họ và chạy xa rồi.

Máy lại tắt.

– Cái gì nữa tử?

– Bánh nữa!

– Na má, cái lì dở quá mà. Ngộ lỏi với ông chủ cúp tiền lì hà.

– Dở gì, tại xe cũ phải vậy chứ.

Rồi anh ta lại lấy quây sửa, vặn, tháo, mở...

Một chiếc xe khác xuống nữa. Lúc ấy đã hơn mười giờ. Tuy là thái bình, nhưng mà người đi chơi đêm bằng xe hơi, chỉ đi đâu

hôm thôi, nên xe này, có thể coi là chiếc xe cuối cùng họ gặp.

– Thôi lần lầy, ngộ hổng thềm lợi lị lữa đầu.

Sau lời của tài phú Nải, anh tài xế nhảy lên xe, cho rồ máy và chạy tới.

– Tài phú không đi phải hôn? Tôi đi một mình vậy.

Tài phú Nải do dự vài giây rồi cũng nhảy lên xe.

Xe từ từ chạy tới và bị xe kia qua mặt nữa. Đến giữa cánh đồng Chó Ngáp, nó lại tắt máy.

Đó là một cánh đồng hoang vắng minh mông, bao la dưới ánh trăng vắng vặc.

Tức quá, tài phú Nải dậm chửi rầm rầm:

– Chết ngộ! Mà chết lì lửa mà! Chết dôi! Ông chủ thua, mình chết dôi! Á, kỳ quá mà, cái lì muốn phá ông chủ hả?

Anh tài xế cười xòa.

– Hà?

– Cái lì muốn phá, cái lì nói ti. Ông chủ bỏ tù cái lì coi.

– Xe hư mà!

Nói xong, anh tài xế lại cười ngất.

– Hứ, cái zì mà hư kỳ cục. Cái lì phá ông chủ mà.

Bỗng anh tài xế nghiêm nét mặt lại:

– Tài phú nè! Ông chủ xài lãng quá, mình đi làm gì cho mệt. Ở đây tới khuya, rồi đón xe lên mà về. Tôi đã phá xe hư thật rồi.

– À, dõ dàng mà! Ngộ nói túng quá má!

Chú Nải vừa nói, vừa bút đầu, bút cổ, đập rầm rầm trên sàn xe.

– Chết cái lì! Chết cái lì! Ngộ tức chết ti thôi!

Chú vừa nói, vừa phun nước miếng phèo phèo, trợn dọc mắt lên và quíu mười ngón tay như muốn cào, muốn xé anh tài xế.

– Hà, ông chủ ngộ thua dôi! Ông chủ ngộ mất tiếng dôi!

Chú Nải ngã ngựa trên nệm xe, đấm ngực anh ách.

– Chú đừng tức. Tôi làm vậy cho đỡ tiền ông chủ mà.

– Tiểu la má lì. Tở cái gì, ai cầu lì làm tở tổn tiền. Ông chủ lời bằng một tấm lần cái

lố, ông chủ cần gì. Miễn có tiếng thì thôi chớ.

– Cái tiếng đốt pháo nhiều đó không ra khỏi Thủ Dầu Một, ai biết mà ham.

– Thầy kệ người ta.

– Thầy kệ sao được. Hôm trước nhà Phước Thiện ho lao quyền tiền, ông chủ nói lỗ quá, cho nó một trăm. Sao bữa nay ổng đốt pháo dữ quá vậy. Đốt pháo có ích gì hôn?

– Sao không ích. Lốt pháo, người làm pháo bán chạy, thợ làm pháo mới sống lược chớ. Ngộ hỏi lị cái lầy, lị lỗi cho trôi. Ông chủ mà không lốt pháo, thì tiền lố, ông chủ có cho ai không? Chắc là không. Vậy lốt pháo tức là cho thợ làm pháo ăn lị. Lị cái ngộ chỗ lố lược không?

Anh tài xế cãi không được.

– Lị cái không lược thì cho xe chạy tí!

Nhưng anh ta vẫn đứng trân trân.

– Lị hồng cho chạy à? Ngộ lánh lị coi.

Tài phú Nái xốc tới, nịu đầu anh tài xế.

Nhưng anh ta lẹ tay, rút tay quay xe ra, rồi hăm:

– Nị xáp tới, ngộ đập một cây nát đầu. Ngộ cái không được, mà ngộ tức lắm, không chạy.

– Hà, cái lị tiên dôi, cái hồng lược, mà hồng chịu thua.

15. NẮNG CHIỀU

ẾU chị Nguyệt không đến nơi, thì chắc hai người đã đánh nhau hay ít ra, họ cũng trao đổi nhau những tiếng nặng, khó lòng lấy lại được, rồi thì anh em sẽ tuyệt giao với nhau.

Cái anh Vinh ấy có một tật đánh chết không chữa, là hay đùa những cái lỗ bịch của người khác. Anh ta có tài nhận xét những tật nho nhỏ của mọi người, có tài phóng to những điểm kỳ cục ấy lên, nắn cho nó biến thành những hình thù kỳ dị hơn, rồi lại có duyên thầm, trình bày những

điều buồn cười ấy một cách ngây thơ như là vô tình mà nói đến, chớ không cố ý trêu người nào, không cố ý chọc cười ai. Chính cái ngây thơ ác hiểm ấy, cù người ta bất ngờ quá, nên không ai nín cười được.

Nhưng hôm đó, chị Nguyệt đến đúng vào lúc mà anh Cần bị làm nạn nhơn của anh Vinh, và không muốn để chị nầy thấy bộ mặt nhần nhần của mình, anh Cần vui tươi lên như là không giận bạn vậy.

Chị Nguyệt xem lại đồng hồ rồi hỏi:

– Sao, giờ nầy mấy anh chưa về?

– Thì đợi chị nầy giờ, đi sao được. Thôi ta đi nè!

Bình đáp, rồi giục tất cả mọi người.

Cả năm đồng đứng lên.

Ra đến cửa ngõ, muốn làm lành lại với Cần, Vinh hỏi:

– Thầy Mười Sáng là người thế nào, anh Cần?

Như chợt nghĩ ra điều gì, Cần không đáp, mà chụp lấy vai Vinh, rồi nói:

– Ủ, cậu có giỏi thì làm cái nầy. Tôi thách cậu đó. Cậu làm thế nào mà đùa thầy Mười Sáng cho anh em cười ngả nghiêng, ngả ngửa một bữa chơi. Cậu làm được thì tôi phục lẫn tài pha trò của cậu. Thầy Mười Sáng là người thế nào à? Cậu hỏi anh Bình thì rõ.

Nói xong, Cần hóm hỉnh cười, bụng nghĩ: “Phen này, thì cậu chết nhé! Làm thế nào mà đùa được con người đứng đắn ấy! Thế mới biết tài cậu chưa vững đâu nhé, cậu bé ơi, đừng có làm phách”.

Bình, vốn là một thanh niên rất thạo về tôn giáo, về các phong trào thần học.

Chính anh ta đã rủ anh em đến nhà thầy Mười Sáng hôm nay.

Thầy Mười Sáng! Cả bọn không ai biết rõ thầy ta, trừ Bình. Để trả lời câu hỏi chưa thốt ra, mà thế nào cũng phải có của Vinh, Bình kể:

– Thầy Mười Sáng, trước kia, có theo học ở một trường trung học công lập tại Sài Gòn. Không rõ, vì lẽ gì, thầy ta bị đuổi vào năm thứ ba. Trở về tỉnh nầy nghỉ vài năm, thầy ta đi làm khán hộ. Chính trong thời kỳ thầy làm khán hộ ấy, mà tôi được quen biết thầy. Thầy đọc sách nhiều lắm, biết rất nhiều việc và rất băn khoăn về nhiều vấn đề. Thầy thường gởi gắm với tôi: «Tôi không hoàn toàn tin nơi khoa học được, vì khoa học chưa giải quyết được những vấn đề lớn, cho đến những bí mật vừa vừa của thiên nhiên, mà nó còn chưa khám phá ra nổi. Lấy ngay một thí dụ, trong nghề của

tôi mà nói, cũng đủ thấy khoa học còn bối rối lắm. Bệnh truyền nhiễm, khoa học cho là do vi trùng gây ra. Vâng. Nhưng còn “dịch” của các bệnh truyền nhiễm? Ủ, con vi trùng nó truyền bệnh và lắm khi gây ra dịch. Nhưng trước khi có dịch, nó trốn ở đâu mà không tác hại? Mà vì sao, tác hại trong một thời gian, nó lại thôi? Ngày xưa, khi loài người chưa biết trừ dịch, dịch vẫn tự nhiên lui như thường, sau vài tháng hoành hành.

Thầy Mười làm khán hộ được ít năm rồi thôi, thí phát đi tu. Nghe nói là thầy ẩn tu ở núi nào đó đâu được ba năm, rồi hạ san, xuống Sài Gòn, xin giấy thông hành đi Ấn Độ. “Đi nghiên cứu đạo Phật tận gốc”, thầy nói thế với những người quen biết.

Cái năm ấy, thầy được hăm bảy tuổi, và năm nay về là năm lăm đúng.

– Thầy nghiên cứu được gì?

Số là thầy ta dốt về đạo Phật, không biết nguồn gốc đạo ở đâu, nên qua đến nơi rồi nghe người xúi biểu, thầy ta lên Tây Tạng.

– Tây Tạng không phải là nhao rún của đạo Phật à?

– Đâu có phải. Tây Tạng chỉ là một tôn phái của đạo Phật thôi.

– Nhưng biết đâu, tôn phái ấy không quan niệm đúng hơn bọn chánh thống.

– Đúng thế! Thành ra, đi lạc đường, mà thầy ta vẫn học được nhiều điều hay. Tôi rủ các anh lại thăm thầy ta hôm nay là để xem thầy biểu diễn phép lạ.

* * *

Thầy Mười Sáng sống biệt tịch trong một cái am nhỏ ở khu Bà Lụa, một ngoại ô tỉnh lỵ của tỉnh Bình Dương.

Am cất trên đồi, giữa một vườn cây cổ thụ sầm uất, trông xuống sông, nước xanh lơ, khiến khách viếng am không khỏi nghĩ đến những vãn am của đạo sĩ trong truyện Tàu nào.

Thầy Mười Sáng gầy khô đét như một ông lão bảy mươi. Tuy nhiên thầy ta vẫn nhanh nhẹn và có đôi mắt sáng quắc.

Chủ am tiếp khách rất niềm nở, chú ý đến từng người, cả đến cái cậu Vinh liếng thoảng làm huyền não am tiên kia, và làm bận rộn con người trầm lặng đã học đạo từ Tây Tạng huyền bí về.

Sau những câu khách sáo xã giao, bọn trẻ bàn về khoa học và tôn giáo. Thầy Mười nói:

– Khoa học sai be bét hết và còn dốt lắm. Tôi đã thấy tận mắt những thầy Fa-Kia bên Ấn Độ, tự chôn sống hàng tháng

mà không chết, tôi thấy họ đâm dao vào thịt mà không làm chảy máu; riêng ở Tây Tạng là nơi tu hành, những thầy tu tay mơ cũng có thể ngồi trần truồng trên tuyết hàng tuần, mà không bị cảm lạnh bao giờ. Thật là trái với những luật mà khoa học đã nêu ra.

– Thưa thầy, họ có phép tiên chắc?

– Đúng, họ luyện phép và chính tôi, cũng đã học được vài môn.

Đức nói:

– Hay đó cũng là khoa học; nhưng khác với khoa học của ta. Ta thử đặt tên khoa học của ta là khoa học A..., còn của họ là khoa học B. Cả hai đều đi tìm sự thật, mà đi hai nẻo khác nhau, ngày sau A và B sẽ gặp nhau chăng?

– Tôi không đáp được. Điều tôi biết chắc là họ và tôi đã làm được những điều

mà cái khoa học A của cậu cho là không được. Nể lời chú Bình, tôi biểu diễn phép tị hỏa cho các cậu xem.

Bây giờ, bọn khách trẻ mới hiểu được sự có mặt của cả một cái lò rèn giữa am thầy Mười.

Thầy Mười Sáng nhúm lửa ở đồng than, còn Bình thì bước lên ghế cao, cầm hai cây thụt ở ống bể mà thụt.

Hơi trong hai ống bể xình xịch bay ra, thổi văng lên những mảnh than nát. Mấy đóm lửa mới nhúm, nở to lần lần, ăn lẫn vào màu đen huyền của than. Màu lửa, ban đầu, xanh xanh, càng lớn khối, càng ngả sang màu hỏa hoàng và khi những lưỡi lửa chen than mà mọc lên, thì than đã nhuộm màu bạch chẳng.

Bình thụt không ngớt tay, lửa cháy đỏ rực khuôn bếp.

Thầy Mười Sáng mặc áo đạo sĩ màu lam có viền trắng ở các rìa. Thầy ta xắn tay áo lên một cách trịnh trọng, đoạn khom lưng, cúi mình trên bếp lửa, thọc tay vào đồng than cháy đỏ, chọn lấy một hòn than to nhứt và đang cháy tốt nhứt. Thầy ta làm công việc ấy dễ ợt như một cậu bé chọn kẹo. Thầy cầm hòn than đỏ giữa hai ngón tay, rồi đứng thẳng dậy, đặt nó vào giữa lòng bàn tay bên kia.

Bốn thanh niên và một thiếu nữ trở mặt nhìn. Họ hồi hộp đợi thầy Mười bị phỏng tay, phải vứt hòn than đỏ, đợi chờ cái ấy, mà cứ lo sợ nó xảy ra, rồi phải thất vọng. Có thể nào như thế được chẳng? Họ tự hỏi như vậy, rồi tự bảo rằng, thì ra phép tiên, phép mầu là điều có thật chứ không ngoa.

Hòn than trên tay của thầy Mười đã sậm màu đen, và một lớp tro trắng mỏng

đã bắt đầu bao bọc lấy nó. Thầy đạo sĩ nói:
“Nguội quá rồi!”

Rồi vút hòn than lên đồng lửa.

Bình mê xem biểu diễn, nên quên thụt
lửa, khiến thầy đạo sĩ phải nhắc:

– Chú thụt tiếp đi chứ!

Hai ống bễ lại bắt đầu thở khi khi và
đồng than bắt đầu đỏ rực trở lại.

Thầy Mười Sang bước vào đồng than
đang cháy, đi tới vài bước, đoạn đứng yên
một nơi.

Những lưỡi lửa cứ chờn vờn muốn tấp
lai quần của thầy Mười, vốn đã vén lên rồi,
khiến thầy lại phải vén ống lên thật cao.

Chị Nguyệt há miệng nhìn, mắt mở
tròn xoe. Trong không khí, phảng phất một
mùi huyền bí kỳ lạ, thật thật, hư hư, và thầy
đạo sĩ kia, có vẻ một ông Tiên từ thời Xuân

Thu hiện về. Năm khán giả trẻ tuổi nghe như mình đang lạc vào cõi tiên hay vào động quỉ. Thật là không thể tưởng tượng được.

Đứng trên than hồng được ước chừng năm phút, thầy Mười bước xuống, mỉm cười đắc thắng.

Bình ngừng thụt, thở ra một hơi dài và nói:

– Mỗi rưng hai tay!

Chị Nguyệt kính cẩn nhìn thầy Mười Sáng giây lâu, rồi hỏi:

– Thưa thầy thầy ăn ở dễ thương cách nào mà mấy ông thầy tu trên ấy truyền cho thầy phép lạ này?

– Những phép này không thể truyền mà được như bùa ngải. Phải bền công luyện tập mới đắc.

– Luyện tập à, thưa thầy? Không truyền được, mà phải luyện tập, là không phải phép huyền bí nữa rồi, mà là khoa học đó, khoa học B như tôi đã nói.

Đó là lời của Đức.

Thầy Mười Sáng suy nghĩ giây lát, rồi đáp:

– Có thể. Nhưng dấu sao khoa học của cậu cũng còn non lắm đối với khoa học huyền bí này.

– Đúng như vậy!

Chị Nguyệt phê.

Bỗng cậu Vinh lẩm lời kia, nãy giờ cứ làm thính, hỏi lên đột ngột:

– Dạ, thưa thầy...

Anh ta mới mở lời, mà bao nhiêu con mắt đều quay nhìn anh ta. Thấy gương mặt

ngây thơ một cách hóm hỉnh của Vinh, thản nhiên sắp hỏi một câu gì đó, họ đoán sẽ được cười.

Cần lo lắng kẻ nghịch của anh, lần này lại thắng nữa. Còn Bình thì hoảng hốt lên, sợ những câu pha trò của Vinh sẽ chọc giận người đáng kính là thầy Mười. Nhưng đã trễ quá rồi, không còn ngăn thẳng mặt địch Vinh kịp nữa.

Vinh ngây thơ tiếp hỏi:

– Dạ thưa thầy, không hay cái phép mầu này dùng để làm gì vậy a thầy?

Thầy Mười có vẻ bức mình lắm! Thầy suy nghĩ giây lâu, rồi đáp:

– Thí dụ như có đám cháy, tôi đã không hề gì, lại xông vào lửa để cứu những người còn kẹt trong nhà.

– Thưa thầy, thầy mất đến hăm tám

năm trời để làm được một công việc mà bất kỳ anh lính cứu hỏa nào cũng làm được, mà chỉ tốn có hai phút đồng hồ thôi. Trong hăm tám năm trời ấy, cái khoa học non nớt của chúng tôi đã tìm được bao nhiêu là thứ, mà những thứ ấy, truyền lại cho ai cũng được cả, miễn họ chịu bỏ ra chỉ vài năm thôi, để học tập.

Lần đầu tiên trong đời anh ta, con người nổi danh có tài hỏi vặn pha trò để chọc cười ấy, đã thất bại, vì không ai cười cả.

Thầy Mười Sáng trở mắt nhìn người khách có vẻ mặt ngây ngô, dần dần kia, nổi giận trong vài giây, rồi kinh sợ trong mấy phút.

Đoạn thầy ta ngồi phịch xuống đất, ôm đầu mà thở dài. Cả sáu người trong nhà đều im lặng, mỗi người có một ý nghĩ riêng về quan niệm của Vinh.

Lâu lắm, người ta mới nghe thầy Mười Sáng lắm lắm:

– Hăm tám năm! Hăm tám năm! Trời ơi, sự thật đến bạc đầu tôi tìm cũng chưa ra, mà cái phép mầu kia, luyện được sau một phần tư thế kỷ cố gắng, bỗng thấy là hoài công, phí sức lắm.

Bình bước tới, quỳ xuống trước mặt người đạo sĩ thất vọng để an ủi:

– Thưa thầy, không là hoàn toàn hoài công đâu, vì ít ra, điều ấy cũng giúp người khác thấy rõ là nẻo của khoa học B không phải là nẻo không nên theo.

– Không! Sụp đổ cả rồi, các cậu ơi! Cả một đời tôi, cả một đời bao nhiêu người khác, chúng tôi đã dùng nó làm gì? Chẳng qua là phung phí thì giờ và tâm trí như những kẻ trác táng kia!

16. ĐÔI BẠN MẮC HOA VÒNG

ĐÊM rằm tháng bảy này, trời đã không mưa Ngâu như thường năm mà lại còn nóng bức khó chịu.

Tuy thế, con đường Hòa Hưng vẫn vắng hoe: ở ngoại ô xa, người ta ngủ sớm như dưới tỉnh.

Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy về phía khám đường. Như giữa tròng rùng mà ánh đèn pha hay đuổi thú, ở đây, năm bảy con vật cũng phát nhảy vào lề cỏ.

Đó là những con chó đi húng mát ngoài đường. Chúng từng tam tụ ngũ nơi đó để tìm bạn, để yêu thương, để kể lể cho nhau nghe những câu chuyện chó của loài người mà chúng được mục kích, để cãi nhau, tranh nhau một nhơn tình và rất thường khi xâu xé nhau.

Thật là rậm rật như chó tháng bảy! Khi ánh đèn bật lên thì trên màn bạc tình cờ ấy, hiện ra nhiều trò chó má và khúc phim ngắn kia thật là kém mỹ tục thuần phong.

Từng cặp một, chúng thơ thẩn dưới ánh trăng mờ, chơi vơi trong nguồn ân bể ái. Lại có những anh chàng bị hất hủi, đứng bơ vơ tiu nghỉu; có những anh chàng đang lẻo đẻo theo một bóng hồng; có những cặp nhân tình như giận nhau, đứng cùng nhau mà mỗi người đang nhìn một ngả.

Lạ lắm là trong loài giống này, cái thiếu mà đực lại thừa. Cho nên đây đó vài trận

đánh nổi lên, ai cũng cả quyết tranh nhau người ngọc.

Dạ khách là dân tứ chiếng: chó ta, mực, vện, phèn chiếm đa số, nhưng cũng có những bécđê lai, kiêu hãnh nhưng quả không hùng dũng chút nào, những con chó vá, lai giống tám mươi đời vương, bé loắt choắt mà cứ làm bộ oai. Những con chó tây chánh hiệu mà me tây nào đó đã bỏ lại khi lui về vườn để hoàn lương, ốm tong teo vì thiếu u thịt bò, băng khuâng như nhớ thời oanh liệt.

Ở đây không phân chia giai cấp: chó ghẻ cũng lắm khi may mắn lọt vào mắt xanh của cô nàng, chó rụng lông vẫn ngồi trò chuyện được với chó xù, và cả con chó thọt cũng có bạn.

Những anh chàng gặp đêm xui xẻo chia nhau đi từng nhà mà rủ ren. Trong đó còn nhiều cô nàng khuê môn bất xuất: chủ

chúng nó không muốn chó họ đùm để con đại, càng không muốn chó họ trao thân một cách phiêu lưu để rồi để ra những tạp giống mà họ không thích.

Những cô nàng kín cổng cao tường này, đẹp thì không đẹp, nhưng chúng có sức quyến rũ của trái cấm. Thế nên nhiều anh chàng ràng mãi trước ngõ mấy nhà khép cửa phòng thu kia.

Ôi chao là khổ cho các nhà vô phúc này. Bên ngoài chàng kêu chàng hú, bên trong nàng hứ nàng hé suốt đêm.

Thật là rậm rật như chó tháng bảy!

Cái nhà khổ hơn hết là hiệu may Chúc Nữ «chuyên may y phục đàn bà» như tấm bảng trước đó đã nêu lên.

Hiệu may có che cái thảo bạt phía trước. Thảo bạt đóng bằng cửa song, trong ngoài thấy nhau được. Cổng không kín, tường

không cao, bọn nó dễ trao lời nhau và cứ xấn rấn trước nhà đó mà rậm rật.

Cô Tư, cô chủ, ban đầu còn la lấy lệ, mãi sau phải lấy củi phang ra bên ngoài và quát con Ma-Lên hết mấy roi.

Nhưng chứng nào tật nấy, bọn này cứ nội công ngoại kích, khó chịu quá đi thôi.

Cô Tư đành chịu thua, đi lại giường nằm đọc Liêu Trai để quên chúng nó. Cô tìm dấu đã đánh trên lễ tờ sách hồi nãy và đọc thấy con ma ấy đang lên trên lầu. Cô bỗng sực nhớ đến tên con chó của mình, nên mỉm cười.

Con Ma-Lên của cô không phải là ma, cũng không leo lên đâu cả. Đó là tiếng Pháp me Tây để nói Ma-Đơ-Lên (Madeleine).

Nguyên năm trước, ở xóm có một con mẹ, vợ săn đá, khách hàng khó chịu nhứt của cô; con mẹ tự xưng là Ma-Lên.

Cô Tư rất không ưa con mẹ ấy, nên đặt tên con chó như thế cho bỏ ghét.

Nhưng Ma-Lên bốn cẳng là bạn thân nhứt của Cô Tư. Tết năm ngoái cô về quê thấy nhà bên cạnh nhà ông ngoại cô, người ta toan đem cả một ổ chó con trấn nước cho chết. Động lòng thương, cô xin con chó tốt nhứt để nuôi.

Không phải chỉ thương chó chết đuối mà thôi đâu, cô thương vì thấy số phận con chó hơi tựa tựa số phận cô ở cái chỗ bị người đời hắt hủi một cách bất công.

Ở nhà quê, chó tháng giêng hay hóa dại, vì thời tiết nóng quá. Nhơn tháng ấy là tháng hoa vông trở, người ta lầm lẫn sự trùng phùng ấy với nguyên nhơn bệnh dại, nên gọi bệnh ấy là chứng mắc hoa vông. Chó lớn thì họ còn để sống vì còn cần, chó nhỏ mới đẻ là họ trấn nước chết hết kéo chúng nó mắc hoa vông mà khốn!

Cô Tư năm đó bốn mươi ba tuổi, tuổi Dần. Chỉ vì cái tuổi Dần báo hại ấy mà trai đời xa lánh cô, không sợ cô mắc hoa vòng mà sợ cô sát chồng, như trong sách nói.

Thuở còn trẻ, ở làng, cô cũng được nhiều người coi mắt. Nhưng không dám nào đi tới nữa cả, sau vụ coi thầy, coi tuổi.

Cô Tư không đẹp, nhưng có duyên, có giáo dục lại có của. Thế mà cô phải chịu nhìn năm tháng trôi đi, nhìn tuổi tác cô chồng chất lên mãi trong cảnh cô độc lẻ loi.

Cuộc kháng chiến đã đưa cô trôi nổi lên Sài Gòn mấy năm nay và cô càng cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết giữa đô thị đông đúc này.

Người con gái già, khi qua khỏi tuổi khó khăn bốn mươi, bỗng nghe thân thể và lòng bình thản lại. Cái rạo rức tuổi thơ chỉ còn là một ký ức xa xôi. Tuy nhiên bình

thản không có nghĩa là vui vẻ được.

Nếu không có Ma-Lên làm bạn, không rõ cô Tư sẽ buồn đến bậc nào. Ma-Lên sạch sẽ, ngoan ngoãn, Ma-Lên triu mến chủ, ít đi đâu.

Nhưng nó là con gái đang thì, lại không hấp thụ được cái giáo dục tiết chế của con gái loài người, nên nó bắt đầu để cho xác thịt làm chủ nó.

Cô Tư đọc tới chỗ chàng thư sinh vừa gác bút ngược lên thì thấy cô gái áo lam đứng trước mặt mình mà mỉm cười, thì bỗng nghe một tiếng «cảng», con Ma-Lên đã đánh ngã lọ trầu bà để trên bàn gần cửa song.

Cô tức lắm. Cúi xuống đất lượm chiếc guốc mà chọi nó. Ma-Lên hoảng sợ chạy vô riu riu nằm dưới chân giường.

Chủ nó nghiêm sắc mặt mà hỏi xằng:

– Vậy đó hả?

Chắc Ma-Lên chỉ hiểu một phần lời của chủ nó thôi, phần trách mắng tội đánh bể cái lọ. Phần kia, nó làm sao nhận thức được lý do chủ cấm đoán nó đi ra ngoài để yêu đương. Chính chủ nó cũng còn chưa hiểu. Nói đúng ra, cô Tư vẫn hiểu nhưng không muốn thú nhận. Những người xấu bụng, hay ganh tỵ trước hạnh phúc của kẻ khác. Cô Tư là người tốt. Nhưng rủi thay, cô lại là gái già. Thành ra cô vẫn xấu một chút xíu về chỗ đó. Trước kia, mỗi lần trang bạn đi lấy chồng, cô bỗng thấy hết thương người bạn đó. Lắm khi đâm ra ghét họ, và thỉnh linh tìm được những lỗi to lỗi nhỏ của họ lu bù.

Lâu rồi, cô quả không còn ghen tị với ai, vì bạn hữu cô đã thành bà nội, bà ngoại hết cả rồi. Nhưng con Ma-Lên đã đến trong đời cô. Cái ngày mà nó đi song song với con

chó Mốc trước nhà, cô lại ngậm ngùi nhớ lại tuổi xuân của mình, rồi như trẻ trở lại, cô cả quyết giữ nó, không cho nó «bị hoen ố». Phải, cô xem cái việc nó yêu đương là hoen ố thân nó.

Măng Ma-Lên xong, cô Tư lại tiếp tục đọc sách. Thừa cơ chủ lo ra, Ma-Lên đứng dậy, chạy vòng vòng quanh nhà như gà mắc đề. Ngoài kia mấy con chó hàng xóm vẫn đứng đó mà kêu «hụt... hụt... hụt».

Thấy dạng Ma-Lên trở ra, chúng nó áp tới xung phong vào cửa. Tiếng cào vào gỗ nghe sột sột, tiếng hụt, hạt càng phút càng to.

Bị phá rối giữa lúc ham mê câu chuyện, cô Tư lần này giận tràn hông.

Cô chạy mau ra ngoài, vặn khóa mở cửa để đuổi chó. Cô mở hé hé cửa thôi, rồi đứng chắn nơi đó. Nhưng Ma-Lên chen vào

hai chân cô, quyết vọt ra. Mưu toan bất ngờ của con chó khiến cô ngạc nhiên. Cô lấy hai chân kẹp cổ nó lại. Nó rần tới để vuột, mạnh quá tưởng tượng, như có ai đẩy phụ thêm ngoài sau. Nếu cô Tư không khép cửa kịp, thì chắc cô đã ngã sấp vì sức xô của con Ma-Lên. Đóng cửa xong, cô mệt thở hổn hển, đập một cái lên đầu Ma-Lên rồi đi vào giường.

Tuyệt vọng, Ma-Lên theo chủ đi vào. Lần này nó buồn hiu hiu, nằm gác mõm lên hai chân trước, ra vẻ nhẫn nại chịu số phận.

Cơn giận nguôi dần, cô Tư nhìn Ma-Lên rồi thương nó hơn bao giờ hết. Nó mới lớn lên, đầy dẫy sinh lực.

Tiếng gọi xác thịt mà nó nghe theo, tự nhiên quá, có gì bậy bạ đâu. Thế mà, tại sao nó lại phải bị bắt làm gái già? Đồng loại nó có lánh xa nó đâu, có coi tuổi coi thấy gì để

mà sợ nó đau. Thì tại làm sao bắt nó chịu số phận của một người không may dẻ vào năm Dần?

Cô Tư vói tay vuốt lên đầu Ma-Lên, Ma-Lên cảm động góc mồm liếm tay chủ, mắt nhìn cô Tư nói:

– Tôi không hiểu sao chủ cấm đoán tôi, nhưng dầu sao tôi vẫn thương chủ. Mà... buồn quá chủ ơi!

Cô Tư nghe văng vẳng ai hát:

Xưa kia ai cấm duyên bà

Bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.

Cô tiếp tục vuốt đầu con Ma-Lên mà không nhìn chó nữa; cô nhìn vào thửa cô hai mươi, xa lắm rồi. Ngậm ngùi thay một thời xuân đã mất! Khoa coi tuổi đã ngăn cô sống tự nhiên ngoài lễ giáo. Đời cô như còn vói như còn vói những nỗi niềm gì, nhưng

mà lại đây ử những uất khí nó xúi cô xử ác với con bạn mến thương hôm nay.

Cô Tư bỗng vụt ngồi dậy, do dự giây lát rồi đứng lên đi ra ngoài.

Ma-Lên cứ bình tĩnh nằm đó, an phận mà chủ đã định cho.

Cô Tư vặn khóa cái rột, mở cửa cái két. Chó bên ngoài hoảng sợ vệt ra.

Cô kêu:

– Ma-Lên! Ra đây.

Ma-Lên như không tin được tiếng kêu của chủ là thật. Nó ngóc đầu, dao dác nghe ngóng, đến chừng chủ kêu lần thứ nhì nó mới chắc bụng, nên uể oải bước ra.

Lần này nó không dám hấp tấp. Biết có được đi chăng?

Cô Tư vuốt lên đầu nó mà rằng:

– Đi chơi với chúng bạn cho vui!

Rồi phải xô nó ra nó mới chịu đi cho.

